

## DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ: I, năm học: 2025 - 2026

Học phần/Nhóm: **Độc - Viết B2.2**  
CBGD: **001138 - Nguyễn Minh Thành**  
Ngày thi: **14-12-2025** Ca thi: **7g30**  
Lớp: **EC25V1X1**

Mã học phần: **FL207**

Nhóm: **1E01**

Số tín chỉ: **3**

Điểm thi: **Đại học Cần Thơ**

Phòng thi: **108**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên                | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|--------------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | BL25V1X201 | NGUYỄN TÚ ANH            | EC25V1X1 | 19/11/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | DC25V1X204 | NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG     | EC25V1X1 | 20/02/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC25V1X214 | NGÔ TRIỆU ĐIỂM HUYỀN     | EC25V1X1 | 20/02/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 4   | DC25V1X216 | LÂM HỮU KHA              | EC25V1X1 | 13/08/2004 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | DC25V1X221 | NGUYỄN THỊ PHƯỢNG LIÊN   | EC25V1X1 | 03/02/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 6   | DC25V1X223 | HUỖNH THỊ LƯ             | EC25V1X1 | 17/09/1995 |             |              |              |           |         |        |
| 7   | DC25V1X226 | ĐỖ CHÍ NAM               | EC25V1X1 | 24/12/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 8   | DC25V1X231 | DƯƠNG THỊ YẾN NHI        | EC25V1X1 | 17/02/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 9   | DC25V1X241 | NGUYỄN ĐIỀN NGUYỆT THANH | EC25V1X1 | 24/10/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 10  | DC25V1X249 | TRẦN NGUYỄN MINH THƯ     | EC25V1X1 | 27/04/2004 |             |              |              |           |         |        |
| 11  | DC25V1X255 | LÊ NGUYỄN NGỌC TRÂN      | EC25V1X1 | 05/07/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 12  | DC25V1X261 | SƠN NGỌC UYÊN            | EC25V1X1 | 22/11/1996 |             |              |              |           |         |        |

Tổng số: 12 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....

Họ tên và chữ ký CBCT1:.....

Họ tên và chữ ký CBCT2:.....

Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....

Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi

## DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

**Học kỳ: I, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Độc - Viết B2.2**

Mã học phần: **FL207**

Nhóm: **1E02**

CBGD: **001138 - Nguyễn Minh Thành**

Số tín chỉ: **3**

Ngày thi: **14-12-2025** Ca thi: **7g30**

Điểm thi: **Đại học Cần Thơ**

Lớp: **ED24V1X9**

Phòng thi: **103**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên               | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|-------------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | FL24V1X903 | LỮ THIÊN PHÚC           | ED24V1X9 | 25/02/1986 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | FL24V1X905 | MAI NGỌC THỤY NHÂN      | ED24V1X9 | 21/01/1994 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | FL24V1X906 | ĐÌNH THY VÂN ANH        | ED24V1X9 | 29/05/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 4   | FL24V1X907 | PHẠM PHƯƠNG HIẾU        | ED24V1X9 | 11/06/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | FL24V1X911 | PHẠM LÊ HUYỀN TRANG     | ED24V1X9 | 28/03/1990 |             |              |              |           |         |        |
| 6   | FL24V1X914 | PHẠM THỊ KIM NGÂN       | ED24V1X9 | 02/07/1990 |             |              |              |           | CT      |        |
| 7   | FL24V1X915 | ĐỖ THU UYÊN             | ED24V1X9 | 20/08/1993 |             |              |              |           |         |        |
| 8   | FL24V1X916 | NGUYỄN THỊ MINH NGỌC    | ED24V1X9 | 15/10/1997 |             |              |              |           |         |        |
| 9   | FL24V1X918 | HUỲNH MINH TÍNH         | ED24V1X9 | 06/06/1994 |             |              |              |           |         |        |
| 10  | FL24V1X920 | HỒ NHỰT MINH            | ED24V1X9 | 13/08/1996 |             |              |              |           |         |        |
| 11  | FL24V1X921 | TRẦN HẢI THIÊN          | ED24V1X9 | 27/03/1998 |             |              |              |           |         |        |
| 12  | FL24V1X922 | VÕ THỊ QUẾ ANH          | ED24V1X9 | 30/05/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 13  | FL24V1X923 | NGUYỄN THỊ TRÀ MY       | ED24V1X9 | 05/09/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 14  | FL24V1X926 | NGUYỄN THỊ HẬU          | ED24V1X9 | 09/04/1998 |             |              |              |           |         |        |
| 15  | FL24V1X928 | LÊ THỊ CẨM HẰNG         | ED24V1X9 | 20/09/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 16  | FL24V1X931 | NGUYỄN QUÁCH NGỌC TUYÊN | ED24V1X9 | 27/08/1994 |             |              |              |           |         |        |
| 17  | FL24V1X932 | PHẠM LÊ HUYỀN TRÂN      | ED24V1X9 | 01/12/1992 |             |              |              |           |         |        |
| 18  | FL24V1X933 | ĐỖ NGỌC HOÀI THƯƠNG     | ED24V1X9 | 21/11/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 19  | FL24V1X934 | NGUYỄN THỊ MINH LÝ      | ED24V1X9 | 29/10/1988 |             |              |              |           |         |        |
| 20  | FL24V1X935 | LÂM THỊ ĐIỀU            | ED24V1X9 | 09/03/1986 |             |              |              |           |         |        |
| 21  | FL24V1X936 | THẠCH NGÔ NGUYỆT MINH   | ED24V1X9 | 04/11/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 22  | FL24V1X937 | VÕ THÀNH THÁI           | ED24V1X9 | 01/08/1983 |             |              |              |           |         |        |
| 23  | FL24V1X940 | NGUYỄN NHỰT BẰNG        | ED24V1X9 | 11/02/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 24  | FL24V1X941 | LÂM TRANG HOÀNG THANH   | ED24V1X9 | 19/09/1986 |             |              |              |           |         |        |
| 25  | FL24V1X942 | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LAN   | ED24V1X9 | 15/03/1994 |             |              |              |           |         |        |

*Tổng số: 25 thí sinh*

*Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT1:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT2:.....*

*Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....*

*Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi*



**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: I, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Độc - Viết B2.2**  
CBGD: **001138 - Nguyễn Minh Thành**  
Ngày thi: **14-12-2025**    Ca thi: **7g30**  
Lớp: **ED24V1X9**

Mã học phần: **FL207**  
Số tín chỉ: **3**  
Điểm thi: **Đại học Cần Thơ**  
Phòng thi: **102**

Nhóm: **1E02**

Trang 1/2

| Stt | MSSV       | Họ và tên              | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số<br>tờ/Mã<br>đề | Điểm<br>giữa<br>kỳ | Điểm<br>cuối<br>kỳ | Điểm<br>tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|------------------------|----------|------------|-------------------|--------------------|--------------------|--------------|---------|--------|
| 1   | DC23V1X826 | NGUYỄN TRẦN MÃN        | ED23V1X3 | 02/01/1986 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 2   | DC24V1X047 | VŨ THÙY DƯƠNG          | ED24V1X9 | 11/10/1982 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 3   | DC24V1X180 | CHÂU NGỌC TRẦN         | EC24V1X2 | 19/07/1998 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 4   | DC24V1X433 | TRẦN NGỌC ANH          | ED24V1X2 | 09/10/2001 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 5   | DC24V1X821 | TRƯƠNG THỊ BÍCH LIÊN   | ED24V1X9 | 08/01/1982 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 6   | DC24V1X822 | NGUYỄN THỊ KIM HÀ      | ED24V1X9 | 10/06/1982 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 7   | DC24V1X823 | TRƯƠNG PHƯƠNG LINH     | ED24V1X9 | 14/03/1991 |                   |                    |                    |              | CT      |        |
| 8   | DC24V1X959 | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG NGHI | ED24V1X9 | 23/06/1998 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 9   | DC24V1X961 | PHẠM ĐIỂM MY           | ED24V1X9 | 18/11/2002 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 10  | DC24V1X963 | BÙI KIM TRANG          | ED24V1X9 | 19/09/1998 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 11  | DC24V1X964 | NGUYỄN HUỆ NHÀN        | ED24V1X9 | 20/01/2000 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 12  | DC24V1X965 | DƯƠNG TRỌNG TÍN        | ED24V1X9 | 09/02/1991 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 13  | DC24V1X967 | NGUYỄN NGỌC HÂN        | ED24V1X9 | 20/12/2000 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 14  | DC24V1X968 | VÕ NHƯ QUỲNH           | ED24V1X9 | 04/12/2001 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 15  | DC24V1X969 | LÊ QUỐC TRỰC           | ED24V1X9 | 19/03/2001 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 16  | DC24V1X970 | ĐOÀN THỊ THÙY HIÊN     | ED24V1X9 | 18/11/1998 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 17  | DC24V1X971 | NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC   | ED24V1X9 | 27/02/1990 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 18  | DC24V1X972 | NGUYỄN THỊ CẨM TÚ      | ED24V1X9 | 07/07/1985 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 19  | DC24V1X974 | NGUYỄN QUỐC HUY        | ED24V1X9 | 21/02/2002 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 20  | DC24V1X977 | PHẠM PHƯỚC TOÀN        | ED24V1X9 | 18/04/2001 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 21  | DC24V1X979 | DƯƠNG HOÀI GIAO HÀ     | ED24V1X9 | 11/08/1984 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 22  | DC24V1X981 | PHAN THỊ XA ĐÉT HAI    | ED24V1X9 | 03/09/2002 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 23  | DC24V1X982 | TRƯƠNG THẢO NGỌC       | ED24V1X9 | 25/02/1994 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 24  | DC24V1X983 | LÊ THỊ CẨM EM          | ED24V1X9 | 09/08/1993 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 25  | DC24V1X984 | TRẦN THỊ DIỄM HẰNG     | ED24V1X9 | 06/05/1991 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 26  | DC24V1X985 | NGUYỄN THỊ BÍCH THIÊN  | ED24V1X9 | 15/04/1988 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 27  | DC24V1X987 | HUỲNH LÊ XUÂN ÁI       | ED24V1X9 | 14/11/2001 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 28  | DC24V1X988 | LÊ ĐỨC LƯU             | ED24V1X9 | 23/10/1999 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 29  | DC24V1X989 | MAI THỊ THANH TRÚC     | ED24V1X9 | 15/03/1985 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 30  | DC24V1X990 | NGÔ CHÍ QUANG          | ED24V1X9 | 11/12/1995 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 31  | DC24V1X993 | TRẦN MỸ NGỌC           | ED24V1X9 | 21/12/1995 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 32  | DC24V1X995 | PHẠM THỊ BÍCH          | ED24V1X9 | 10/04/1995 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 33  | DC24V1X997 | HÀ THỊ THÙY DƯƠNG      | ED24V1X9 | 05/12/1984 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 34  | DC24V1X998 | NGUYỄN VĂN NHẤT NAM    | ED24V1X9 | 10/11/2001 |                   |                    |                    |              |         |        |

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ: I, năm học: 2025 - 2026

Học phần/Nhóm: **Độc - Viết B2.2**

Mã học phần: **FL207**

Nhóm: **1E02**

CBGD: **001138 - Nguyễn Minh Thành**

Số tín chỉ: **3**

Ngày thi: **14-12-2025** Ca thi: **7g30**

Điểm thi: **Đại học Cần Thơ**

Lớp: **ED24V1X9**

Phòng thi: **102**

Trang 2/2

| Stt | MSSV       | Họ và tên         | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|-------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 35  | DC24V1X999 | LÂM THỊ QUỲNH NHƯ | ED24V1X9 | 10/05/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 36  | FL24V1X901 | NGUYỄN THANH THẢO | ED24V1X9 | 06/06/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 37  | FL24V1X902 | TRẦN THỊ THOẠI MỸ | ED24V1X9 | 23/07/1998 |             |              |              |           |         |        |

Tổng số: 37 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....

Họ tên và chữ ký CBCT1:.....

Họ tên và chữ ký CBCT2:.....

Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....

Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: I, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Độc - Viết B2.2**

Mã học phần: **FL207**

Nhóm: **1E03**

CBGD: **001138 - Nguyễn Minh Thành**

Số tín chỉ: **3**

Ngày thi: **14-12-2025** Ca thi: **7g30**

Điểm thi: **Đại học Cần Thơ**

Lớp: **ED24V1XX**

Phòng thi: **104**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên                      | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|--------------------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC24V1X949 | NGUYỄN ÁNH PHÚC                | EP24V1X3 | 19/01/2005 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | DC24V1X950 | NGUYỄN VIỆT TUYẾT QUUYÊN CHIÊU | EP24V1X3 | 16/06/2004 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC24V1X952 | LÝ CHÂU GIA KHANG              | EP24V1X3 | 25/09/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 4   | DC24V1X955 | PHẠM THỊ ÁNH DƯƠNG             | EP24V1X3 | 16/09/2004 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | DC24V1X956 | VÕ HUỖNH ANH                   | EP24V1X3 | 28/02/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 6   | FL24V1X955 | NGUYỄN THỊ MAI ANH             | ED24V1XX | 06/11/1993 |             |              |              |           |         |        |

*Tổng số: 6 thí sinh*

*Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT1:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT2:.....*

*Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....*

*Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi*

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: I, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Luật hình sự phần riêng**

Mã học phần: **KL119**

Nhóm: **1E01**

CBGD: **002589 - Nguyễn Văn Tròn**

Số tín chỉ: **2**

Ngày thi: **14-12-2025** Ca thi: **7g30**

Điểm thi: **Đại học Cần Thơ**

Lớp: **ED2532X1**

Phòng thi: **105**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên         | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|-------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC2232X605 | TỔNG HOÀNG KIÊN   | ET2232X3 | 26/10/2004 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | DC2332X260 | PHẠM THANH QUỲNH  | EP2332X2 | 14/03/2004 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC2432X783 | NGUYỄN QUỐC THÁI  | EP2432X4 | 18/08/1995 |             |              |              |           |         |        |
| 4   | DC2432X908 | TRẦN HOÀNG ANH    | ED2432X4 | 23/08/1996 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | DC2432X910 | TRẦN QUỐC ANH     | ED2432X4 | 04/03/1994 |             |              |              |           |         |        |
| 6   | DC2432X930 | VÕ TRẦN ĐĂNG KHOA | ED2432X4 | 13/02/1991 |             |              |              |           |         |        |
| 7   | DC2432X933 | CAO PHI YẾN LINH  | ED2432X4 | 23/09/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 8   | DC2432X939 | VÕ THỊ THU MỸ     | ED2432X4 | 28/08/1995 |             |              |              |           |         |        |
| 9   | DC2432X941 | LÊ HOÀNG NAM      | ED2432X4 | 01/01/1986 |             |              |              |           |         |        |
| 10  | DC2432X945 | DUỖNG HẠNH NGUYỄN | ED2432X4 | 25/06/1984 |             |              |              |           |         |        |
| 11  | DC2432X973 | LƯU HẠO VÂN       | ED2432X4 | 07/01/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 12  | DC2532X417 | TRẦN HẠNH TIÊN    | ED2532X1 | 16/03/1997 |             |              |              |           |         |        |

*Tổng số: 12 thí sinh*

*Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT1:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT2:.....*

*Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....*

*Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi*

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: I, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Tư pháp quốc tế**  
CBGD: **002090 - Bùi Thị Mỹ Hương**  
Ngày thi: **14-12-2025** Ca thi: **7g30**  
Lớp: **ET2232X2**

Mã học phần: **KL376**  
Số tín chỉ: **3**  
Điểm thi: **Đại học Cần Thơ**  
Phòng thi: **109**

Nhóm: **1E01**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên             | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|-----------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC2332X010 | HUỖNH TRÍ HIỂU        | ET2332X1 | 19/02/1996 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | DC2432X157 | DƯƠNG TỬ THIÊN        | EP2432X2 | 17/03/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC2432X164 | DƯƠNG CÔNG ĐÌNH       | EP2432X2 | 20/10/1985 |             |              |              |           |         |        |
| 4   | DC2432X188 | PHẠM LÊ TÀI           | EP2432X2 | 30/10/2005 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | DC2432X479 | NGUYỄN KHÁNH DUY      | ED2432X2 | 04/09/1986 |             |              |              |           |         |        |
| 6   | DC2432X490 | NGUYỄN HOÀNG HIỀN     | ED2432X2 | 22/11/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 7   | DC2432X491 | NGUYỄN TRUNG HIỂU     | ED2432X2 | 03/02/1981 |             |              |              |           |         |        |
| 8   | DC2432X493 | HÀ MINH QUANG HUY     | ED2432X2 | 25/09/1980 |             |              |              |           |         |        |
| 9   | DC2432X497 | TRẦN MINH KHOA        | ED2432X2 | 29/10/1992 |             |              |              |           | CT      |        |
| 10  | DC2432X502 | NGUYỄN HỒNG LOAN      | ED2432X2 | 12/12/1980 |             |              |              |           |         |        |
| 11  | DC2432X504 | CAO NGỌC KIM LÝ       | ED2432X2 | 18/09/1994 |             |              |              |           |         |        |
| 12  | DC2432X509 | TẠ MINH NGHĨA         | ED2432X2 | 01/01/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 13  | DC2432X515 | MAI DUY PHÁT          | ED2432X2 | 13/07/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 14  | DC2432X525 | VÕ THIÊN TIỀN         | ED2432X2 | 25/06/1997 |             |              |              |           |         |        |
| 15  | DC2432X530 | LÊ THÙY NGỌC TRÚC     | ED2432X2 | 01/07/1995 |             |              |              |           |         |        |
| 16  | DC2432X531 | NGUYỄN THỊ HUỖNH TRÚC | ED2432X2 | 11/04/1986 |             |              |              |           |         |        |
| 17  | DC2432X545 | LÊ KIM ĐÌNH           | ED2432X2 | 28/08/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 18  | DC2432X570 | TRẦN HOÀNG MINH       | ED2432X2 | 18/06/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 19  | DC2432X571 | LÊ THỊ THÙY NGÂN      | ED2432X2 | 05/09/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 20  | DC2432X580 | NGUYỄN HUỖNH NHƯ      | ED2432X2 | 13/09/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 21  | DC2432X581 | NGUYỄN HÀ TẤN PHÁT    | ED2432X2 | 31/10/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 22  | DC2432X595 | PHẠM THỊ THƠ          | ED2432X2 | 06/07/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 23  | DC2432X604 | VÕ NGỌC TIỀN          | ED2432X2 | 19/03/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 24  | DC2432X607 | LÊ BẢO TRẦN           | ED2432X2 | 03/02/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 25  | DC2432X611 | DƯƠNG THANH TÙNG      | ED2432X2 | 14/12/1990 |             |              |              |           |         |        |
| 26  | DC2432X632 | TRẦN TUẤN KHANH       | ED2432X2 | 16/01/2003 |             |              |              |           | CT      |        |
| 27  | LK2232X348 | TRƯỜNG NGUYỄN THẾ VĂN | ET2232X2 | 20/02/2000 |             |              |              |           | CT      |        |

*Tổng số: 27 thí sinh*

*Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT1:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT2:.....*

*Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....*

*Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi*

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: I, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Kinh tế lượng**  
CBGD: **001870 - Bùi Thị Kim Thanh**  
Ngày thi: **14-12-2025** Ca thi: **7g30**  
Lớp: **ED2521X1**

Mã học phần: **KT113**  
Số tín chỉ: **3**  
Điểm thi: **Đại học Cần Thơ**  
Phòng thi: **102**

Nhóm: **1E01**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên          | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|--------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC2521X218 | LÊ TRẦN MINH THIÊN | EC2521X1 | 28/09/1998 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | DC2521X312 | VÕ ĐĂNG KHOA       | ED2521X1 | 05/12/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC2521X338 | LÝ KIM Ý           | ED2521X1 | 20/02/1999 |             |              |              |           |         |        |

*Tổng số: 3 thí sinh*

*Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT1:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT2:.....*

*Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....*

*Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi*

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: I, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Phương pháp nghiên cứu trong Kế toán - Kiểm toán**

Mã học phần: **KT126**

Nhóm: **1E01**

CBGD: **001539 - Lê Phước Hương**

Số tín chỉ: **2**

Ngày thi: **14-12-2025** Ca thi: **7g30**

Điểm thi: **Đại học Cần Thơ**

Lớp: **ED2520X1**

Phòng thi: **105**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên            | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|----------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC2420X002 | NGUYỄN THỊ THÚY LOAN | EP2420X1 | 17/12/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | DC2420X003 | NGUYỄN HOÀNG OANH    | EP2420X1 | 13/03/2004 |             |              |              |           | CT      |        |
| 3   | DC2420X020 | PHẠM KIỀU DIỄM       | EP2420X1 | 15/02/1991 |             |              |              |           |         |        |
| 4   | DC2420X301 | HUỖNH NAM ANH        | ED2420X1 | 07/03/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | DC2420X306 | BÙI THỊ ĐA NA        | ED2420X1 | 25/02/1998 |             |              |              |           |         |        |
| 6   | DC2420X340 | DƯƠNG HỒNG HON       | ED2420X1 | 15/02/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 7   | DC2420X354 | NGUYỄN THỊ VÂN THANH | ED2420X1 | 30/12/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 8   | DC2420X356 | HUỖNH THỊ KIM THẢO   | ED2420X1 | 12/07/1992 |             |              |              |           |         |        |
| 9   | DC2420X360 | NGUYỄN HIỀN TRUNG    | ED2420X1 | 05/05/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 10  | DC2520X310 | DƯƠNG THỊ MỸ LOAN    | ED2520X1 | 01/03/1992 |             |              |              |           |         |        |

*Tổng số: 10 thí sinh*

*Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT1:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT2:.....*

*Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....*

*Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi*

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: I, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Quản trị rủi ro trong kinh doanh**

Mã học phần: **KT286**

Nhóm: **1E01**

CBGD: **002597 - Nguyễn Minh Cảnh**

Số tín chỉ: **3**

Ngày thi: **14-12-2025** Ca thi: **7g30**

Điểm thi: **Đại học Cần Thơ**

Lớp: **EP2222X1**

Phòng thi: **109**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên             | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|-----------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC2222X260 | ĐINH TƯỜNG VY         | ED2222X1 | 21/04/1999 |             |              |              |           | CT      |        |
| 2   | DC2422X003 | TRẦN LÊ NHỰT ANH      | EP2422X1 | 28/06/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC2422X008 | NGUYỄN THỊ THÚY DUY   | EP2422X1 | 09/05/1997 |             |              |              |           |         |        |
| 4   | DC2422X012 | NGUYỄN TRỌNG HIẾU     | EP2422X1 | 15/12/1996 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | DC2422X014 | PHÙNG THỊ KIM LIÊN    | EP2422X1 | 12/09/1979 |             |              |              |           |         |        |
| 6   | DC2422X023 | ĐUỜNG THỊ MINH THƯ    | EP2422X1 | 09/03/2005 |             |              |              |           |         |        |
| 7   | DC2422X028 | DANH NGUYỄN CẨM TÚ    | EP2422X1 | 24/03/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 8   | DC2422X039 | PHẠM THANH TÂN        | EP2422X1 | 26/12/1994 |             |              |              |           |         |        |
| 9   | DC2422X041 | TÙ TRÚC VY            | EP2422X1 | 15/01/1989 |             |              |              |           |         |        |
| 10  | DC2422X101 | NGÔ NGỌC GIÀO         | ET2422X1 | 16/03/1986 |             |              |              |           |         |        |
| 11  | DC2422X102 | NGUYỄN VŨ MINH LONG   | ET2422X1 | 22/02/1988 |             |              |              |           |         |        |
| 12  | DC2422X104 | TRẦN NGUYỄN TRUNG     | ET2422X1 | 29/05/1995 |             |              |              |           |         |        |
| 13  | DC2422X215 | NGUYỄN KIỀU TRANG     | ED2422X1 | 17/08/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 14  | DC2422X302 | TRẦN THỊ DIỄM         | ED2422X1 | 18/09/1997 |             |              |              |           |         |        |
| 15  | DC2422X307 | LÊ MINH KHÔI          | ED2422X1 | 11/11/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 16  | DC2422X312 | NGUYỄN THỊ THANH TRÚC | ED2422X1 | 19/10/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 17  | DC2422X314 | HUỲNH QUỐC VINH       | ED2422X1 | 25/03/2000 |             |              |              |           | CT      |        |
| 18  | DC2422X315 | TRẦN PHƯƠNG HOÀNG AN  | ED2422X1 | 11/11/1994 |             |              |              |           |         |        |
| 19  | DC2422X316 | PHẠM VĂN CƯỜNG        | ED2422X1 | 10/10/1986 |             |              |              |           |         |        |
| 20  | DC2422X319 | NGUYỄN TUẤN KIẾT      | ED2422X1 | 24/12/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 21  | DC2422X349 | NGUYỄN NGỌC MINH SƠN  | ED2422X1 | 12/09/1992 |             |              |              |           |         |        |
| 22  | DC2422X354 | VÕ TRẦN UYÊN VY       | ED2422X1 | 17/05/1998 |             |              |              |           |         |        |
| 23  | KT2122X398 | PHAN VÕ THU PHƯƠNG    | EP2422X1 | 28/11/1997 |             |              |              |           |         |        |
| 24  | KT2222X319 | TRẦN LÂM QUỐC BẢO     | EP2222X1 | 15/09/1997 |             |              |              |           |         |        |

*Tổng số: 24 thí sinh*

*Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT1:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT2:.....*

*Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....*

*Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thi được vào phòng thi*

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: I, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Thuế**  
CBGD: **001281 - Nguyễn Thị Kim Phụng**  
Ngày thi: **14-12-2025**    Ca thi: **7g30**  
Lớp: **EC2520X1**

Mã học phần: **KT330**  
Số tín chỉ: **3**  
Điểm thi: **Đại học Cần Thơ**  
Phòng thi: **108**

Nhóm: **1E01**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên           | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|---------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC2420X504 | PHAN PHƯƠNG YẾN NHI | EP2420X3 | 27/08/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | DC2420X506 | LÊ HOÀNG OANH       | EP2420X3 | 17/07/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC2420X603 | NGUYỄN PHƯƠNG KHANH | ET2420X3 | 09/12/1997 |             |              |              |           |         |        |
| 4   | DC2420X627 | BÙI THỊ XUÂN THẢO   | ET2420X3 | 29/04/1977 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | DC2420X800 | LUU DUYỆT AN        | ED2420X3 | 17/06/1996 |             |              |              |           |         |        |
| 6   | DC2420X823 | TRẦN MINH THÀNH     | ED2420X3 | 08/06/1985 |             |              |              |           |         |        |
| 7   | DC2520X217 | HỒ THỊ CẨM TIỀN     | EC2520X1 | 31/08/1992 |             |              |              |           |         |        |

Tổng số: 7 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....

Họ tên và chữ ký CBCT1:.....

Họ tên và chữ ký CBCT2:.....

Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....

Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: I, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Quản trị thương hiệu**  
CBGD: **002501 - Nguyễn Thị Bảo Châu**  
Ngày thi: **14-12-2025** Ca thi: **7g30**  
Lớp: **EC2422X3**

Mã học phần: **KT361**  
Số tín chỉ: **3**  
Điểm thi: **Đại học Cần Thơ**  
Phòng thi: **101**

Nhóm: **1E01**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên            | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|----------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC2122X738 | NGUYỄN HOÀNG KHANG   | EF2122X2 | 05/12/1997 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | DC2420X152 | TRẦN MỘNG CƠ         | ET2422X2 | 28/05/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC2422X056 | LÊ HUỲNH NGỌC HÂN    | EP2422X2 | 17/09/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 4   | DC2422X057 | NGUYỄN MINH HIẾU     | EP2422X2 | 18/11/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | DC2422X066 | NGUYỄN NGỌC QUẾ TRẦN | EP2422X2 | 03/04/1995 |             |              |              |           |         |        |
| 6   | DC2422X068 | TRƯƠNG QUANG TRƯỜNG  | EP2422X2 | 06/02/2004 |             |              |              |           |         |        |
| 7   | DC2422X070 | NGUYỄN TƯỜNG VI      | EP2422X2 | 22/10/1988 |             |              |              |           |         |        |
| 8   | DC2422X073 | NGUYỄN VĂN TRÚC      | EP2422X2 | 11/12/1990 |             |              |              |           |         |        |
| 9   | DC2422X081 | NGUYỄN HỒNG LOAN     | EP2422X2 | 01/03/1998 |             |              |              |           |         |        |
| 10  | DC2422X088 | ĐẶNG NGỌC TRÂM       | EP2422X2 | 09/06/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 11  | DC2422X095 | TRẦN THỊ THUỶ MỸ     | EP2422X2 | 18/10/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 12  | DC2422X097 | NGUYỄN HỒNG THẢO     | EP2422X2 | 04/10/2005 |             |              |              |           |         |        |
| 13  | DC2422X121 | TRẦN SĨ MINH         | ET2422X2 | 06/11/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 14  | DC2422X124 | VÕ THỊ TÚ QUYÊN      | ET2422X2 | 02/05/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 15  | DC2422X126 | TRẦN LÊ MINH THƯ     | ET2422X2 | 19/05/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 16  | DC2422X137 | TRẦN TUẤN ANH        | ET2422X2 | 08/04/1992 |             |              |              |           |         |        |
| 17  | DC2422X139 | ĐẶNG GIA HY          | ET2422X2 | 21/12/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 18  | DC2422X362 | NGUYỄN THÀNH HUẤN    | ED2422X2 | 17/05/1992 |             |              |              |           |         |        |
| 19  | DC2422X377 | THÂN THÀNH LUÂN      | ED2422X2 | 13/05/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 20  | DC2422X384 | PHẠM THỊ NHƯ Ý       | ED2422X2 | 16/02/1996 |             |              |              |           |         |        |
| 21  | DC2422X414 | NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG | EP2422X3 | 16/07/1995 |             |              |              |           |         |        |
| 22  | DC2422X600 | BÙI VĂN CHẮC         | EC2422X3 | 20/01/1990 |             |              |              |           |         |        |
| 23  | DC2422X605 | THỊ CHÚC LY          | EC2422X3 | 29/06/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 24  | DC2422X613 | PHẠM THỊ ANH THƯ     | EC2422X3 | 19/04/1996 |             |              |              |           |         |        |
| 25  | DC2422X616 | NGUYỄN THANH TRUNG   | EC2422X3 | 02/05/1993 |             |              |              |           |         |        |

*Tổng số: 25 thí sinh*

*Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT1:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT2:.....*

*Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....*

*Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi*



DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ: I, năm học: 2025 - 2026

Học phần/Nhóm: Thức ăn gia súc

Mã học phần: NN107

Nhóm: 1E01

CBGD: 002477 - Nguyễn Thiết

Số tín chỉ: 2

Ngày thi: 14-12-2025 Ca thi: 7g30

Điểm thi: Đại học Cần Thơ

Lớp: ED2467X1

Phòng thi: 102

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên           | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|---------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC2367X312 | HUỲNH THỊ NGỌC CHÂU | ED2467X1 | 10/02/1973 |             |              |              |           | CT      |        |
| 2   | DC2467X304 | NGUYỄN PHỦ DU       | ED2467X1 | 13/07/1996 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC2467X306 | ĐỖ THỊ NGỌC HÂN     | ED2467X1 | 01/01/1987 |             |              |              |           |         |        |

Tổng số: 3 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....

Họ tên và chữ ký CBCT1:.....

Họ tên và chữ ký CBCT2:.....

Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....

Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: I, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Sinh lý bệnh thú y**  
CBGD: **002430 - Huỳnh Ngọc Trang**  
Ngày thi: **14-12-2025** Ca thi: **7g30**  
Lớp: **EC2567X1**

Mã học phần: **NN174**  
Số tín chỉ: **2**  
Điểm thi: **Đại học Cần Thơ**  
Phòng thi: **104**

Nhóm: **1E01**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên           | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|---------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC2567X117 | NGUYỄN DUY TÂN      | ET2567X1 | 16/04/1997 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | DC2567X118 | NGUYỄN HỮU THỜI     | ET2567X1 | 26/10/1985 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC2567X202 | THIỆU NGỌC VÂN ANH  | EC2567X1 | 20/04/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 4   | DC2567X206 | NGUYỄN THÀNH CÔNG   | EC2567X1 | 01/01/1993 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | DC2567X210 | THẠCH BẢO DUY       | EC2567X1 | 30/03/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 6   | DC2567X216 | NGUYỄN TRUNG HIẾU   | EC2567X1 | 23/02/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 7   | DC2567X217 | PHẠM THANH HIẾU     | EC2567X1 | 01/02/1991 |             |              |              |           |         |        |
| 8   | DC2567X218 | VŨ TRẦN TRUNG HIẾU  | EC2567X1 | 09/12/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 9   | DC2567X226 | HUỲNH THỊ HUẾ HƯƠNG | EC2567X1 | 15/12/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 10  | DC2567X229 | MAI TRÚC LINH       | EC2567X1 | 20/02/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 11  | DC2567X232 | LÂM THỊ ÁNH LOAN    | EC2567X1 | 27/10/1996 |             |              |              |           |         |        |
| 12  | DC2567X241 | TRẦN YẾN NHI        | EC2567X1 | 01/01/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 13  | DC2567X242 | NGUYỄN HOÀNG PHONG  | EC2567X1 | 19/08/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 14  | DC2567X258 | NGUYỄN THỊ MỸ TRÂM  | EC2567X1 | 07/08/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 15  | DC2567X260 | NGUYỄN PHÁT TRIỂN   | EC2567X1 | 24/07/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 16  | DC2567X262 | LÊ NHỰT TRƯỜNG      | EC2567X1 | 27/04/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 17  | DC2567X302 | NGUYỄN BẢO CHẤN     | ED2567X1 | 17/09/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 18  | DC2567X303 | DIỆP LÊ ĐĂNG DUYÊN  | ED2567X1 | 22/06/1979 |             |              |              |           |         |        |
| 19  | DC2567X305 | VŨ NGUYỄN HOÀNG     | ED2567X1 | 14/08/1998 |             |              |              |           |         |        |
| 20  | DC2567X315 | DƯƠNG HUỲNH NHƯ     | ED2567X1 | 23/04/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 21  | ST2567X204 | KIM SÀ RÂY BÁT      | EC2567X1 | 05/05/1997 |             |              |              |           | CT      |        |

Tổng số: 21 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....

Họ tên và chữ ký CBCT1:.....

Họ tên và chữ ký CBCT2:.....

Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....

Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: I, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Côn trùng đại cương**

Mã học phần: **NN178**

Nhóm: **1E01**

CBGD: **002143 - Lê Văn Vàng**

Số tín chỉ: **3**

Ngày thi: **14-12-2025** Ca thi: **7g30**

Điểm thi: **Đại học Cần Thơ**

Lớp: **ED2573X2**

Phòng thi: **101**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên            | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|----------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC2573X015 | CHÂU THỊ NHƯ Ý       | EC2573X2 | 26/10/2004 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | DC2573X102 | LÊ HÒA HÙNG          | ED2573X2 | 02/01/1992 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC2573X105 | NGUYỄN VĂN NGHĨA     | ED2573X2 | 03/05/1996 |             |              |              |           |         |        |
| 4   | DC2573X107 | VĂN BÁ VÕ            | ED2573X2 | 06/09/1992 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | DC2573X110 | NGUYỄN NGỌC MINH ANH | ED2573X2 | 23/12/1996 |             |              |              |           |         |        |
| 6   | DC2573X111 | TRẦN NGUYỄN NGỌC ANH | ED2573X2 | 03/02/1998 |             |              |              |           |         |        |
| 7   | DC2573X117 | UNG PHI HỌC          | ED2573X2 | 30/11/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 8   | DC2573X118 | ĐỖ VĂN HỘI           | ED2573X2 | 01/01/1995 |             |              |              |           |         |        |
| 9   | DC2573X119 | ĐẶNG ĐÌNH HUY        | ED2573X2 | 28/03/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 10  | DC2573X125 | VÕ PHÚC LỄ           | ED2573X2 | 08/09/1978 |             |              |              |           |         |        |
| 11  | DC2573X126 | LÊ THỊ THẢO NGÂN     | ED2573X2 | 20/02/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 12  | DC2573X134 | NGUYỄN THỊ CẨM THI   | ED2573X2 | 15/05/1987 |             |              |              |           |         |        |
| 13  | DC2573X136 | NGUYỄN MINH THƯƠNG   | ED2573X2 | 19/04/1990 |             |              |              |           |         |        |
| 14  | NA2573X121 | ĐOÀN DUY KHÁNH       | ED2573X2 | 28/05/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 15  | NS2573X113 | ĐOÀN THỊ DIỄM        | ED2573X2 | 17/12/1982 |             |              |              |           |         |        |
| 16  | ST2573X104 | LÂM MINH NGHĨA       | ED2573X2 | 03/01/1992 |             |              |              |           |         |        |

*Tổng số: 16 thí sinh*

*Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT1:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT2:.....*

*Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....*

*Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi*

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: I, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Nông nghiệp sạch và bền vững**

Mã học phần: **NN286**

Nhóm: **1E01**

CBGD: **002418 - Châu Thị Anh Thy**

Số tín chỉ: **2**

Ngày thi: **14-12-2025** Ca thi: **7g30**

Điểm thi: **Đại học Cần Thơ**

Lớp: **ED2373X2**

Phòng thi: **108**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên             | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|-----------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC2373X009 | TĂNG ANH KIỆT         | EP2373X2 | 30/10/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | DC2373X106 | ĐỖ KIM NGỌC           | ET2373X2 | 21/02/1989 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC2373X110 | LÊ QUANG TRỌNG        | ET2373X2 | 30/12/1998 |             |              |              |           |         |        |
| 4   | DC2373X116 | NGUYỄN THỊ BÍCH HIỀN  | ET2373X2 | 01/01/1982 |             |              |              |           | CT      |        |
| 5   | DC2373X124 | NGUYỄN THỊ KIM NGÂN   | ET2373X2 | 06/02/1987 |             |              |              |           |         |        |
| 6   | DC2373X125 | TRƯƠNG MINH NHIỆM     | ET2373X2 | 18/02/1991 |             |              |              |           |         |        |
| 7   | DC2373X203 | HỒ THẾ ĐỊNH           | ED2373X2 | 15/12/1989 |             |              |              |           |         |        |
| 8   | DC2373X211 | HỒ THẾ NHÂN           | ED2373X2 | 20/11/1985 |             |              |              |           |         |        |
| 9   | DC2373X217 | HỒ VŨ THANH           | ED2373X2 | 07/08/1985 |             |              |              |           |         |        |
| 10  | DC2373X220 | NGUYỄN NGỌC THỦY TIÊN | ED2373X2 | 17/06/1997 |             |              |              |           |         |        |
| 11  | DC2373X221 | NGUYỄN TRUNG TÍNH     | ED2373X2 | 27/02/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 12  | DC2373X236 | NGUYỄN MINH NHỊ       | ED2373X2 | 01/01/1987 |             |              |              |           | CT      |        |

*Tổng số: 12 thí sinh*

*Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT1:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT2:.....*

*Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....*

*Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi*

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: I, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Chăn nuôi chó, mèo**  
CBGD: **002137 - Nguyễn Thị Kim Khang**  
Ngày thi: **14-12-2025** Ca thi: **7g30**  
Lớp: **ED2467X3**

Mã học phần: **NN310**  
Số tín chỉ: **2**  
Điểm thi: **Đại học Cần Thơ**  
Phòng thi: **103**

Nhóm: **1E01**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên           | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|---------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC2467X500 | THÁI CÔNG DANH      | EP2467X3 | 07/12/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | DC2467X502 | NGUYỄN VĂN THÁI     | EP2467X3 | 15/10/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC2467X608 | NGUYỄN VĂN BIÊN     | ED2467X3 | 29/09/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 4   | DC2467X619 | NGUYỄN VĂN KHÁNH    | ED2467X3 | 05/02/1996 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | DC2467X626 | TRẦN NGUYỄN GIA HÂN | ED2467X3 | 13/11/2000 |             |              |              |           |         |        |

*Tổng số: 5 thí sinh*

*Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT1:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT2:.....*

*Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....*

*Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi*

**Học kỳ: I, năm học: 2025 - 2026**

**Nhóm: 1E01**

Số tín chỉ: **2**

Điểm thi: Đại học Cần Thơ

Phòng thi: **105**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên             | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số<br>tờ/Mã<br>đề | Điểm<br>giữa<br>kỳ | Điểm<br>cuối<br>kỳ | Điểm<br>tổng | Ghi<br>chú | Ký tên |
|-----|------------|-----------------------|----------|------------|-------------------|--------------------|--------------------|--------------|------------|--------|
| 1   | DC2473X004 | NGUYỄN THỊ THÙY NHI   | EP2473X1 | 29/06/2002 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 2   | DC2473X008 | NGUYỄN THỊ THƠ        | EP2473X1 | 06/05/2005 |                   |                    |                    |              | CT         |        |
| 3   | DC2473X302 | LÝ TỎ BÌNH            | ED2473X1 | 17/03/1996 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 4   | DC2473X304 | NGUYỄN HOÀNG DIỆP     | ED2473X1 | 10/02/1986 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 5   | DC2473X315 | ĐINH THỊ NGA          | ED2473X1 | 14/04/1987 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 6   | DC2473X316 | NGUYỄN THỊ THANH NGÂN | ED2473X1 | 31/08/1997 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 7   | DC2473X318 | PHAN THỊ HỒNG NHẠN    | ED2473X1 | 02/07/1994 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 8   | DC2473X325 | TẠ DƯƠNG THANH        | ED2473X1 | 28/02/2000 |                   |                    |                    |              | CT         |        |
| 9   | DC2473X327 | NGUYỄN VĂN THẢO       | ED2473X1 | 22/08/1993 |                   |                    |                    |              | CT         |        |
| 10  | DC2473X337 | NGUYỄN MINH TRÍ       | ED2473X1 | 24/03/1996 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 11  | VL2473X320 | TRẦN TRÍ NHỎ          | ED2473X1 | 30/10/1992 |                   |                    |                    |              |            |        |

*Tổng số: 11 thí sinh*

Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....

*Họ tên và chữ ký CBCT1:*.....

Họ tên và chữ ký CBCT2:.....

*Họ tên và chữ ký GV chấm thi:*.....

*Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi*

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ: I, năm học: 2025 - 2026

Học phần/Nhóm: Công nghệ sinh học trong bảo vệ thực vật      Mã học phần: NN513      Nhóm: 1E01  
CBGD: 002634 - Lê Phước Thạnh      Số tín chỉ: 2  
Ngày thi: 14-12-2025      Ca thi: 7g30      Điểm thi: Đại học Cần Thơ  
Lớp: EP2473X3      Phòng thi: 103

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên         | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|-------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC2473X402 | LÊ ANH KIẾT       | EP2473X3 | 21/07/1999 |             |              |              |           | CT      |        |
| 2   | DC2473X406 | NGUYỄN QUỐC TRẠNG | EP2473X3 | 27/11/1987 |             |              |              |           |         |        |

Tổng số: 2 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....

Họ tên và chữ ký CBCT1:.....

Họ tên và chữ ký CBCT2:.....

Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....

Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: I, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Từ vựng 1-PV**  
CBGD: **001614 - Nguyễn Thắng Cảnh**  
Ngày thi: **14-12-2025**    Ca thi: **7g30**  
Lớp: **ED25Z9X2**

Mã học phần: **TV138**  
Số tín chỉ: **2**  
Điểm thi: **Đại học Cần Thơ**  
Phòng thi: **104**

Nhóm: **1E01**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên            | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|----------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC25Z9X003 | NGUYỄN LÊ NGỌC ANH   | ED25Z9X2 | 31/03/1991 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | DC25Z9X009 | NGUYỄN ĐĂNG          | ED25Z9X2 | 25/03/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC25Z9X010 | DANH THỊ MINH HIẾU   | ED25Z9X2 | 19/03/1983 |             |              |              |           |         |        |
| 4   | DC25Z9X015 | NGUYỄN HOÀNG LONG    | ED25Z9X2 | 01/01/1974 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | DC25Z9X023 | NGUYỄN HUỖNH HUẾ THU | ED25Z9X2 | 13/05/1985 |             |              |              |           |         |        |
| 6   | DC25Z9X028 | TĂNG THỊ VÂN         | ED25Z9X2 | 20/10/1984 |             |              |              |           |         |        |

Tổng số: 6 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....

Họ tên và chữ ký CBCT1:.....

Họ tên và chữ ký CBCT2:.....

Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....

Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: I, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Pháp văn căn bản 2 (\*)**

Mã học phần: **FL002**

Nhóm: **1E01**

CBGD: **001520 - Tăng Đình Ngọc Thảo**

Số tín chỉ: **3**

Ngày thi: **14-12-2025** Ca thi: **8g45**

Điểm thi: **Đại học Cần Thơ**

Lớp: **EC25V1X1**

Phòng thi: **108**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên                | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|--------------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | BL25V1X201 | NGUYỄN TÚ ANH            | EC25V1X1 | 19/11/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | DC25V1X204 | NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG     | EC25V1X1 | 20/02/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC25V1X214 | NGÔ TRIỆU DIỄM HUYỀN     | EC25V1X1 | 20/02/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 4   | DC25V1X216 | LÂM HỮU KHA              | EC25V1X1 | 13/08/2004 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | DC25V1X221 | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LIÊN   | EC25V1X1 | 03/02/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 6   | DC25V1X223 | HUỲNH THỊ LƯ             | EC25V1X1 | 17/09/1995 |             |              |              |           |         |        |
| 7   | DC25V1X226 | ĐỖ CHÍ NAM               | EC25V1X1 | 24/12/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 8   | DC25V1X231 | DƯƠNG THỊ YẾN NHI        | EC25V1X1 | 17/02/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 9   | DC25V1X241 | NGUYỄN ĐIỀN NGUYỆT THANH | EC25V1X1 | 24/10/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 10  | DC25V1X249 | TRẦN NGUYỄN MINH THU     | EC25V1X1 | 27/04/2004 |             |              |              |           |         |        |
| 11  | DC25V1X255 | LÊ NGUYỄN NGỌC TRẦN      | EC25V1X1 | 05/07/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 12  | DC25V1X261 | SƠN NGỌC UYÊN            | EC25V1X1 | 22/11/1996 |             |              |              |           |         |        |

*Tổng số: 12 thí sinh*

*Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT1:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT2:.....*

*Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....*

*Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi*

## DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ: I, năm học: 2025 - 2026

Học phần/Nhóm: **Pháp văn căn bản 3 (\*)**

Mã học phần: **FL003**

Nhóm: **1E01**

CBGD: **001793 - Huỳnh Trung Vũ**

Số tín chỉ: **3**

Ngày thi: **14-12-2025** Ca thi: **8g45**

Điểm thi: **Đại học Cần Thơ**

Lớp: **ED24V1X9**

Phòng thi: **103**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên               | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|-------------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | FL24V1X903 | LỮ THIÊN PHÚC           | ED24V1X9 | 25/02/1986 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | FL24V1X905 | MAI NGỌC THỤY NHÂN      | ED24V1X9 | 21/01/1994 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | FL24V1X906 | ĐÌNH THY VÂN ANH        | ED24V1X9 | 29/05/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 4   | FL24V1X907 | PHẠM PHƯƠNG HIẾU        | ED24V1X9 | 11/06/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | FL24V1X911 | PHẠM LÊ HUYỀN TRANG     | ED24V1X9 | 28/03/1990 |             |              |              |           |         |        |
| 6   | FL24V1X914 | PHẠM THỊ KIM NGÂN       | ED24V1X9 | 02/07/1990 |             |              |              |           | CT      |        |
| 7   | FL24V1X915 | ĐỖ THU UYÊN             | ED24V1X9 | 20/08/1993 |             |              |              |           |         |        |
| 8   | FL24V1X916 | NGUYỄN THỊ MINH NGỌC    | ED24V1X9 | 15/10/1997 |             |              |              |           |         |        |
| 9   | FL24V1X918 | HUỲNH MINH TÍNH         | ED24V1X9 | 06/06/1994 |             |              |              |           |         |        |
| 10  | FL24V1X920 | HỒ NHỰT MINH            | ED24V1X9 | 13/08/1996 |             |              |              |           |         |        |
| 11  | FL24V1X921 | TRẦN HẢI THIÊN          | ED24V1X9 | 27/03/1998 |             |              |              |           |         |        |
| 12  | FL24V1X922 | VÕ THỊ QUẾ ANH          | ED24V1X9 | 30/05/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 13  | FL24V1X923 | NGUYỄN THỊ TRÀ MY       | ED24V1X9 | 05/09/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 14  | FL24V1X926 | NGUYỄN THỊ HẬU          | ED24V1X9 | 09/04/1998 |             |              |              |           |         |        |
| 15  | FL24V1X928 | LÊ THỊ CẨM HẰNG         | ED24V1X9 | 20/09/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 16  | FL24V1X931 | NGUYỄN QUÁCH NGỌC TUYÊN | ED24V1X9 | 27/08/1994 |             |              |              |           |         |        |
| 17  | FL24V1X932 | PHẠM LÊ HUYỀN TRÂN      | ED24V1X9 | 01/12/1992 |             |              |              |           |         |        |
| 18  | FL24V1X933 | ĐỖ NGỌC HOÀI THƯƠNG     | ED24V1X9 | 21/11/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 19  | FL24V1X934 | NGUYỄN THỊ MINH LÝ      | ED24V1X9 | 29/10/1988 |             |              |              |           |         |        |
| 20  | FL24V1X935 | LÂM THỊ ĐIỀU            | ED24V1X9 | 09/03/1986 |             |              |              |           |         |        |
| 21  | FL24V1X936 | THẠCH NGÔ NGUYỆT MINH   | ED24V1X9 | 04/11/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 22  | FL24V1X937 | VÕ THÀNH THÁI           | ED24V1X9 | 01/08/1983 |             |              |              |           |         |        |
| 23  | FL24V1X940 | NGUYỄN NHỰT BẰNG        | ED24V1X9 | 11/02/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 24  | FL24V1X941 | LÂM TRANG HOÀNG THANH   | ED24V1X9 | 19/09/1986 |             |              |              |           |         |        |
| 25  | FL24V1X942 | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LAN   | ED24V1X9 | 15/03/1994 |             |              |              |           |         |        |

*Tổng số: 25 thí sinh*

*Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT1:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT2:.....*

*Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....*

*Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi*



**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: I, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Pháp văn căn bản 3 (\*)**  
CBGD: **001793 - Huỳnh Trung Vũ**  
Ngày thi: **14-12-2025**    Ca thi: **8g45**  
Lớp: **ED24V1X9**

Mã học phần: **FL003**  
Số tín chỉ: **3**  
Điểm thi: **Đại học Cần Thơ**  
Phòng thi: **102**

Nhóm: **1E01**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên              | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|------------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC24V1X959 | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG NGHI | ED24V1X9 | 23/06/1998 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | DC24V1X961 | PHẠM DIỄM MY           | ED24V1X9 | 18/11/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC24V1X963 | BÙI KIM TRANG          | ED24V1X9 | 19/09/1998 |             |              |              |           |         |        |
| 4   | DC24V1X965 | DƯƠNG TRỌNG TÍN        | ED24V1X9 | 09/02/1991 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | DC24V1X967 | NGUYỄN NGỌC HÂN        | ED24V1X9 | 20/12/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 6   | DC24V1X968 | VÕ NHƯ QUỲNH           | ED24V1X9 | 04/12/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 7   | DC24V1X969 | LÊ QUỐC TRỰC           | ED24V1X9 | 19/03/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 8   | DC24V1X970 | ĐOÀN THỊ THÙY HIỀN     | ED24V1X9 | 18/11/1998 |             |              |              |           |         |        |
| 9   | DC24V1X971 | NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC   | ED24V1X9 | 27/02/1990 |             |              |              |           |         |        |
| 10  | DC24V1X972 | NGUYỄN THỊ CẨM TÚ      | ED24V1X9 | 07/07/1985 |             |              |              |           |         |        |
| 11  | DC24V1X974 | NGUYỄN QUỐC HUY        | ED24V1X9 | 21/02/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 12  | DC24V1X977 | PHẠM PHƯỚC TOÀN        | ED24V1X9 | 18/04/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 13  | DC24V1X979 | DƯƠNG HOÀI GIAO HÀ     | ED24V1X9 | 11/08/1984 |             |              |              |           |         |        |
| 14  | DC24V1X981 | PHAN THỊ XA ĐẾT HAI    | ED24V1X9 | 03/09/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 15  | DC24V1X982 | TRƯƠNG THẢO NGỌC       | ED24V1X9 | 25/02/1994 |             |              |              |           |         |        |
| 16  | DC24V1X983 | LÊ THỊ CẨM EM          | ED24V1X9 | 09/08/1993 |             |              |              |           |         |        |
| 17  | DC24V1X984 | TRẦN THỊ DIỄM HẰNG     | ED24V1X9 | 06/05/1991 |             |              |              |           |         |        |
| 18  | DC24V1X985 | NGUYỄN THỊ BÍCH THIỆN  | ED24V1X9 | 15/04/1988 |             |              |              |           |         |        |
| 19  | DC24V1X987 | HUỲNH LÊ XUÂN ÁI       | ED24V1X9 | 14/11/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 20  | DC24V1X988 | LÊ ĐỨC LƯU             | ED24V1X9 | 23/10/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 21  | DC24V1X989 | MAI THỊ THANH TRÚC     | ED24V1X9 | 15/03/1985 |             |              |              |           |         |        |
| 22  | DC24V1X990 | NGÔ CHÍ QUANG          | ED24V1X9 | 11/12/1995 |             |              |              |           |         |        |
| 23  | DC24V1X995 | PHẠM THỊ BÍCH          | ED24V1X9 | 10/04/1995 |             |              |              |           |         |        |
| 24  | DC24V1X997 | HÀ THỊ THÙY DƯƠNG      | ED24V1X9 | 05/12/1984 |             |              |              |           |         |        |
| 25  | DC24V1X998 | NGUYỄN VĂN NHẤT NAM    | ED24V1X9 | 10/11/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 26  | DC24V1X999 | LÂM THỊ QUỲNH NHƯ      | ED24V1X9 | 10/05/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 27  | FL22V1X173 | PHẠM NGỌC CHÂU GIANG   | ET22V1X1 | 01/05/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 28  | FL24V1X901 | NGUYỄN THANH THẢO      | ED24V1X9 | 06/06/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 29  | FL24V1X902 | TRẦN THỊ THOẠI MỸ      | ED24V1X9 | 23/07/1998 |             |              |              |           |         |        |

*Tổng số: 29 thí sinh*

*Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT1:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT2:.....*

*Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....*

*Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi*

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: I, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Pháp văn căn bản 3 (\*)**  
CBGD: **002009 - Nguyễn Ngọc Phương Thảo**  
Ngày thi: **14-12-2025**    Ca thi: **8g45**  
Lớp: **ED24V1XX**

Mã học phần: **FL003**  
Số tín chỉ: **3**  
Điểm thi: **Đại học Cần Thơ**  
Phòng thi: **104**

Nhóm: **1E02**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên                      | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|--------------------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC23V1X826 | NGUYỄN TRẦN MÃN                | ED23V1X3 | 02/01/1986 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | DC24V1X949 | NGUYỄN ÁNH PHÚC                | EP24V1X3 | 19/01/2005 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC24V1X950 | NGUYỄN VIỆT TUYẾT QUUYÊN CHIÊU | EP24V1X3 | 16/06/2004 |             |              |              |           |         |        |
| 4   | DC24V1X952 | LÝ CHÂU GIA KHANG              | EP24V1X3 | 25/09/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | DC24V1X955 | PHẠM THỊ ÁNH DƯƠNG             | EP24V1X3 | 16/09/2004 |             |              |              |           |         |        |
| 6   | DC24V1X956 | VÕ HUỖNH ANH                   | EP24V1X3 | 28/02/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 7   | FL24V1X955 | NGUYỄN THỊ MAI ANH             | ED24V1XX | 06/11/1993 |             |              |              |           |         |        |

*Tổng số: 7 thí sinh*

*Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT1:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT2:.....*

*Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....*

*Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi*

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: I, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Pháp luật thương mại 2**

Mã học phần: **KL132**

Nhóm: **1E01**

CBGD: **002946 - Nguyễn Hoàn Hảo**

Số tín chỉ: **2**

Ngày thi: **14-12-2025** Ca thi: **8g45**

Điểm thi: **Đại học Cần Thơ**

Lớp: **ED2532X1**

Phòng thi: **105**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên         | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|-------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC2432X783 | NGUYỄN QUỐC THÁI  | EP2432X4 | 18/08/1995 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | DC2432X908 | TRẦN HOÀNG ANH    | ED2432X4 | 23/08/1996 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC2432X910 | TRẦN QUỐC ANH     | ED2432X4 | 04/03/1994 |             |              |              |           |         |        |
| 4   | DC2432X930 | VÕ TRẦN ĐĂNG KHOA | ED2432X4 | 13/02/1991 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | DC2432X933 | CAO PHI YẾN LINH  | ED2432X4 | 23/09/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 6   | DC2432X939 | VÕ THỊ THU MỸ     | ED2432X4 | 28/08/1995 |             |              |              |           |         |        |
| 7   | DC2432X941 | LÊ HOÀNG NAM      | ED2432X4 | 01/01/1986 |             |              |              |           |         |        |
| 8   | DC2432X945 | DƯƠNG HẠNH NGUYỄN | ED2432X4 | 25/06/1984 |             |              |              |           |         |        |
| 9   | DC2432X973 | LƯU HẠO VÂN       | ED2432X4 | 07/01/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 10  | DC2532X417 | TRẦN HẠNH TIỀN    | ED2532X1 | 16/03/1997 |             |              |              |           |         |        |

*Tổng số: 10 thí sinh*

*Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT1:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT2:.....*

*Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....*

*Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi*

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ: I, năm học: 2025 - 2026

Học phần/Nhóm: **Học thuyết pháp lý**  
CBGD: **001699 - Huỳnh Thị Sinh Hiền**  
Ngày thi: **14-12-2025** Ca thi: **8g45**  
Lớp: **ET2332X2**

Mã học phần: **KL233**  
Số tín chỉ: **2**  
Điểm thi: **Đại học Cần Thơ**  
Phòng thi: **101**

Nhóm: **1E01**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên         | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|-------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC2332X205 | NGUYỄN KIM HOÀI   | EP2332X2 | 27/09/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | DC2332X208 | LÊ NHƯ MỘNG       | EP2332X2 | 05/09/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC2332X228 | TRẦN NGỌC THỊNH   | EP2332X2 | 25/02/2000 |             |              |              |           | CT      |        |
| 4   | DC2332X253 | THÁI MINH LỘC     | EP2332X2 | 19/07/1977 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | DC2332X254 | TRẦN ANH THUẬN    | EP2332X2 | 01/09/1979 |             |              |              |           |         |        |
| 6   | DC2332X260 | PHẠM THANH QUỲNH  | EP2332X2 | 14/03/2004 |             |              |              |           |         |        |
| 7   | DC2332X324 | NGUYỄN THANH LIÊM | ET2332X2 | 22/03/1995 |             |              |              |           |         |        |

Tổng số: 7 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....

Họ tên và chữ ký CBCT1:.....

Họ tên và chữ ký CBCT2:.....

Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....

Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ: I, năm học: 2025 - 2026

Học phần/Nhóm: **Nghệp vụ bảo hiểm**  
CBGD: **001876 - Trương Thị Bích Liên**  
Ngày thi: **14-12-2025** Ca thi: **8g45**  
Lớp: **EC2521X1**

Mã học phần: **KT140**  
Số tín chỉ: **3**  
Điểm thi: **Đại học Cần Thơ**  
Phòng thi: **102**

Nhóm: **1E01**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên          | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|--------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC2521X218 | LÊ TRẦN MINH THIÊN | EC2521X1 | 28/09/1998 |             |              |              |           |         |        |

Tổng số: 1 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....

Họ tên và chữ ký CBCT1:.....

Họ tên và chữ ký CBCT2:.....

Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....

Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ: I, năm học: 2025 - 2026

Học phần/Nhóm: Anh văn chuyên ngành Tài chính - Kế toán      Mã học phần: KT275      Nhóm: 1E01  
CBGD: 002311 - Phạm Lan Anh      Số tín chỉ: 3  
Ngày thi: 14-12-2025      Ca thi: 8g45      Điểm thi: Đại học Cần Thơ  
Lớp: ED2420X1      Phòng thi: 105

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên            | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|----------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC2420X002 | NGUYỄN THỊ THÚY LOAN | EP2420X1 | 17/12/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | DC2420X003 | NGUYỄN HOÀNG OANH    | EP2420X1 | 13/03/2004 |             |              |              |           | CT      |        |
| 3   | DC2420X020 | PHẠM KIỀU DIỄM       | EP2420X1 | 15/02/1991 |             |              |              |           |         |        |
| 4   | DC2420X301 | HUỖNH NAM ANH        | ED2420X1 | 07/03/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | DC2420X306 | BÙI THỊ ĐA NA        | ED2420X1 | 25/02/1998 |             |              |              |           |         |        |
| 6   | DC2420X307 | HUỖNH THỊ THANH NGÂN | ED2420X1 | 12/06/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 7   | DC2420X317 | NGUYỄN TRUNG TÍN     | ED2420X1 | 03/12/1981 |             |              |              |           |         |        |
| 8   | DC2420X354 | NGUYỄN THỊ VÂN THANH | ED2420X1 | 30/12/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 9   | DC2420X356 | HUỖNH THỊ KIM THẢO   | ED2420X1 | 12/07/1992 |             |              |              |           |         |        |
| 10  | DC2420X360 | NGUYỄN HIỀN TRUNG    | ED2420X1 | 05/05/1999 |             |              |              |           |         |        |

Tổng số: 10 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....

Họ tên và chữ ký CBCT1:.....

Họ tên và chữ ký CBCT2:.....

Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....

Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: I, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Kế toán quản trị 2**  
CBGD: **002496 - Hồ Hữu Phương Chi**  
Ngày thi: **14-12-2025** Ca thi: **8g45**  
Lớp: **EC2520X1**

Mã học phần: **KT340E**  
Số tín chỉ: **2**  
Điểm thi: **Đại học Cần Thơ**  
Phòng thi: **108**

Nhóm: **1E01**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên           | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|---------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC2420X504 | PHAN PHƯƠNG YẾN NHI | EP2420X3 | 27/08/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | DC2420X506 | LÊ HOÀNG OANH       | EP2420X3 | 17/07/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC2420X603 | NGUYỄN PHƯƠNG KHANH | ET2420X3 | 09/12/1997 |             |              |              |           |         |        |
| 4   | DC2420X627 | BÙI THỊ XUÂN THẢO   | ET2420X3 | 29/04/1977 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | DC2420X800 | LUU DUYỆT AN        | ED2420X3 | 17/06/1996 |             |              |              |           |         |        |
| 6   | DC2420X823 | TRẦN MINH THÀNH     | ED2420X3 | 08/06/1985 |             |              |              |           |         |        |
| 7   | DC2520X217 | HỒ THỊ CẨM TIỀN     | EC2520X1 | 31/08/1992 |             |              |              |           |         |        |

*Tổng số: 7 thí sinh*

*Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT1:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT2:.....*

*Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....*

*Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi*

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: I, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Dự báo kinh tế**

Mã học phần: **KT420E**

Nhóm: **1E01**

CBGD: **001632 - Hứa Thanh Xuân**

Số tín chỉ: **3**

Ngày thi: **14-12-2025** Ca thi: **8g45**

Điểm thi: **Đại học Cần Thơ**

Lớp: **EP2422X1**

Phòng thi: **109**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên             | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|-----------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC2222X260 | ĐINH TƯỜNG VY         | ED2222X1 | 21/04/1999 |             |              |              |           | CT      |        |
| 2   | DC2421X002 | NGUYỄN BỬU TÀI        | EP2421X1 | 21/06/1984 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC2421X005 | LÊ LAN ANH            | EP2421X1 | 22/11/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 4   | DC2421X208 | BÙI THÁI BÌNH         | ED2421X1 | 12/08/1985 |             |              |              |           | CT      |        |
| 5   | DC2421X209 | LÊ THỊ CHỢ            | ED2421X1 | 16/12/1992 |             |              |              |           | CT      |        |
| 6   | DC2421X212 | TRẦN THỊ BÍCH THUYỀN  | ED2421X1 | 18/06/1996 |             |              |              |           |         |        |
| 7   | DC2421X237 | NGUYỄN LONG NHẬT      | ED2421X1 | 03/06/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 8   | DC2422X003 | TRẦN LÊ NHỰT ANH      | EP2422X1 | 28/06/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 9   | DC2422X008 | NGUYỄN THỊ THÚY DUY   | EP2422X1 | 09/05/1997 |             |              |              |           |         |        |
| 10  | DC2422X012 | NGUYỄN TRỌNG HIẾU     | EP2422X1 | 15/12/1996 |             |              |              |           |         |        |
| 11  | DC2422X014 | PHÙNG THỊ KIM LIÊN    | EP2422X1 | 12/09/1979 |             |              |              |           |         |        |
| 12  | DC2422X023 | ĐUỜNG THỊ MINH THƯ    | EP2422X1 | 09/03/2005 |             |              |              |           |         |        |
| 13  | DC2422X028 | DANH NGUYỄN CẨM TÚ    | EP2422X1 | 24/03/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 14  | DC2422X039 | PHẠM THANH TÂN        | EP2422X1 | 26/12/1994 |             |              |              |           |         |        |
| 15  | DC2422X041 | TÙ TRÚC VY            | EP2422X1 | 15/01/1989 |             |              |              |           |         |        |
| 16  | DC2422X101 | NGÔ NGỌC GIÀO         | ET2422X1 | 16/03/1986 |             |              |              |           |         |        |
| 17  | DC2422X102 | NGUYỄN VŨ MINH LONG   | ET2422X1 | 22/02/1988 |             |              |              |           |         |        |
| 18  | DC2422X104 | TRẦN NGUYỄN TRUNG     | ET2422X1 | 29/05/1995 |             |              |              |           |         |        |
| 19  | DC2422X115 | TRẦN MẠNH TƯƠNG       | ET2422X1 | 12/04/1973 |             |              |              |           |         |        |
| 20  | DC2422X215 | NGUYỄN KIỀU TRANG     | ED2422X1 | 17/08/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 21  | DC2422X302 | TRẦN THỊ DIỄM         | ED2422X1 | 18/09/1997 |             |              |              |           |         |        |
| 22  | DC2422X307 | LÊ MINH KHÔI          | ED2422X1 | 11/11/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 23  | DC2422X312 | NGUYỄN THỊ THANH TRÚC | ED2422X1 | 19/10/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 24  | DC2422X314 | HUỲNH QUỐC VINH       | ED2422X1 | 25/03/2000 |             |              |              |           | CT      |        |
| 25  | DC2422X315 | TRẦN PHƯƠNG HOÀNG AN  | ED2422X1 | 11/11/1994 |             |              |              |           |         |        |
| 26  | DC2422X316 | PHẠM VĂN CƯỜNG        | ED2422X1 | 10/10/1986 |             |              |              |           |         |        |
| 27  | DC2422X319 | NGUYỄN TUẤN KIỆT      | ED2422X1 | 24/12/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 28  | DC2422X349 | NGUYỄN NGỌC MINH SƠN  | ED2422X1 | 12/09/1992 |             |              |              |           |         |        |
| 29  | DC2422X354 | VÕ TRẦN UYÊN VY       | ED2422X1 | 17/05/1998 |             |              |              |           |         |        |
| 30  | KT2122X398 | PHAN VÕ THU PHƯƠNG    | EP2422X1 | 28/11/1997 |             |              |              |           |         |        |

*Tổng số: 30 thí sinh*

*Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT1:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT2:.....*

*Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....*

*Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi*

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: I, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Hành vi tổ chức**

Mã học phần: **KT431**

Nhóm: **1E01**

CBGD: **002596 - Thạch Keo Sa Rát**

Số tín chỉ: **2**

Ngày thi: **14-12-2025** Ca thi: **8g45**

Điểm thi: **Đại học Cần Thơ**

Lớp: **EC2422X3**

Phòng thi: **101**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên            | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|----------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC2420X152 | TRẦN MỘNG CỐ         | ET2422X2 | 28/05/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | DC2422X056 | LÊ HUỲNH NGỌC HÂN    | EP2422X2 | 17/09/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC2422X057 | NGUYỄN MINH HIẾU     | EP2422X2 | 18/11/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 4   | DC2422X066 | NGUYỄN NGỌC QUẾ TRẦN | EP2422X2 | 03/04/1995 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | DC2422X068 | TRƯƠNG QUANG TRƯỜNG  | EP2422X2 | 06/02/2004 |             |              |              |           |         |        |
| 6   | DC2422X070 | NGUYỄN TƯỜNG VI      | EP2422X2 | 22/10/1988 |             |              |              |           |         |        |
| 7   | DC2422X073 | NGUYỄN VĂN TRÚC      | EP2422X2 | 11/12/1990 |             |              |              |           |         |        |
| 8   | DC2422X081 | NGUYỄN HỒNG LOAN     | EP2422X2 | 01/03/1998 |             |              |              |           |         |        |
| 9   | DC2422X088 | ĐẶNG NGỌC TRÂM       | EP2422X2 | 09/06/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 10  | DC2422X095 | TRẦN THỊ THUỶ MỸ     | EP2422X2 | 18/10/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 11  | DC2422X097 | NGUYỄN HỒNG THẢO     | EP2422X2 | 04/10/2005 |             |              |              |           |         |        |
| 12  | DC2422X121 | TRẦN SĨ MINH         | ET2422X2 | 06/11/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 13  | DC2422X124 | VÕ THỊ TÚ QUYÊN      | ET2422X2 | 02/05/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 14  | DC2422X126 | TRẦN LÊ MINH THU'    | ET2422X2 | 19/05/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 15  | DC2422X137 | TRẦN TUẤN ANH        | ET2422X2 | 08/04/1992 |             |              |              |           |         |        |
| 16  | DC2422X139 | ĐẶNG GIA HY          | ET2422X2 | 21/12/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 17  | DC2422X362 | NGUYỄN THÀNH HUẤN    | ED2422X2 | 17/05/1992 |             |              |              |           |         |        |
| 18  | DC2422X377 | THÂN THÀNH LUÂN      | ED2422X2 | 13/05/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 19  | DC2422X384 | PHẠM THỊ NHƯ Ý       | ED2422X2 | 16/02/1996 |             |              |              |           |         |        |
| 20  | DC2422X600 | BÙI VĂN CHẮC         | EC2422X3 | 20/01/1990 |             |              |              |           |         |        |
| 21  | DC2422X605 | THỊ CHÚC LY          | EC2422X3 | 29/06/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 22  | DC2422X613 | PHẠM THỊ ANH THU'    | EC2422X3 | 19/04/1996 |             |              |              |           |         |        |
| 23  | DC2422X616 | NGUYỄN THANH TRUNG   | EC2422X3 | 02/05/1993 |             |              |              |           |         |        |

*Tổng số: 23 thí sinh*

*Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT1:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT2:.....*

*Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....*

*Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi*

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: I, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Tin học ứng dụng - CNTY**

Mã học phần: **NN114**

Nhóm: **1E01**

CBGD: **002821 - Trương Thanh Trung**

Số tín chỉ: **2**

Ngày thi: **14-12-2025** Ca thi: **8g45**

Điểm thi: **Đại học Cần Thơ**

Lớp: **ED2467X1**

Phòng thi: **101**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên           | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|---------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC2367X312 | HUỲNH THỊ NGỌC CHÂU | ED2467X1 | 10/02/1973 |             |              |              |           | CT      |        |
| 2   | DC2467X101 | LÊ THỊ PHƯƠNG BÌNH  | ET2467X1 | 02/09/1984 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC2467X105 | VÕ MINH DUY         | ET2467X1 | 23/04/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 4   | DC2467X212 | DANH RINH           | EC2467X1 | 01/01/1987 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | DC2467X218 | NGUYỄN TRỌNG CẦN    | EC2467X1 | 05/09/1981 |             |              |              |           |         |        |
| 6   | DC2467X219 | NGUYỄN THỊ NGỌC HÂN | EC2467X1 | 01/06/1995 |             |              |              |           |         |        |
| 7   | DC2467X304 | NGUYỄN PHÙ DU       | ED2467X1 | 13/07/1996 |             |              |              |           |         |        |
| 8   | DC2467X306 | ĐỖ THỊ NGỌC HÂN     | ED2467X1 | 01/01/1987 |             |              |              |           |         |        |
| 9   | VL2467X319 | NGUYỄN THỊ BẢO TRÂN | ED2467X1 | 22/02/1989 |             |              |              |           |         |        |

*Tổng số: 9 thí sinh*

*Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT1:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT2:.....*

*Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....*

*Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi*

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: I, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Dịch tễ học thú y**

Mã học phần: **NN303**

Nhóm: **1E01**

CBGD: **000394 - Trần Ngọc Bích**

Số tín chỉ: **2**

Ngày thi: **14-12-2025** Ca thi: **8g45**

Điểm thi: **Đại học Cần Thơ**

Lớp: **EC2567X1**

Phòng thi: **104**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên           | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|---------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC2567X117 | NGUYỄN DUY TÂN      | ET2567X1 | 16/04/1997 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | DC2567X118 | NGUYỄN HỮU THỜI     | ET2567X1 | 26/10/1985 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC2567X202 | THIỆU NGỌC VÂN ANH  | EC2567X1 | 20/04/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 4   | DC2567X206 | NGUYỄN THÀNH CÔNG   | EC2567X1 | 01/01/1993 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | DC2567X210 | THẠCH BẢO DUY       | EC2567X1 | 30/03/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 6   | DC2567X216 | NGUYỄN TRUNG HIẾU   | EC2567X1 | 23/02/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 7   | DC2567X217 | PHẠM THANH HIẾU     | EC2567X1 | 01/02/1991 |             |              |              |           |         |        |
| 8   | DC2567X218 | VŨ TRẦN TRUNG HIẾU  | EC2567X1 | 09/12/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 9   | DC2567X226 | HUỲNH THỊ HUẾ HƯƠNG | EC2567X1 | 15/12/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 10  | DC2567X229 | MAI TRÚC LINH       | EC2567X1 | 20/02/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 11  | DC2567X232 | LÂM THỊ ÁNH LOAN    | EC2567X1 | 27/10/1996 |             |              |              |           |         |        |
| 12  | DC2567X241 | TRẦN YẾN NHI        | EC2567X1 | 01/01/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 13  | DC2567X242 | NGUYỄN HOÀNG PHONG  | EC2567X1 | 19/08/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 14  | DC2567X258 | NGUYỄN THỊ MỸ TRÂM  | EC2567X1 | 07/08/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 15  | DC2567X260 | NGUYỄN PHÁT TRIỂN   | EC2567X1 | 24/07/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 16  | DC2567X262 | LÊ NHỰT TRƯỜNG      | EC2567X1 | 27/04/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 17  | DC2567X302 | NGUYỄN BẢO CHẤN     | ED2567X1 | 17/09/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 18  | DC2567X303 | DIỆP LÊ ĐĂNG DUYÊN  | ED2567X1 | 22/06/1979 |             |              |              |           |         |        |
| 19  | DC2567X305 | VŨ NGUYỄN HOÀNG     | ED2567X1 | 14/08/1998 |             |              |              |           |         |        |
| 20  | DC2567X315 | DƯƠNG HUỲNH NHƯ     | ED2567X1 | 23/04/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 21  | ST2567X204 | KIM SÀ RÂY BÁT      | EC2567X1 | 05/05/1997 |             |              |              |           | CT      |        |

*Tổng số: 21 thí sinh*

*Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT1:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT2:.....*

*Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....*

*Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi*

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: I, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Độc chất học thú y**  
CBGD: **002796 - Nguyễn Khánh Thuận**  
Ngày thi: **14-12-2025** Ca thi: **8g45**  
Lớp: **ED2467X3**

Mã học phần: **NN341**  
Số tín chỉ: **2**  
Điểm thi: **Đại học Cần Thơ**  
Phòng thi: **103**

Nhóm: **1E01**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên           | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|---------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC2467X500 | THÁI CÔNG DANH      | EP2467X3 | 07/12/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | DC2467X502 | NGUYỄN VĂN THÁI     | EP2467X3 | 15/10/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC2467X608 | NGUYỄN VĂN BIÊN     | ED2467X3 | 29/09/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 4   | DC2467X619 | NGUYỄN VĂN KHÁNH    | ED2467X3 | 05/02/1996 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | DC2467X626 | TRẦN NGUYỄN GIA HÂN | ED2467X3 | 13/11/2000 |             |              |              |           |         |        |

*Tổng số: 5 thí sinh*

*Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT1:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT2:.....*

*Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....*

*Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi*

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: I, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Cây ăn trái**  
CBGD: **002917 - Trần Hữu Phúc**  
Ngày thi: **14-12-2025** Ca thi: **8g45**  
Lớp: **ED2373X2**

Mã học phần: **NN361**  
Số tín chỉ: **2**  
Điểm thi: **Đại học Cần Thơ**  
Phòng thi: **108**

Nhóm: **1E01**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên             | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|-----------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC2373X009 | TĂNG ANH KIỆT         | EP2373X2 | 30/10/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | DC2373X106 | ĐỖ KIM NGỌC           | ET2373X2 | 21/02/1989 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC2373X116 | NGUYỄN THỊ BÍCH HIỀN  | ET2373X2 | 01/01/1982 |             |              |              |           | CT      |        |
| 4   | DC2373X124 | NGUYỄN THỊ KIM NGÂN   | ET2373X2 | 06/02/1987 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | DC2373X125 | TRƯƠNG MINH NHIỆM     | ET2373X2 | 18/02/1991 |             |              |              |           |         |        |
| 6   | DC2373X203 | HỒ THẾ ĐỊNH           | ED2373X2 | 15/12/1989 |             |              |              |           |         |        |
| 7   | DC2373X211 | HỒ THẾ NHÂN           | ED2373X2 | 20/11/1985 |             |              |              |           |         |        |
| 8   | DC2373X217 | HỒ VŨ THANH           | ED2373X2 | 07/08/1985 |             |              |              |           |         |        |
| 9   | DC2373X220 | NGUYỄN NGỌC THỦY TIÊN | ED2373X2 | 17/06/1997 |             |              |              |           |         |        |
| 10  | DC2373X221 | NGUYỄN TRUNG TÍNH     | ED2373X2 | 27/02/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 11  | DC2373X236 | NGUYỄN MINH NHỊ       | ED2373X2 | 01/01/1987 |             |              |              |           | CT      |        |

*Tổng số: 11 thí sinh*

*Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT1:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT2:.....*

*Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....*

*Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thi được vào phòng thi*

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: I, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Vi sinh vật và chuyển hóa vật chất trong đất** Mã học phần: **NN428** Nhóm: **1E01**  
CBGD: **002634 - Lê Phước Thạnh** Số tín chỉ: **2**  
Ngày thi: **14-12-2025** Ca thi: **8g45** Điểm thi: **Đại học Cần Thơ**  
Lớp: **ED2473X1** Phòng thi: **105**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên             | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|-----------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC2473X004 | NGUYỄN THỊ THÙY NHI   | EP2473X1 | 29/06/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | DC2473X008 | NGUYỄN THỊ THƠ        | EP2473X1 | 06/05/2005 |             |              |              |           | CT      |        |
| 3   | DC2473X302 | LÝ TỔ BÌNH            | ED2473X1 | 17/03/1996 |             |              |              |           |         |        |
| 4   | DC2473X304 | NGUYỄN HOÀNG DIỆP     | ED2473X1 | 10/02/1986 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | DC2473X315 | ĐÌNH THỊ NGÀ          | ED2473X1 | 14/04/1987 |             |              |              |           |         |        |
| 6   | DC2473X316 | NGUYỄN THỊ THANH NGÂN | ED2473X1 | 31/08/1997 |             |              |              |           |         |        |
| 7   | DC2473X318 | PHAN THỊ HỒNG NHẠN    | ED2473X1 | 02/07/1994 |             |              |              |           |         |        |
| 8   | DC2473X325 | TẠ DƯƠNG THANH        | ED2473X1 | 28/02/2000 |             |              |              |           | CT      |        |
| 9   | DC2473X327 | NGUYỄN VĂN THẢO       | ED2473X1 | 22/08/1993 |             |              |              |           | CT      |        |
| 10  | DC2473X337 | NGUYỄN MINH TRÍ       | ED2473X1 | 24/03/1996 |             |              |              |           |         |        |
| 11  | VL2473X320 | TRẦN TRÍ NHỎ          | ED2473X1 | 30/10/1992 |             |              |              |           |         |        |

*Tổng số: 11 thí sinh*

*Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT1:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT2:.....*

*Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....*

*Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thi được vào phòng thi*

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ: I, năm học: 2025 - 2026

Học phần/Nhóm: **Độc hiểu 1 - PV**  
CBGD: **001463 - Nguyễn Thị Kim Lan**  
Ngày thi: **14-12-2025** Ca thi: **8g45**  
Lớp: **ED25Z9X2**

Mã học phần: **TV205**  
Số tín chỉ: **2**  
Điểm thi: **Đại học Cần Thơ**  
Phòng thi: **104**

Nhóm: **1E01**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên            | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|----------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC25Z9X003 | NGUYỄN LÊ NGỌC ANH   | ED25Z9X2 | 31/03/1991 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | DC25Z9X009 | NGUYỄN ĐĂNG          | ED25Z9X2 | 25/03/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC25Z9X010 | DANH THỊ MINH HIẾU   | ED25Z9X2 | 19/03/1983 |             |              |              |           |         |        |
| 4   | DC25Z9X015 | NGUYỄN HOÀNG LONG    | ED25Z9X2 | 01/01/1974 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | DC25Z9X023 | NGUYỄN HUỲNH HUẾ THU | ED25Z9X2 | 13/05/1985 |             |              |              |           |         |        |
| 6   | DC25Z9X028 | TĂNG THỊ VÂN         | ED25Z9X2 | 20/10/1984 |             |              |              |           |         |        |

Tổng số: 6 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....

Họ tên và chữ ký CBCT1:.....

Họ tên và chữ ký CBCT2:.....

Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....

Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: I, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Pháp luật đại cương**  
CBGD: **002561 - Nguyễn Huỳnh Anh**  
Ngày thi: **14-12-2025** Ca thi: **10g00**  
Lớp: **EP2273X1**

Mã học phần: **KL001E**  
Số tín chỉ: **2**  
Điểm thi: **Đại học Cần Thơ**  
Phòng thi: **102**

Nhóm: **1E01**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên              | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|------------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | BK2267X010 | NGUYỄN LÊ MINH THƯ     | EP2267X1 | 07/07/1995 |             |              |              |           | CT      |        |
| 2   | DC22V1X226 | PHẠM HẢI TRÌNH         | EP22V1X3 | 22/09/2002 |             |              |              |           | CT      |        |
| 3   | DC22V1X235 | HUỲNH XUÂN YẾN         | EP22V1X3 | 28/09/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 4   | DC22V1X268 | LÂM THỊ THẢO NGUYỄN    | EP22V1X3 | 24/01/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | DC23V1X512 | BÙI QUỐC NHÂN          | EP23V1X2 | 06/06/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 6   | DI22V7X030 | VÕ THÀNH MINH          | EF22V7X1 | 07/08/1981 |             |              |              |           |         |        |
| 7   | DI22V7X043 | NGUYỄN NGỌC TẤN        | EF22V7X1 | 19/06/1987 |             |              |              |           |         |        |
| 8   | FL21V1X324 | NGUYỄN HOÀI TƯƠI XUYỀN | EF21V1X1 | 10/11/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 9   | NN2267X008 | NGUYỄN THANH DUY       | EP2267X1 | 03/06/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 10  | NN2273X011 | TRẦN NAM QUỐC          | EP2273X1 | 23/05/1984 |             |              |              |           |         |        |

*Tổng số: 10 thí sinh*

*Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT1:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT2:.....*

*Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....*

*Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi*

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: I, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Luật dân sự: Nghĩa vụ dân sự**

Mã học phần: **KL133**

Nhóm: **1E01**

CBGD: **002089 - Nguyễn Thị Ngọc Tuyền**

Số tín chỉ: **2**

Ngày thi: **14-12-2025** Ca thi: **10g00**

Điểm thi: **Đại học Cần Thơ**

Lớp: **ET2032X2**

Phòng thi: **105**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên            | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|----------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC2432X783 | NGUYỄN QUỐC THÁI     | EP2432X4 | 18/08/1995 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | DC2432X908 | TRẦN HOÀNG ANH       | ED2432X4 | 23/08/1996 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC2432X910 | TRẦN QUỐC ANH        | ED2432X4 | 04/03/1994 |             |              |              |           |         |        |
| 4   | DC2432X930 | VÕ TRẦN ĐĂNG KHOA    | ED2432X4 | 13/02/1991 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | DC2432X933 | CAO PHI YẾN LINH     | ED2432X4 | 23/09/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 6   | DC2432X939 | VÕ THỊ THU MỸ        | ED2432X4 | 28/08/1995 |             |              |              |           |         |        |
| 7   | DC2432X941 | LÊ HOÀNG NAM         | ED2432X4 | 01/01/1986 |             |              |              |           |         |        |
| 8   | DC2432X945 | DƯƠNG HẠNH NGUYỄN    | ED2432X4 | 25/06/1984 |             |              |              |           |         |        |
| 9   | DC2432X973 | LƯU HẠO VÂN          | ED2432X4 | 07/01/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 10  | DC2532X417 | TRẦN HẠNH TIỀN       | ED2532X1 | 16/03/1997 |             |              |              |           |         |        |
| 11  | LK2032X549 | TRƯƠNG VĂN HOÀNG LỘC | ET2032X2 | 16/03/1983 |             |              |              |           |         |        |

*Tổng số: 11 thí sinh*

*Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT1:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT2:.....*

*Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....*

*Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi*

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ: I, năm học: 2025 - 2026

Học phần/Nhóm: **Thị trường chứng khoán**  
CBGD: **001978 - Huỳnh Thị Tuyết Sương**  
Ngày thi: **14-12-2025** Ca thi: **10g00**  
Lớp: **EC2521X1**

Mã học phần: **KT329E**  
Số tín chỉ: **3**  
Điểm thi: **Đại học Cần Thơ**  
Phòng thi: **102**

Nhóm: **1E01**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên          | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|--------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC2521X218 | LÊ TRẦN MINH THIÊN | EC2521X1 | 28/09/1998 |             |              |              |           |         |        |

Tổng số: 1 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....

Họ tên và chữ ký CBCT1:.....

Họ tên và chữ ký CBCT2:.....

Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....

Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: I, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Kế toán chi phí**

Mã học phần: **KT372**

Nhóm: **1E01**

CBGD: **000557 - Nguyễn Thị Diệu**

Số tín chỉ: **2**

Ngày thi: **14-12-2025** Ca thi: **10g00**

Điểm thi: **Đại học Cần Thơ**

Lớp: **ED2420X1**

Phòng thi: **105**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên             | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|-----------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC2420X002 | NGUYỄN THỊ THÚY LOAN  | EP2420X1 | 17/12/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | DC2420X003 | NGUYỄN HOÀNG OANH     | EP2420X1 | 13/03/2004 |             |              |              |           | CT      |        |
| 3   | DC2420X020 | PHẠM KIỀU DIỄM        | EP2420X1 | 15/02/1991 |             |              |              |           |         |        |
| 4   | DC2420X301 | HUỖNH NAM ANH         | ED2420X1 | 07/03/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | DC2420X306 | BÙI THỊ ĐA NA         | ED2420X1 | 25/02/1998 |             |              |              |           |         |        |
| 6   | DC2420X307 | HUỖNH THỊ THANH NGÂN  | ED2420X1 | 12/06/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 7   | DC2420X311 | DƯƠNG THỊ THANH NHANH | ED2420X1 | 15/06/1996 |             |              |              |           |         |        |
| 8   | DC2420X317 | NGUYỄN TRUNG TÍN      | ED2420X1 | 03/12/1981 |             |              |              |           |         |        |
| 9   | DC2420X340 | DƯƠNG HỒNG HƠN        | ED2420X1 | 15/02/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 10  | DC2420X354 | NGUYỄN THỊ VÂN THANH  | ED2420X1 | 30/12/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 11  | DC2420X356 | HUỖNH THỊ KIM THẢO    | ED2420X1 | 12/07/1992 |             |              |              |           |         |        |
| 12  | DC2420X357 | NGUYỄN DƯƠNG ANH THƯ  | ED2420X1 | 04/05/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 13  | DC2420X360 | NGUYỄN HIỀN TRUNG     | ED2420X1 | 05/05/1999 |             |              |              |           |         |        |

*Tổng số: 13 thí sinh*

*Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT1:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT2:.....*

*Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....*

*Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi*

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: I, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Cây lúa**  
CBGD: **002797 - Nguyễn Quốc Khương**  
Ngày thi: **14-12-2025**    Ca thi: **10g00**  
Lớp: **ED2373X2**

Mã học phần: **NN369**  
Số tín chỉ: **2**  
Điểm thi: **Đại học Cần Thơ**  
Phòng thi: **108**

Nhóm: **1E01**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên             | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|-----------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC2373X009 | TĂNG ANH KIỆT         | EP2373X2 | 30/10/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | DC2373X106 | ĐỖ KIM NGỌC           | ET2373X2 | 21/02/1989 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC2373X116 | NGUYỄN THỊ BÍCH HIỀN  | ET2373X2 | 01/01/1982 |             |              |              |           | CT      |        |
| 4   | DC2373X124 | NGUYỄN THỊ KIM NGÂN   | ET2373X2 | 06/02/1987 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | DC2373X125 | TRƯƠNG MINH NHIỆM     | ET2373X2 | 18/02/1991 |             |              |              |           |         |        |
| 6   | DC2373X203 | HỒ THẾ ĐỊNH           | ED2373X2 | 15/12/1989 |             |              |              |           |         |        |
| 7   | DC2373X211 | HỒ THẾ NHÂN           | ED2373X2 | 20/11/1985 |             |              |              |           |         |        |
| 8   | DC2373X217 | HỒ VŨ THANH           | ED2373X2 | 07/08/1985 |             |              |              |           |         |        |
| 9   | DC2373X220 | NGUYỄN NGỌC THỦY TIÊN | ED2373X2 | 17/06/1997 |             |              |              |           |         |        |
| 10  | DC2373X221 | NGUYỄN TRUNG TÍNH     | ED2373X2 | 27/02/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 11  | DC2373X236 | NGUYỄN MINH NHỊ       | ED2373X2 | 01/01/1987 |             |              |              |           | CT      |        |

Tổng số: 11 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....

Họ tên và chữ ký CBCT1:.....

Họ tên và chữ ký CBCT2:.....

Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....

Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thi được vào phòng thi

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: I, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Phòng trừ sinh học bệnh cây trồng**

Mã học phần: **NN429**

Nhóm: **1E01**

CBGD: **002951 - Đoàn Thị Kiều Tiên**

Số tín chỉ: **2**

Ngày thi: **14-12-2025** Ca thi: **10g00**

Điểm thi: **Đại học Cần Thơ**

Lớp: **ED2473X1**

Phòng thi: **105**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên             | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|-----------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC2473X004 | NGUYỄN THỊ THÙY NHI   | EP2473X1 | 29/06/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | DC2473X008 | NGUYỄN THỊ THƠ        | EP2473X1 | 06/05/2005 |             |              |              |           | CT      |        |
| 3   | DC2473X302 | LÝ TỔ BÌNH            | ED2473X1 | 17/03/1996 |             |              |              |           |         |        |
| 4   | DC2473X304 | NGUYỄN HOÀNG DIỆP     | ED2473X1 | 10/02/1986 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | DC2473X315 | ĐÌNH THỊ NGÀ          | ED2473X1 | 14/04/1987 |             |              |              |           |         |        |
| 6   | DC2473X316 | NGUYỄN THỊ THANH NGÂN | ED2473X1 | 31/08/1997 |             |              |              |           |         |        |
| 7   | DC2473X318 | PHAN THỊ HỒNG NHẠN    | ED2473X1 | 02/07/1994 |             |              |              |           |         |        |
| 8   | DC2473X325 | TẠ DƯƠNG THANH        | ED2473X1 | 28/02/2000 |             |              |              |           | CT      |        |
| 9   | DC2473X327 | NGUYỄN VĂN THẢO       | ED2473X1 | 22/08/1993 |             |              |              |           | CT      |        |
| 10  | DC2473X337 | NGUYỄN MINH TRÍ       | ED2473X1 | 24/03/1996 |             |              |              |           |         |        |
| 11  | VL2473X320 | TRẦN TRÍ NHỎ          | ED2473X1 | 30/10/1992 |             |              |              |           |         |        |

*Tổng số: 11 thí sinh*

*Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT1:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT2:.....*

*Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....*

*Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi*

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: I, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Công nghệ sinh học Thú y**  
CBGD: **002911 - Trương Quỳnh Như**  
Ngày thi: **14-12-2025** Ca thi: **10g00**  
Lớp: **ED2467X1**

Mã học phần: **NN536** Nhóm: **1E01**  
Số tín chỉ: **2**  
Điểm thi: **Đại học Cần Thơ**  
Phòng thi: **101**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên           | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|---------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC2067X115 | NGUYỄN THANH PHÚC   | ET2067X1 | 12/01/1996 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | DC2367X312 | HUỲNH THỊ NGỌC CHÂU | ED2467X1 | 10/02/1973 |             |              |              |           | CT      |        |
| 3   | DC2467X101 | LÊ THỊ PHƯƠNG BÌNH  | ET2467X1 | 02/09/1984 |             |              |              |           |         |        |
| 4   | DC2467X105 | VÕ MINH DUY         | ET2467X1 | 23/04/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | DC2467X212 | DANH RINH           | EC2467X1 | 01/01/1987 |             |              |              |           |         |        |
| 6   | DC2467X218 | NGUYỄN TRỌNG CẦN    | EC2467X1 | 05/09/1981 |             |              |              |           |         |        |
| 7   | DC2467X219 | NGUYỄN THỊ NGỌC HÂN | EC2467X1 | 01/06/1995 |             |              |              |           |         |        |
| 8   | DC2467X304 | NGUYỄN PHỦ DU       | ED2467X1 | 13/07/1996 |             |              |              |           |         |        |
| 9   | DC2467X306 | ĐỖ THỊ NGỌC HÂN     | ED2467X1 | 01/01/1987 |             |              |              |           |         |        |
| 10  | VL2467X319 | NGUYỄN THỊ BẢO TRẦN | ED2467X1 | 22/02/1989 |             |              |              |           |         |        |

*Tổng số: 10 thí sinh*

*Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT1:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT2:.....*

*Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....*

*Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi*

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: I, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Bệnh cây đại cương**  
CBGD: **002398 - Lê Minh Tường**  
Ngày thi: **14-12-2025** Ca thi: **10g00**  
Lớp: **ED2573X2**

Mã học phần: **NS105**  
Số tín chỉ: **3**  
Điểm thi: **Đại học Cần Thơ**  
Phòng thi: **101**

Nhóm: **1E01**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên            | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|----------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC2573X015 | CHÂU THỊ NHƯ Ý       | EC2573X2 | 26/10/2004 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | DC2573X102 | LÊ HÒA HUNG          | ED2573X2 | 02/01/1992 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC2573X105 | NGUYỄN VĂN NGHĨA     | ED2573X2 | 03/05/1996 |             |              |              |           |         |        |
| 4   | DC2573X107 | VĂN BÁ VÕ            | ED2573X2 | 06/09/1992 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | DC2573X110 | NGUYỄN NGỌC MINH ANH | ED2573X2 | 23/12/1996 |             |              |              |           |         |        |
| 6   | DC2573X111 | TRẦN NGUYỄN NGỌC ANH | ED2573X2 | 03/02/1998 |             |              |              |           |         |        |
| 7   | DC2573X117 | UNG PHI HỌC          | ED2573X2 | 30/11/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 8   | DC2573X118 | ĐỖ VĂN HỘI           | ED2573X2 | 01/01/1995 |             |              |              |           |         |        |
| 9   | DC2573X119 | ĐẶNG ĐÌNH HUY        | ED2573X2 | 28/03/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 10  | DC2573X125 | VÕ PHÚC LỄ           | ED2573X2 | 08/09/1978 |             |              |              |           |         |        |
| 11  | DC2573X126 | LÊ THỊ THẢO NGÂN     | ED2573X2 | 20/02/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 12  | DC2573X134 | NGUYỄN THỊ CẨM THI   | ED2573X2 | 15/05/1987 |             |              |              |           |         |        |
| 13  | DC2573X136 | NGUYỄN MINH THƯƠNG   | ED2573X2 | 19/04/1990 |             |              |              |           |         |        |
| 14  | NA2573X121 | ĐOÀN DUY KHÁNH       | ED2573X2 | 28/05/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 15  | NS2573X113 | ĐOÀN THỊ DIỄM        | ED2573X2 | 17/12/1982 |             |              |              |           |         |        |
| 16  | ST2573X104 | LÂM MINH NGHĨA       | ED2573X2 | 03/01/1992 |             |              |              |           |         |        |

*Tổng số: 16 thí sinh*

*Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT1:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT2:.....*

*Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....*

*Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi*

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ: I, năm học: 2025 - 2026

Học phần/Nhóm: **Chẩn đoán thú y**  
CBGD: **002878 - Trần Duy Khang**  
Ngày thi: **14-12-2025** Ca thi: **10g00**  
Lớp: **ED2467X3**

Mã học phần: **NS234**  
Số tín chỉ: **3**  
Điểm thi: **Đại học Cần Thơ**  
Phòng thi: **103**

Nhóm: **1E01**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên           | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|---------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC2467X500 | THÁI CÔNG DANH      | EP2467X3 | 07/12/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | DC2467X502 | NGUYỄN VĂN THÁI     | EP2467X3 | 15/10/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC2467X608 | NGUYỄN VĂN BIÊN     | ED2467X3 | 29/09/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 4   | DC2467X619 | NGUYỄN VĂN KHÁNH    | ED2467X3 | 05/02/1996 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | DC2467X622 | TRẦN GIA TIẾN       | ED2467X3 | 19/11/1995 |             |              |              |           |         |        |
| 6   | DC2467X626 | TRẦN NGUYỄN GIA HÂN | ED2467X3 | 13/11/2000 |             |              |              |           |         |        |

Tổng số: 6 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....

Họ tên và chữ ký CBCT1:.....

Họ tên và chữ ký CBCT2:.....

Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....

Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: I, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Vì sinh thú y**  
CBGD: **002251 - Nguyễn Thu Tâm**  
Ngày thi: **14-12-2025** Ca thi: **10g00**  
Lớp: **EC2567X1**

Mã học phần: **NS295**  
Số tín chỉ: **3**  
Điểm thi: **Đại học Cần Thơ**  
Phòng thi: **104**

Nhóm: **1E01**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên           | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|---------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC2567X117 | NGUYỄN DUY TÂN      | ET2567X1 | 16/04/1997 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | DC2567X118 | NGUYỄN HỮU THỜI     | ET2567X1 | 26/10/1985 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC2567X202 | THIỆU NGỌC VÂN ANH  | EC2567X1 | 20/04/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 4   | DC2567X206 | NGUYỄN THÀNH CÔNG   | EC2567X1 | 01/01/1993 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | DC2567X210 | THẠCH BẢO DUY       | EC2567X1 | 30/03/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 6   | DC2567X216 | NGUYỄN TRUNG HIẾU   | EC2567X1 | 23/02/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 7   | DC2567X217 | PHẠM THANH HIẾU     | EC2567X1 | 01/02/1991 |             |              |              |           |         |        |
| 8   | DC2567X218 | VŨ TRẦN TRUNG HIẾU  | EC2567X1 | 09/12/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 9   | DC2567X226 | HUỲNH THỊ HUẾ HƯƠNG | EC2567X1 | 15/12/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 10  | DC2567X229 | MAI TRÚC LINH       | EC2567X1 | 20/02/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 11  | DC2567X232 | LÂM THỊ ÁNH LOAN    | EC2567X1 | 27/10/1996 |             |              |              |           |         |        |
| 12  | DC2567X241 | TRẦN YẾN NHI        | EC2567X1 | 01/01/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 13  | DC2567X242 | NGUYỄN HOÀNG PHONG  | EC2567X1 | 19/08/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 14  | DC2567X258 | NGUYỄN THỊ MỸ TRÂM  | EC2567X1 | 07/08/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 15  | DC2567X260 | NGUYỄN PHÁT TRIỂN   | EC2567X1 | 24/07/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 16  | DC2567X262 | LÊ NHỰT TRƯỜNG      | EC2567X1 | 27/04/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 17  | DC2567X302 | NGUYỄN BẢO CHẤN     | ED2567X1 | 17/09/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 18  | DC2567X303 | DIỆP LÊ ĐĂNG DUYÊN  | ED2567X1 | 22/06/1979 |             |              |              |           |         |        |
| 19  | DC2567X305 | VŨ NGUYỄN HOÀNG     | ED2567X1 | 14/08/1998 |             |              |              |           |         |        |
| 20  | DC2567X315 | DƯƠNG HUỲNH NHƯ     | ED2567X1 | 23/04/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 21  | ST2567X204 | KIM SÀ RÂY BÁT      | EC2567X1 | 05/05/1997 |             |              |              |           | CT      |        |

Tổng số: 21 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....

Họ tên và chữ ký CBCT1:.....

Họ tên và chữ ký CBCT2:.....

Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....

Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: I, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Tuyển trùngrông nghiệp**  
CBGD: **000300 - Trần Vũ Phấn**  
Ngày thi: **14-12-2025**    Ca thi: **10g00**  
Lớp: **EP2473X3**

Mã học phần: **NS307**  
Số tín chỉ: **2**  
Điểm thi: **Đại học Cần Thơ**  
Phòng thi: **103**

Nhóm: **1E01**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên         | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|-------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC2473X402 | LÊ ANH KIẾT       | EP2473X3 | 21/07/1999 |             |              |              |           | CT      |        |
| 2   | DC2473X406 | NGUYỄN QUỐC TRẠNG | EP2473X3 | 27/11/1987 |             |              |              |           |         |        |

Tổng số: 2 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....

Họ tên và chữ ký CBCT1:.....

Họ tên và chữ ký CBCT2:.....

Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....

Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: I, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Ngữ pháp nâng cao**  
CBGD: **001884 - Đồng Thanh Hải**  
Ngày thi: **14-12-2025** Ca thi: **10g00**  
Lớp: **EC25V1X1**

Mã học phần: **SG281E**  
Số tín chỉ: **2**  
Điểm thi: **Đại học Cần Thơ**  
Phòng thi: **108**

Nhóm: **1E01**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên                | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|--------------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | BL25V1X201 | NGUYỄN TÚ ANH            | EC25V1X1 | 19/11/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | DC24V1X272 | NGUYỄN THỊ THẢO NGUYỄN   | ED24V1X6 | 07/04/1998 |             |              |              |           | CT      |        |
| 3   | DC25V1X204 | NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG     | EC25V1X1 | 20/02/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 4   | DC25V1X214 | NGÔ TRIỆU DIỄM HUYỀN     | EC25V1X1 | 20/02/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | DC25V1X216 | LÂM HỮU KHA              | EC25V1X1 | 13/08/2004 |             |              |              |           |         |        |
| 6   | DC25V1X221 | NGUYỄN THỊ PHƯỢNG LIÊN   | EC25V1X1 | 03/02/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 7   | DC25V1X223 | HUỲNH THỊ LƯ             | EC25V1X1 | 17/09/1995 |             |              |              |           |         |        |
| 8   | DC25V1X226 | ĐỖ CHÍ NAM               | EC25V1X1 | 24/12/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 9   | DC25V1X231 | DƯƠNG THỊ YẾN NHI        | EC25V1X1 | 17/02/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 10  | DC25V1X241 | NGUYỄN ĐIỀN NGUYỆT THANH | EC25V1X1 | 24/10/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 11  | DC25V1X249 | TRẦN NGUYỄN MINH THƯ     | EC25V1X1 | 27/04/2004 |             |              |              |           |         |        |
| 12  | DC25V1X255 | LÊ NGUYỄN NGỌC TRÂN      | EC25V1X1 | 05/07/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 13  | DC25V1X261 | SƠN NGỌC UYÊN            | EC25V1X1 | 22/11/1996 |             |              |              |           |         |        |

*Tổng số: 13 thí sinh*

*Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT1:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT2:.....*

*Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....*

*Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi*

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: I, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Ngữ pháp nâng cao**  
CBGD: **001884 - Đồng Thanh Hải**  
Ngày thi: **14-12-2025** Ca thi: **10g00**  
Lớp: **ED24V1X9**

Mã học phần: **SG281E** Nhóm: **1E02**  
Số tín chỉ: **2**  
Điểm thi: **Đại học Cần Thơ**  
Phòng thi: **103**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên               | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|-------------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | FL24V1X903 | LỮ THIÊN PHÚC           | ED24V1X9 | 25/02/1986 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | FL24V1X905 | MAI NGỌC THUY NHÂN      | ED24V1X9 | 21/01/1994 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | FL24V1X906 | ĐINH THY VÂN ANH        | ED24V1X9 | 29/05/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 4   | FL24V1X907 | PHẠM PHƯƠNG HIẾU        | ED24V1X9 | 11/06/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | FL24V1X911 | PHẠM LÊ HUYỀN TRANG     | ED24V1X9 | 28/03/1990 |             |              |              |           |         |        |
| 6   | FL24V1X914 | PHẠM THỊ KIM NGÂN       | ED24V1X9 | 02/07/1990 |             |              |              |           | CT      |        |
| 7   | FL24V1X915 | ĐỖ THU UYÊN             | ED24V1X9 | 20/08/1993 |             |              |              |           |         |        |
| 8   | FL24V1X916 | NGUYỄN THỊ MINH NGỌC    | ED24V1X9 | 15/10/1997 |             |              |              |           |         |        |
| 9   | FL24V1X918 | HUỲNH MINH TÍNH         | ED24V1X9 | 06/06/1994 |             |              |              |           |         |        |
| 10  | FL24V1X920 | HỒ NHỰT MINH            | ED24V1X9 | 13/08/1996 |             |              |              |           |         |        |
| 11  | FL24V1X921 | TRẦN HẢI THIÊN          | ED24V1X9 | 27/03/1998 |             |              |              |           |         |        |
| 12  | FL24V1X922 | VÕ THỊ QUẾ ANH          | ED24V1X9 | 30/05/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 13  | FL24V1X923 | NGUYỄN THỊ TRÀ MY       | ED24V1X9 | 05/09/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 14  | FL24V1X926 | NGUYỄN THỊ HẬU          | ED24V1X9 | 09/04/1998 |             |              |              |           |         |        |
| 15  | FL24V1X928 | LÊ THỊ CẨM HẰNG         | ED24V1X9 | 20/09/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 16  | FL24V1X931 | NGUYỄN QUÁCH NGỌC TUYÊN | ED24V1X9 | 27/08/1994 |             |              |              |           |         |        |
| 17  | FL24V1X932 | PHẠM LÊ HUYỀN TRÂN      | ED24V1X9 | 01/12/1992 |             |              |              |           |         |        |
| 18  | FL24V1X933 | ĐỖ NGỌC HOÀI THƯƠNG     | ED24V1X9 | 21/11/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 19  | FL24V1X934 | NGUYỄN THỊ MINH LÝ      | ED24V1X9 | 29/10/1988 |             |              |              |           |         |        |
| 20  | FL24V1X935 | LÂM THỊ ĐIỀU            | ED24V1X9 | 09/03/1986 |             |              |              |           |         |        |
| 21  | FL24V1X936 | THẠCH NGÔ NGUYỆT MINH   | ED24V1X9 | 04/11/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 22  | FL24V1X937 | VÕ THÀNH THÁI           | ED24V1X9 | 01/08/1983 |             |              |              |           |         |        |
| 23  | FL24V1X940 | NGUYỄN NHỰT BẰNG        | ED24V1X9 | 11/02/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 24  | FL24V1X941 | LÂM TRANG HOÀNG THANH   | ED24V1X9 | 19/09/1986 |             |              |              |           |         |        |
| 25  | FL24V1X942 | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LAN   | ED24V1X9 | 15/03/1994 |             |              |              |           |         |        |

Tổng số: 25 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....

Họ tên và chữ ký CBCT1:.....

Họ tên và chữ ký CBCT2:.....

Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....

Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi



**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: I, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Ngữ pháp nâng cao**  
CBGD: **001884 - Đồng Thanh Hải**  
Ngày thi: **14-12-2025** Ca thi: **10g00**  
Lớp: **ED24V1X9**

Mã học phần: **SG281E** Nhóm: **1E02**  
Số tín chỉ: **2**  
Điểm thi: **Đại học Cần Thơ**  
Phòng thi: **102**

Trang 1/2

| Stt | MSSV       | Họ và tên                 | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số<br>tờ/Mã<br>đề | Điểm<br>giữa<br>kỳ | Điểm<br>cuối<br>kỳ | Điểm<br>tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|---------------------------|----------|------------|-------------------|--------------------|--------------------|--------------|---------|--------|
| 1   | DC23V1X398 | LÊ THANH HÒA              | ED23V1X2 | 21/01/1983 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 2   | DC23V1X399 | NGUYỄN PHẠM HOÀNG<br>HUÂN | ED23V1X2 | 19/10/1987 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 3   | DC24V1X047 | VŨ THÙY DƯƠNG             | ED24V1X9 | 11/10/1982 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 4   | DC24V1X433 | TRẦN NGỌC ANH             | ED24V1X2 | 09/10/2001 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 5   | DC24V1X821 | TRƯƠNG THỊ BÍCH LIÊN      | ED24V1X9 | 08/01/1982 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 6   | DC24V1X822 | NGUYỄN THỊ KIM HÀ         | ED24V1X9 | 10/06/1982 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 7   | DC24V1X823 | TRƯƠNG PHƯƠNG LINH        | ED24V1X9 | 14/03/1991 |                   |                    |                    |              | CT      |        |
| 8   | DC24V1X959 | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG NGHI    | ED24V1X9 | 23/06/1998 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 9   | DC24V1X961 | PHẠM ĐIỂM MY              | ED24V1X9 | 18/11/2002 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 10  | DC24V1X963 | BÙI KIM TRANG             | ED24V1X9 | 19/09/1998 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 11  | DC24V1X964 | NGUYỄN HUỆ NHÀN           | ED24V1X9 | 20/01/2000 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 12  | DC24V1X965 | DƯƠNG TRỌNG TÍN           | ED24V1X9 | 09/02/1991 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 13  | DC24V1X967 | NGUYỄN NGỌC HÂN           | ED24V1X9 | 20/12/2000 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 14  | DC24V1X968 | VÕ NHƯ QUỲNH              | ED24V1X9 | 04/12/2001 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 15  | DC24V1X969 | LÊ QUỐC TRỰC              | ED24V1X9 | 19/03/2001 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 16  | DC24V1X970 | ĐOÀN THỊ THÙY HIÊN        | ED24V1X9 | 18/11/1998 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 17  | DC24V1X971 | NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC      | ED24V1X9 | 27/02/1990 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 18  | DC24V1X972 | NGUYỄN THỊ CẨM TÚ         | ED24V1X9 | 07/07/1985 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 19  | DC24V1X974 | NGUYỄN QUỐC HUY           | ED24V1X9 | 21/02/2002 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 20  | DC24V1X977 | PHẠM PHƯỚC TOÀN           | ED24V1X9 | 18/04/2001 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 21  | DC24V1X979 | DƯƠNG HOÀI GIAO HÀ        | ED24V1X9 | 11/08/1984 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 22  | DC24V1X981 | PHAN THỊ XA ĐẾT HAI       | ED24V1X9 | 03/09/2002 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 23  | DC24V1X982 | TRƯƠNG THẢO NGỌC          | ED24V1X9 | 25/02/1994 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 24  | DC24V1X983 | LÊ THỊ CẨM EM             | ED24V1X9 | 09/08/1993 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 25  | DC24V1X984 | TRẦN THỊ ĐIỂM HẰNG        | ED24V1X9 | 06/05/1991 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 26  | DC24V1X985 | NGUYỄN THỊ BÍCH THIÊN     | ED24V1X9 | 15/04/1988 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 27  | DC24V1X987 | HUỲNH LÊ XUÂN ÁI          | ED24V1X9 | 14/11/2001 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 28  | DC24V1X988 | LÊ ĐỨC LƯU                | ED24V1X9 | 23/10/1999 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 29  | DC24V1X989 | MAI THỊ THANH TRÚC        | ED24V1X9 | 15/03/1985 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 30  | DC24V1X990 | NGÔ CHÍ QUANG             | ED24V1X9 | 11/12/1995 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 31  | DC24V1X993 | TRẦN MỸ NGỌC              | ED24V1X9 | 21/12/1995 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 32  | DC24V1X995 | PHẠM THỊ BÍCH             | ED24V1X9 | 10/04/1995 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 33  | DC24V1X997 | HÀ THỊ THÙY DƯƠNG         | ED24V1X9 | 05/12/1984 |                   |                    |                    |              |         |        |

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ: I, năm học: 2025 - 2026

Học phần/Nhóm: **Ngữ pháp nâng cao**  
CBGD: **001884 - Đồng Thanh Hải**  
Ngày thi: **14-12-2025** Ca thi: **10g00**  
Lớp: **ED24V1X9**

Mã học phần: **SG281E** Nhóm: **1E02**  
Số tín chỉ: **2**  
Điểm thi: **Đại học Cần Thơ**  
Phòng thi: **102**

Trang 2/2

| Stt | MSSV       | Họ và tên           | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|---------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 34  | DC24V1X998 | NGUYỄN VĂN NHẬT NAM | ED24V1X9 | 10/11/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 35  | DC24V1X999 | LÂM THỊ QUỲNH NHƯ   | ED24V1X9 | 10/05/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 36  | FL24V1X901 | NGUYỄN THANH THẢO   | ED24V1X9 | 06/06/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 37  | FL24V1X902 | TRẦN THỊ THOẠI MỸ   | ED24V1X9 | 23/07/1998 |             |              |              |           |         |        |

Tổng số: 37 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....

Họ tên và chữ ký CBCT1:.....

Họ tên và chữ ký CBCT2:.....

Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....

Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: I, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Ngữ pháp nâng cao**  
CBGD: **001884 - Đồng Thanh Hải**  
Ngày thi: **14-12-2025** Ca thi: **10g00**  
Lớp: **ED24V1XX**

Mã học phần: **SG281E**  
Số tín chỉ: **2**  
Điểm thi: **Đại học Cần Thơ**  
Phòng thi: **104**

Nhóm: **1E03**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên                      | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|--------------------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC24V1X949 | NGUYỄN ÁNH PHÚC                | EP24V1X3 | 19/01/2005 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | DC24V1X950 | NGUYỄN VIỆT TUYẾT QUUYÊN CHIÊU | EP24V1X3 | 16/06/2004 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC24V1X952 | LÝ CHÂU GIA KHANG              | EP24V1X3 | 25/09/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 4   | DC24V1X955 | PHẠM THỊ ÁNH DƯƠNG             | EP24V1X3 | 16/09/2004 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | DC24V1X956 | VÕ HUỖNH ANH                   | EP24V1X3 | 28/02/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 6   | FL24V1X955 | NGUYỄN THỊ MAI ANH             | ED24V1XX | 06/11/1993 |             |              |              |           |         |        |

*Tổng số: 6 thí sinh*

*Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT1:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT2:.....*

*Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....*

*Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi*

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: I, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Viết 1 - PV**  
CBGD: **001462 - Nguyễn Hương Trà**  
Ngày thi: **14-12-2025**    Ca thi: **10g00**  
Lớp: **ED25Z9X2**

Mã học phần: **TV209**  
Số tín chỉ: **2**  
Điểm thi: **Đại học Cần Thơ**  
Phòng thi: **104**

Nhóm: **1E01**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên            | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|----------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC25Z9X003 | NGUYỄN LÊ NGỌC ANH   | ED25Z9X2 | 31/03/1991 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | DC25Z9X009 | NGUYỄN ĐĂNG          | ED25Z9X2 | 25/03/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC25Z9X010 | DANH THỊ MINH HIẾU   | ED25Z9X2 | 19/03/1983 |             |              |              |           |         |        |
| 4   | DC25Z9X015 | NGUYỄN HOÀNG LONG    | ED25Z9X2 | 01/01/1974 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | DC25Z9X023 | NGUYỄN HUỲNH HUẾ THU | ED25Z9X2 | 13/05/1985 |             |              |              |           |         |        |
| 6   | DC25Z9X028 | TĂNG THỊ VÂN         | ED25Z9X2 | 20/10/1984 |             |              |              |           |         |        |

*Tổng số: 6 thí sinh*

*Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT1:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT2:.....*

*Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....*

*Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi*

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: I, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Anh văn căn bản 1 (\*)**  
CBGD: **002487 - Lý Thị Ánh Tuyết**  
Ngày thi: **14-12-2025**    Ca thi: **10g00**  
Lớp: **EP2332X2**

Mã học phần: **XH023**  
Số tín chỉ: **4**  
Điểm thi: **Đại học Cần Thơ**  
Phòng thi: **101**

Nhóm: **1E01**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên        | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC2332X205 | NGUYỄN KIM HOÀI  | EP2332X2 | 27/09/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | DC2332X208 | LÊ NHƯ MỘNG      | EP2332X2 | 05/09/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC2332X228 | TRẦN NGỌC THỊNH  | EP2332X2 | 25/02/2000 |             |              |              |           | CT      |        |
| 4   | DC2332X254 | TRẦN ANH THUẬN   | EP2332X2 | 01/09/1979 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | DC2332X260 | PHẠM THANH QUỲNH | EP2332X2 | 14/03/2004 |             |              |              |           |         |        |

Tổng số: 5 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....

Họ tên và chữ ký CBCT1:.....

Họ tên và chữ ký CBCT2:.....

Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....

Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: I, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Anh văn căn bản 3 (\*)**  
CBGD: **001611 - Lê Xuân Mai**  
Ngày thi: **14-12-2025**    Ca thi: **10g00**  
Lớp: **EC25V7X2**

Mã học phần: **XH025**  
Số tín chỉ: **3**  
Điểm thi: **Đại học Cần Thơ**  
Phòng thi: **108**

Nhóm: **1E02**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên               | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|-------------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC2373X110 | LÊ QUANG TRỌNG          | ET2373X2 | 30/12/1998 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | DC24V7X106 | NGUYỄN HOÀNG PHONG      | ET24V7X1 | 12/09/1982 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC24V7X619 | VÕ ĐĂNG KHOA            | EC24V7X2 | 26/05/1992 |             |              |              |           |         |        |
| 4   | DC24V7X627 | CAO NGỌC TÂM            | EC24V7X2 | 12/07/1998 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | DC24V7X629 | VÕ CHÍ THIÊN            | EC24V7X2 | 29/09/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 6   | DC25V7X413 | NGUYỄN PHẠM BÍCH PHƯỢNG | EP25V7X2 | 25/06/1994 |             |              |              |           |         |        |
| 7   | DC25V7X629 | ONG THANH TOÀN          | EC25V7X2 | 14/10/1997 |             |              |              |           |         |        |

*Tổng số: 7 thí sinh*

*Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT1:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT2:.....*

*Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....*

*Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi*

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: I, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Xã hội học đại cương**  
CBGD: **002549 - Ngô Thị Thanh Thúy**  
Ngày thi: **14-12-2025** Ca thi: **13g30**  
Lớp: **EP2267X1**

Mã học phần: **XH028**  
Số tín chỉ: **2**  
Điểm thi: **Đại học Cần Thơ**  
Phòng thi: **101**

Nhóm: **1E01**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên                      | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|--------------------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | BK2267X010 | NGUYỄN LÊ MINH THƯ             | EP2267X1 | 07/07/1995 |             |              |              |           | CT      |        |
| 2   | DC2220X409 | LÊ MỸ HUỖNH                    | EP2220X2 | 09/09/2001 |             |              |              |           | CT      |        |
| 3   | DC2232X602 | NGUYỄN HỮU CỐ                  | ET2232X3 | 02/05/1979 |             |              |              |           |         |        |
| 4   | DC2232X605 | TỔNG HOÀNG KIÊN                | ET2232X3 | 26/10/2004 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | DC2232X609 | NGUYỄN THỊ MAI THẢO            | ET2232X3 | 01/01/1994 |             |              |              |           |         |        |
| 6   | DC2232X610 | VÕ QUỐC THỊNH                  | ET2232X3 | 11/04/1994 |             |              |              |           | CT      |        |
| 7   | DC2232X611 | NGUYỄN PHƯƠNG NHƯ<br>NGỌC TRẦN | ET2232X3 | 10/01/2004 |             |              |              |           |         |        |
| 8   | DC2232X654 | TIÊU QUỲNH NHƯ                 | ET2332X1 | 10/06/2004 |             |              |              |           | CT      |        |
| 9   | DC2232X657 | NGUYỄN QUỐC SỬ                 | ET2332X1 | 12/12/1991 |             |              |              |           |         |        |
| 10  | DC2232X658 | NGUYỄN TRẦN THỂ VINH           | ET2332X1 | 25/08/1999 |             |              |              |           | CT      |        |
| 11  | DC22V1X226 | PHẠM HẢI TRÌNH                 | EP22V1X3 | 22/09/2002 |             |              |              |           | CT      |        |
| 12  | DC22V1X235 | HUỖNH XUÂN YẾN                 | EP22V1X3 | 28/09/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 13  | DC22V1X268 | LÂM THỊ THẢO NGUYỄN            | EP22V1X3 | 24/01/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 14  | DC2320X305 | HUỖNH THỊ MINH THƯ             | EP2320X2 | 11/03/1991 |             |              |              |           |         |        |
| 15  | DC2321X004 | NGÔ VIỆT HÙNG                  | EP2321X1 | 15/02/1991 |             |              |              |           | CT      |        |
| 16  | DC2322X010 | LƯU HUỆ ĐUỜNG                  | EP2322X1 | 29/01/1992 |             |              |              |           | CT      |        |
| 17  | DC2322X020 | PHẠM THỊ LAN OANH              | EP2322X1 | 07/09/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 18  | DC2322X025 | NGUYỄN THỊ TÚ UYÊN             | EP2322X1 | 01/01/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 19  | DC2322X027 | LÝ KIM YẾN                     | EP2322X1 | 16/08/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 20  | DC2322X031 | NGUYỄN QUANG VINH              | EP2322X1 | 17/03/1993 |             |              |              |           |         |        |
| 21  | DC2322X035 | LÊ VĂN HỮU LỢI                 | EP2322X1 | 28/11/1997 |             |              |              |           |         |        |
| 22  | DC2322X036 | CHÂU ANH THƯ                   | EP2322X1 | 10/03/2004 |             |              |              |           |         |        |
| 23  | DC2322X104 | ĐỖ MINH ĐẠT                    | ET2322X1 | 28/01/1994 |             |              |              |           | CT      |        |
| 24  | DC2322X109 | TRẦN VĂN TẤN                   | ET2322X1 | 09/11/1988 |             |              |              |           | CT      |        |
| 25  | DC2332X228 | TRẦN NGỌC THỊNH                | EP2332X2 | 25/02/2000 |             |              |              |           | CT      |        |
| 26  | DC2332X254 | TRẦN ANH THUẬN                 | EP2332X2 | 01/09/1979 |             |              |              |           |         |        |
| 27  | DC2332X260 | PHẠM THANH QUỲNH               | EP2332X2 | 14/03/2004 |             |              |              |           |         |        |
| 28  | DC2332X324 | NGUYỄN THANH LIÊM              | ET2332X2 | 22/03/1995 |             |              |              |           |         |        |
| 29  | DC23V1X512 | BÙI QUỐC NHÂN                  | EP23V1X2 | 06/06/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 30  | FL21V1X324 | NGUYỄN HOÀI TƯƠI<br>XUYỀN      | EF21V1X1 | 10/11/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 31  | NN2267X008 | NGUYỄN THANH DUY               | EP2267X1 | 03/06/2003 |             |              |              |           |         |        |

*Tổng số: 31 thí sinh*

*Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT1:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT2:.....*

*Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....*

*Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi*

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: I, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Dẫn luận ngôn ngữ - Anh văn**

Mã học phần: **XH383**

Nhóm: **1E01**

CBGD: **700797 - Nguyễn Hồng Quý**

Số tín chỉ: **3**

Ngày thi: **14-12-2025** Ca thi: **13g30**

Điểm thi: **Đại học Cần Thơ**

Lớp: **ED24V1X7**

Phòng thi: **104**

Trang 1/2

| Stt | MSSV       | Họ và tên             | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số<br>tờ/Mã<br>đề | Điểm<br>giữa<br>kỳ | Điểm<br>cuối<br>kỳ | Điểm<br>tổng | Ghi<br>chú | Ký tên |
|-----|------------|-----------------------|----------|------------|-------------------|--------------------|--------------------|--------------|------------|--------|
| 1   | DC24V1X172 | NGUYỄN HOÀI VĂN       | ED24V1X6 | 10/05/1999 |                   |                    |                    |              | CT         |        |
| 2   | DC24V1X174 | NGUYỄN TUẤN VŨ        | ED24V1X6 | 05/10/1993 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 3   | DC24V1X175 | ĐẶNG NHƯ Ý            | ED24V1X6 | 16/12/2002 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 4   | DC24V1X176 | NGUYỄN THỊ NHƯ Ý      | ED24V1X6 | 19/12/1985 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 5   | DC24V1X177 | NGUYỄN THỊ THÙY DUNG  | ED24V1X6 | 30/09/2000 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 6   | DC24V1X181 | VƯƠNG TÂN KIẾT        | ED24V1X6 | 26/08/2002 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 7   | DC24V1X182 | TRẦN THANH LUYẾN      | ED24V1X6 | 21/04/2001 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 8   | DC24V1X183 | DANH NHỎ              | ED24V1X6 | 09/12/1993 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 9   | DC24V1X186 | LUU HOÀI SANG         | ED24V1X6 | 15/11/1984 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 10  | DC24V1X189 | LÊ THỊ NHƯ THẢO       | ED24V1X6 | 09/01/2000 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 11  | DC24V1X237 | NGUYỄN HỒNG NHƯ ANH   | ED24V1X6 | 10/05/2002 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 12  | DC24V1X238 | TRẦN HỒNG CA          | ED24V1X6 | 01/01/1989 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 13  | DC24V1X240 | TRỊNH CÔNG DANH       | ED24V1X6 | 14/07/1994 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 14  | DC24V1X241 | TRẦN THÁI DI          | ED24V1X6 | 12/10/1997 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 15  | DC24V1X242 | LÊ THÙY DUNG          | ED24V1X6 | 04/11/1992 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 16  | DC24V1X243 | HUỲNH LÊ NHỰT DUY     | ED24V1X6 | 28/01/1993 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 17  | DC24V1X245 | HOÀNG THÙY DƯƠNG      | ED24V1X6 | 27/05/2002 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 18  | DC24V1X246 | NGUYỄN THỊ THÙY DƯƠNG | ED24V1X6 | 01/05/1998 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 19  | DC24V1X248 | LÊ THÀNH ĐẠT          | ED24V1X6 | 08/05/1999 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 20  | DC24V1X249 | NGUYỄN TÂN ĐẠT        | ED24V1X6 | 29/06/2000 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 21  | DC24V1X250 | TRẦN THỊ HẰNG         | ED24V1X6 | 03/10/1992 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 22  | DC24V1X252 | NGUYỄN TRỌNG HIỆU     | ED24V1X6 | 23/03/1990 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 23  | DC24V1X253 | NGUYỄN KIM HUỆ        | ED24V1X6 | 01/01/1987 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 24  | DC24V1X255 | TRẦN THỊ HỒNG HƯƠNG   | ED24V1X6 | 23/03/2000 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 25  | DC24V1X256 | LÝ GIA KHÁNH          | ED24V1X6 | 02/09/2000 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 26  | DC24V1X258 | LÊ CHÍ LẬP            | ED24V1X6 | 25/08/2000 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 27  | DC24V1X259 | NGUYỄN LÊ MẶN         | ED24V1X6 | 22/02/1997 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 28  | DC24V1X260 | BÙI HOÀNG MINH        | ED24V1X6 | 17/01/1976 |                   |                    |                    |              | CT         |        |
| 29  | DC24V1X262 | LÊ BẢO NGÂN           | ED24V1X6 | 02/01/2001 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 30  | DC24V1X263 | NGUYỄN THANH NGÂN     | ED24V1X6 | 17/08/2001 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 31  | DC24V1X264 | NGUYỄN THỊ THANH NGÂN | ED24V1X6 | 16/09/1996 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 32  | DC24V1X265 | NGUYỄN MINH NGHĨA     | ED24V1X6 | 22/05/1999 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 33  | DC24V1X266 | TRẦN HỮU NGHĨA        | ED24V1X6 | 02/08/1991 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 34  | DC24V1X267 | CHIÊM KIM NGỌC        | ED24V1X6 | 15/02/1996 |                   |                    |                    |              |            |        |

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: I, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Dẫn luận ngôn ngữ - Anh văn**

Mã học phần: **XH383**

Nhóm: **1E01**

CBGD: **700797 - Nguyễn Hồng Quý**

Số tín chỉ: **3**

Ngày thi: **14-12-2025** Ca thi: **13g30**

Điểm thi: **Đại học Cần Thơ**

Lớp: **ED24V1X7**

Phòng thi: **104**

Trang 2/2

| Stt | MSSV       | Họ và tên                | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số<br>tờ/Mã<br>đề | Điểm<br>giữa<br>kỳ | Điểm<br>cuối<br>kỳ | Điểm<br>tổng | Ghi<br>chú | Ký tên |
|-----|------------|--------------------------|----------|------------|-------------------|--------------------|--------------------|--------------|------------|--------|
| 35  | DC24V1X268 | LÊ THIÊN KIM NGỌC        | ED24V1X6 | 03/09/1992 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 36  | DC24V1X269 | VÕ YẾN NGỌC              | ED24V1X6 | 09/05/2002 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 37  | DC24V1X275 | LÊ NGỌC NHI              | ED24V1X6 | 17/09/2001 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 38  | DC24V1X277 | CAO THỊ NHUNG            | ED24V1X6 | 13/05/1994 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 39  | DC24V1X278 | NGUYỄN HUỖNH NHƯ         | ED24V1X6 | 11/10/1993 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 40  | DC24V1X280 | LÊ THỊ NGỌC QUÝ          | ED24V1X6 | 09/09/1999 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 41  | DC24V1X281 | BÙI THỊ THÚY QUYÊN       | ED24V1X6 | 26/04/1998 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 42  | DC24V1X283 | THÁI VÕ BẢO QUYÊN        | ED24V1X6 | 27/12/1989 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 43  | DC24V1X284 | VÕ THẢO QUYÊN            | ED24V1X6 | 05/11/2002 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 44  | DC24V1X285 | BÙI HỒNG NAM THÁI        | ED24V1X6 | 11/03/1984 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 45  | DC24V1X286 | THÁI HUY THÀNH           | ED24V1X6 | 06/09/1984 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 46  | DC24V1X288 | BÙI QUỐC THIÊN           | ED24V1X6 | 09/08/1996 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 47  | DC24V1X289 | NGUYỄN HOÀNG THỊNH       | ED24V1X6 | 10/03/1991 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 48  | DC24V1X290 | LÊ CÔNG THUẬN            | ED24V1X6 | 10/06/1996 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 49  | DC24V1X294 | TRẦN THỊ THANH<br>THƯƠNG | ED24V1X6 | 24/11/1997 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 50  | DC24V1X296 | DANH THỊ THÙY TRÂM       | ED24V1X6 | 01/05/1989 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 51  | DC24V1X300 | NGUYỄN LÊ UYÊN           | ED24V1X6 | 21/04/1994 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 52  | DC24V1X390 | DƯƠNG NGỌC MAI           | ED24V1X7 | 18/12/2000 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 53  | DC24V1X397 | ĐÀO HỒNG KIÊN            | ED24V1X7 | 29/09/1986 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 54  | DC24V1X399 | NGUYỄN THỊ THU NGÂN      | ED24V1X7 | 16/03/1994 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 55  | DC24V1X401 | LÝ HOÀNG PHI             | ED24V1X7 | 20/10/1990 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 56  | DC24V1X403 | NGUYỄN KIM THANH         | ED24V1X7 | 29/07/1992 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 57  | DC24V1X406 | NGUYỄN HOÀI THƯƠNG       | ED24V1X7 | 14/12/1992 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 58  | DC24V1X408 | LÝ VĂN VƯƠNG             | ED24V1X7 | 10/03/2002 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 59  | DC24V1X595 | LÊ THỊ HỒNG CẨM          | ED24V1X7 | 17/04/1988 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 60  | DC24V1X891 | TRỊNH MINH KHA           | ED24V1X7 | 25/09/2002 |                   |                    |                    |              |            |        |

*Tổng số: 60 thí sinh*

*Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT1:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT2:.....*

*Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....*

*Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi*

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: I, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Dẫn luận ngôn ngữ - Anh văn**

Mã học phần: **XH383**

Nhóm: **1E02**

CBGD: **700797 - Nguyễn Hồng Quý**

Số tín chỉ: **3**

Ngày thi: **14-12-2025** Ca thi: **13g30**

Điểm thi: **Đại học Cần Thơ**

Lớp: **ED24V1X8**

Phòng thi: **105**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên             | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|-----------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC24V1X052 | NGUYỄN ĐĂNG KHA       | EP24V1X2 | 12/01/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | DC24V1X058 | HỒ QUANG NGUYỄN       | EP24V1X2 | 09/10/1997 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC24V1X059 | SƠN THANH NHÀN        | EP24V1X2 | 22/12/1985 |             |              |              |           | CT      |        |
| 4   | DC24V1X061 | NGUYỄN SONG PHƯƠNG    | EP24V1X2 | 08/12/1997 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | DC24V1X065 | TRÌNH THỊ THANH THỊ   | EP24V1X2 | 15/01/2005 |             |              |              |           |         |        |
| 6   | DC24V1X069 | ĐOÀN NGUYỄN DIỄM TIÊN | EP24V1X2 | 22/03/1995 |             |              |              |           |         |        |
| 7   | DC24V1X075 | MAI HUỲNH THIÊN NGỌC  | EP24V1X2 | 04/05/2005 |             |              |              |           |         |        |
| 8   | DC24V1X082 | HUỲNH NGÔ NGỌC THẢO   | ET24V1X2 | 22/07/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 9   | DC24V1X085 | PHAN LÊ MINH TRÚC     | ET24V1X2 | 18/03/1993 |             |              |              |           |         |        |
| 10  | DC24V1X394 | LA THÚY VY            | EP24V1X2 | 09/11/2005 |             |              |              |           |         |        |
| 11  | DC24V1X396 | LƯU THỊ TƯỜNG VY      | ET24V1X2 | 21/06/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 12  | DC24V1X818 | TRẦN HOÀNG KHẢI       | EP24V1X2 | 09/01/1991 |             |              |              |           | CT      |        |
| 13  | DC24V1X820 | NGUYỄN THỊ HUỲNH LIÊN | EP24V1X2 | 02/11/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 14  | DC24V1X857 | VÕ THÁI DƯƠNG         | ED24V1X8 | 03/10/1992 |             |              |              |           | CT      |        |
| 15  | DC24V1X858 | TRƯƠNG XUÂN ĐIỆP      | ED24V1X8 | 24/05/1978 |             |              |              |           |         |        |
| 16  | DC24V1X859 | PHẠM KHÁNH ĐOAN       | ED24V1X8 | 10/03/1995 |             |              |              |           |         |        |
| 17  | DC24V1X864 | VÕ THANH HUY          | ED24V1X8 | 21/02/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 18  | DC24V1X866 | BÙI NHƯ HUỲNH         | ED24V1X8 | 12/06/1995 |             |              |              |           |         |        |
| 19  | DC24V1X870 | TRẦN ĐĂNG KHOA        | ED24V1X8 | 28/01/1996 |             |              |              |           |         |        |
| 20  | DC24V1X882 | NGUYỄN TRẦN NHƯ NGỌC  | ED24V1X8 | 13/06/1998 |             |              |              |           |         |        |
| 21  | DC24V1X883 | ĐÀO THỊ Ý NHI         | ED24V1X8 | 30/07/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 22  | DC24V1X885 | NGUYỄN THỊ CẨM NHUNG  | ED24V1X8 | 25/11/1992 |             |              |              |           |         |        |
| 23  | DC24V1X901 | LÊ HỒNG THỊNH         | ED24V1X8 | 28/03/1988 |             |              |              |           |         |        |
| 24  | DC24V1X903 | NGUYỄN VĂN THOẢNG     | ED24V1X8 | 30/06/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 25  | DC24V1X904 | NGUYỄN HOÀNG THUẤN    | ED24V1X8 | 09/08/1982 |             |              |              |           |         |        |
| 26  | DC24V1X906 | PHÙNG MINH THƯ        | ED24V1X8 | 20/07/1997 |             |              |              |           |         |        |
| 27  | DC24V1X914 | PHẠM HỒ BẢO TRẦN      | ED24V1X8 | 23/06/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 28  | DC24V1X915 | TRẦN THIÊN TRÍ        | ED24V1X8 | 25/12/1994 |             |              |              |           |         |        |
| 29  | DC24V1X916 | NGUYỄN PHƯƠNG TRÌNH   | ED24V1X8 | 26/11/1990 |             |              |              |           |         |        |

*Tổng số: 29 thí sinh*

*Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT1:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT2:.....*

*Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....*

*Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi*

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: I, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Luật tài chính nhà nước**  
CBGD: **001698 - Lê Huỳnh Phương Chính**  
Ngày thi: **14-12-2025** Ca thi: **13g30**  
Lớp: **ED2432X3**

Mã học phần: **KL124**  
Số tín chỉ: **3**  
Điểm thi: **Đại học Cần Thơ**  
Phòng thi: **102**

Nhóm: **1E01**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên           | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|---------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | CT2032X672 | VÕ THỊ MỸ TRÀ       | ET2032X2 | 01/01/1985 |             |              |              |           | CT      |        |
| 2   | DC2432X711 | NGUYỄN THỊ NGỌC HÂN | EP2432X3 | 06/07/2006 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC2432X713 | LÊ ĐỨC HUY          | EP2432X3 | 17/11/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 4   | DC2432X715 | NGUYỄN HỮU KHÁNH    | EP2432X3 | 29/10/1997 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | DC2432X720 | HUỲNH NGỌC NGÂN     | EP2432X3 | 02/02/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 6   | DC2432X723 | NGUYỄN THANH PHÚ    | EP2432X3 | 08/08/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 7   | DC2432X800 | TRẦN NGUYỄN KHẢ ÁI  | ED2432X3 | 29/08/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 8   | DC2432X801 | TÔ MAI BÌNH         | ED2432X3 | 04/01/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 9   | DC2432X826 | VÕ THỊ LỘC          | ED2432X3 | 25/11/1984 |             |              |              |           |         |        |
| 10  | DC2432X827 | DƯƠNG VĂN LUÂN      | ED2432X3 | 15/06/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 11  | DC2432X831 | LÊ THỊ KIM NGÂN     | ED2432X3 | 27/07/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 12  | DC2432X833 | TRẦN QUỐC NGHĨA     | ED2432X3 | 16/05/1992 |             |              |              |           |         |        |
| 13  | DC2432X835 | NGUYỄN YẾN NGỌC     | ED2432X3 | 11/04/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 14  | DC2432X845 | LÊ THANH PHÚC       | ED2432X3 | 19/09/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 15  | DC2432X859 | NGUYỄN QUANG THÁI   | ED2432X3 | 09/10/1997 |             |              |              |           |         |        |
| 16  | DC2432X862 | VÕ THỊ HỒNG THẨM    | ED2432X3 | 30/06/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 17  | DC2432X873 | NGUYỄN THUY TRANG   | ED2432X3 | 08/06/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 18  | DC2432X880 | NGUYỄN PHÚC VINH    | ED2432X3 | 02/03/1993 |             |              |              |           |         |        |

*Tổng số: 18 thí sinh*

*Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT1:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT2:.....*

*Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....*

*Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi*

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: I, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Luật tố tụng hình sự**  
CBGD: **002088 - Nguyễn Chí Hiếu**  
Ngày thi: **14-12-2025** Ca thi: **13g30**  
Lớp: **ED2432X2**

Mã học phần: **KL371**  
Số tín chỉ: **2**  
Điểm thi: **Đại học Cần Thơ**  
Phòng thi: **109**

Nhóm: **1E01**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên             | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|-----------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC2332X091 | KỲ QUỐC BẢO           | ET2332X1 | 03/09/1988 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | DC2432X157 | DƯƠNG TỬ THIÊN        | EP2432X2 | 17/03/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC2432X164 | DƯƠNG CÔNG ĐÌNH       | EP2432X2 | 20/10/1985 |             |              |              |           |         |        |
| 4   | DC2432X188 | PHẠM LÊ TÀI           | EP2432X2 | 30/10/2005 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | DC2432X479 | NGUYỄN KHÁNH DUY      | ED2432X2 | 04/09/1986 |             |              |              |           |         |        |
| 6   | DC2432X490 | NGUYỄN HOÀNG HIỀN     | ED2432X2 | 22/11/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 7   | DC2432X491 | NGUYỄN TRUNG HIẾU     | ED2432X2 | 03/02/1981 |             |              |              |           |         |        |
| 8   | DC2432X493 | HÀ MINH QUANG HUY     | ED2432X2 | 25/09/1980 |             |              |              |           |         |        |
| 9   | DC2432X497 | TRẦN MINH KHOA        | ED2432X2 | 29/10/1992 |             |              |              |           | CT      |        |
| 10  | DC2432X502 | NGUYỄN HỒNG LOAN      | ED2432X2 | 12/12/1980 |             |              |              |           |         |        |
| 11  | DC2432X504 | CAO NGỌC KIM LÝ       | ED2432X2 | 18/09/1994 |             |              |              |           |         |        |
| 12  | DC2432X509 | TẠ MINH NGHĨA         | ED2432X2 | 01/01/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 13  | DC2432X515 | MAI DUY PHÁT          | ED2432X2 | 13/07/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 14  | DC2432X525 | VÕ THIÊN TIẾN         | ED2432X2 | 25/06/1997 |             |              |              |           |         |        |
| 15  | DC2432X530 | LÊ THÙY NGỌC TRÚC     | ED2432X2 | 01/07/1995 |             |              |              |           |         |        |
| 16  | DC2432X531 | NGUYỄN THỊ HUỲNH TRÚC | ED2432X2 | 11/04/1986 |             |              |              |           |         |        |
| 17  | DC2432X545 | LÊ KIM ĐÌNH           | ED2432X2 | 28/08/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 18  | DC2432X570 | TRẦN HOÀNG MINH       | ED2432X2 | 18/06/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 19  | DC2432X571 | LÊ THỊ THÙY NGÂN      | ED2432X2 | 05/09/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 20  | DC2432X580 | NGUYỄN HUỲNH NHƯ      | ED2432X2 | 13/09/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 21  | DC2432X581 | NGUYỄN HÀ TẤN PHÁT    | ED2432X2 | 31/10/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 22  | DC2432X595 | PHẠM THỊ THƠ          | ED2432X2 | 06/07/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 23  | DC2432X604 | VÕ NGỌC TIỀN          | ED2432X2 | 19/03/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 24  | DC2432X607 | LÊ BẢO TRẦN           | ED2432X2 | 03/02/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 25  | DC2432X611 | DƯƠNG THANH TÙNG      | ED2432X2 | 14/12/1990 |             |              |              |           |         |        |
| 26  | DC2432X632 | TRẦN TUẤN KHANH       | ED2432X2 | 16/01/2003 |             |              |              |           | CT      |        |

*Tổng số: 26 thí sinh*

*Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT1:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT2:.....*

*Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....*

*Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi*

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: I, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Tổ chức công sở và nhân sự hành chính** Mã học phần: **KL382** Nhóm: **1E01**  
CBGD: **002388 - Lâm Bá Khánh Toàn** Số tín chỉ: **2**  
Ngày thi: **14-12-2025** Ca thi: **13g30** Điểm thi: **Đại học Cần Thơ**  
Lớp: **ET2032X2** Phòng thi: **103**

Trang 1/2

| Stt | MSSV       | Họ và tên              | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số<br>tờ/Mã<br>đề | Điểm<br>giữa<br>kỳ | Điểm<br>cuối<br>kỳ | Điểm<br>tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|------------------------|----------|------------|-------------------|--------------------|--------------------|--------------|---------|--------|
| 1   | CT2432X026 | HUỖNH THANH ĐẠI        | EP2432X1 | 20/08/1999 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 2   | CT2432X027 | HUỖNH NGUYỄN PHÁT ĐẠT  | EP2432X1 | 07/07/1994 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 3   | CT2432X274 | TRƯỜNG THÚY VY         | ED2432X1 | 31/10/1993 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 4   | DC2432X001 | NGUYỄN NHƯ BẰNG        | EP2432X1 | 05/02/2002 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 5   | DC2432X003 | LÊ NGÂN TRUNG HẬU      | EP2432X1 | 12/11/1996 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 6   | DC2432X004 | VÕ ÁNH HUY             | EP2432X1 | 02/02/1994 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 7   | DC2432X005 | NGUYỄN HOÀNG KHEL      | EP2432X1 | 27/09/1996 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 8   | DC2432X008 | NGUYỄN TRỌNG NHÂN      | EP2432X1 | 17/11/2005 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 9   | DC2432X009 | PHẠM LÊ THẢO NHI       | EP2432X1 | 07/12/2001 |                   |                    |                    |              | CT      |        |
| 10  | DC2432X015 | VÕ NGỌC TUYỀN          | EP2432X1 | 14/07/2005 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 11  | DC2432X016 | LÊ NGUYỄN NGỌC SƯƠNG   | EP2432X1 | 01/11/2003 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 12  | DC2432X036 | TRẦN ANH BẰNG          | EP2432X1 | 21/12/1998 |                   |                    |                    |              | CT      |        |
| 13  | DC2432X037 | ÂU GIA BỬU             | EP2432X1 | 29/09/1989 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 14  | DC2432X047 | LÊ THỊ TRÚC LY         | EP2432X1 | 19/02/1994 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 15  | DC2432X048 | HUỖNH QUANG MINH       | EP2432X1 | 22/11/1988 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 16  | DC2432X058 | DƯƠNG THỊ THU THẢO     | EP2432X1 | 08/10/2003 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 17  | DC2432X108 | NGUYỄN THỊ KIỀU NƯƠNG  | ET2432X1 | 17/11/1996 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 18  | DC2432X112 | DƯƠNG THANH TÙNG       | ET2432X1 | 18/02/1988 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 19  | DC2432X118 | HUỖNH NGỌC SANG        | EP2432X1 | 02/12/1988 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 20  | DC2432X125 | PHAN PHÚC HẬU          | EP2432X1 | 27/08/2000 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 21  | DC2432X203 | NGUYỄN HOÀNG ẮN        | ED2432X1 | 20/06/1994 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 22  | DC2432X227 | LÝ TUẤN THANH          | ED2432X1 | 01/01/1987 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 23  | DC2432X276 | NGUYỄN HUỖNH QUẾ ANH   | ED2432X1 | 03/10/1986 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 24  | DC2432X278 | LÊ THỊ NGỌC CHÚC       | ED2432X1 | 24/03/2001 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 25  | DC2432X282 | TRẦN NGỌC DIỄM         | ED2432X1 | 29/12/1992 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 26  | DC2432X284 | TRẦN NGUYỄN THÙY DƯƠNG | ED2432X1 | 08/09/1992 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 27  | DC2432X293 | PHẠM ANH KIỆT          | ED2432X1 | 02/12/1976 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 28  | DC2432X299 | TRẦN NGUYỄN XUÂN MAI   | ED2432X1 | 20/12/1999 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 29  | DC2432X300 | NGUYỄN CHIẾN MẠNH      | ED2432X1 | 11/12/1976 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 30  | DC2432X306 | VƯƠNG LÊ VĨNH NGHI     | ED2432X1 | 01/01/1986 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 31  | DC2432X307 | TRẦN TRỌNG NGHĨA       | ED2432X1 | 30/07/1983 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 32  | DC2432X317 | LÊ HUỖNH NHỰT          | ED2432X1 | 06/07/1982 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 33  | DC2432X318 | DƯƠNG HỒNG PHÁT        | ED2432X1 | 19/08/2001 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 34  | DC2432X321 | HUỖNH THIÊN PHƯỚC      | ED2432X1 | 02/12/1993 |                   |                    |                    |              |         |        |

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: I, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Tổ chức công sở và nhân sự hành chính** Mã học phần: **KL382** Nhóm: **1E01**  
CBGD: **002388 - Lâm Bá Khánh Toàn** Số tín chỉ: **2**  
Ngày thi: **14-12-2025** Ca thi: **13g30** Điểm thi: **Đại học Cần Thơ**  
Lớp: **ET2032X2** Phòng thi: **103**

Trang 2/2

| Stt | MSSV       | Họ và tên            | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|----------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 35  | DC2432X329 | NGUYỄN VIỆT THÀNH    | ED2432X1 | 26/06/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 36  | DC2432X336 | PHÙNG ANH TUÂN       | ED2432X1 | 07/08/1997 |             |              |              |           |         |        |
| 37  | DC2432X421 | NGUYỄN ĐIỀU MINH ANH | ED2432X1 | 13/09/2001 |             |              |              |           | CT      |        |
| 38  | DC2432X423 | TRẦN THỊ THẢO BÉ     | ED2432X1 | 03/02/1988 |             |              |              |           |         |        |
| 39  | DC2432X427 | NGUYỄN THỊ NGỌC ĐÀO  | ED2432X1 | 02/05/1991 |             |              |              |           |         |        |
| 40  | DC2432X435 | HUỖNH ANH KHÔI       | ED2432X1 | 15/04/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 41  | DC2432X465 | TRẦN THANH TUẤN      | ED2432X1 | 20/12/1989 |             |              |              |           |         |        |
| 42  | DC2432X474 | TRẦN CẨM TÚ          | ED2432X1 | 24/12/1995 |             |              |              |           |         |        |
| 43  | LK2032X549 | TRƯƠNG VĂN HOÀNG LỘC | ET2032X2 | 16/03/1983 |             |              |              |           |         |        |

*Tổng số: 43 thí sinh*

*Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT1:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT2:.....*

*Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....*

*Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi*

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: I, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Kinh tế vi mô 1**

Mã học phần: **KT101**

Nhóm: **1E01**

CBGD: **002504 - Nguyễn Ngọc Đức**

Số tín chỉ: **3**

Ngày thi: **14-12-2025** Ca thi: **13g30**

Điểm thi: **Đại học Cần Thơ**

Lớp: **ED2522X2**

Phòng thi: **108**

Trang 1/2

| Stt | MSSV       | Họ và tên             | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số<br>tờ/Mã<br>đề | Điểm<br>giữa<br>kỳ | Điểm<br>cuối<br>kỳ | Điểm<br>tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|-----------------------|----------|------------|-------------------|--------------------|--------------------|--------------|---------|--------|
| 1   | CT2520X419 | PHAN THỊ NGỌC THÙY    | EP2520X2 | 24/12/2006 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 2   | DC2520X401 | NGUYỄN NGỌC TRÂM ANH  | EP2520X2 | 28/07/2005 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 3   | DC2520X407 | LƯƠNG LÊ HỒNG NGÀ     | EP2520X2 | 15/03/1998 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 4   | DC2520X408 | ĐẶNG THỊ THANH NGÂN   | EP2520X2 | 14/07/2001 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 5   | DC2520X409 | HUỖNH THỊ KIM NGÂN    | EP2520X2 | 22/02/2007 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 6   | DC2520X420 | HUỖNH THỊ ANH THU     | EP2520X2 | 15/06/2005 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 7   | DC2520X423 | VÕ THỊ HUYỀN TRẦN     | EP2520X2 | 19/08/1995 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 8   | DC2520X424 | BÙI THỊ TƯỜNG VÂN     | EP2520X2 | 25/07/1984 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 9   | DC2520X501 | NGUYỄN TẠ QUÍ LAN     | ET2520X2 | 23/02/1992 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 10  | DC2520X525 | VÕ THỊ TRÚC THANH     | ET2520X2 | 23/06/1991 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 11  | DC2520X530 | ĐẶNG HOÀNG PHÚC       | ET2520X2 | 20/11/2003 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 12  | DC2520X623 | LÊ THỊ HỒNG LINH      | EC2520X2 | 13/09/1992 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 13  | DC2520X624 | TÔ ĐỖ THANH LOAN      | EC2520X2 | 04/09/1987 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 14  | DC2520X625 | LÊ NGỌC TƯỜNG LỘC     | EC2520X2 | 28/05/1986 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 15  | DC2520X626 | CAO THỊ CHÚC LY       | EC2520X2 | 24/07/1989 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 16  | DC2520X627 | ĐÀO HOÀNG MAI         | EC2520X2 | 27/05/2003 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 17  | DC2520X635 | LÝ THU THẢO           | EC2520X2 | 30/01/1992 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 18  | DC2520X636 | NGUYỄN LÊ THU THẢO    | EC2520X2 | 10/02/2001 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 19  | DC2520X639 | NGUYỄN HOÀNG THẮNG    | EC2520X2 | 28/10/2002 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 20  | DC2520X640 | LÊ THỊ MỸ THIÊN       | EC2520X2 | 27/12/2003 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 21  | DC2520X644 | TẠ HOÀNG PHƯƠNG TRÂM  | EC2520X2 | 23/11/1992 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 22  | DC2520X704 | VÕ THỊ KIỀU DIỄM      | ED2520X2 | 12/02/1973 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 23  | DC2520X706 | NGUYỄN THỊ CẨM GIÈNG  | ED2520X2 | 19/09/1995 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 24  | DC2520X711 | TRẦN TRUNG KHANG      | ED2520X2 | 25/06/1995 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 25  | DC2520X714 | TRẦN THỊ LỜI          | ED2520X2 | 15/11/1989 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 26  | DC2520X723 | NGUYỄN THỊ NHẬT QUỲNH | ED2520X2 | 27/01/2000 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 27  | DC2520X731 | NGUYỄN LÂM HỒNG TRẦN  | ED2520X2 | 20/11/1998 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 28  | DC2520X732 | MAI QUỐC VINH         | ED2520X2 | 09/12/2001 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 29  | DC2522X402 | PHẠM HÙNG CƯỜNG       | EP2522X2 | 05/10/1992 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 30  | DC2522X403 | NGUYỄN HỮU DINH       | EP2522X2 | 24/11/2000 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 31  | DC2522X404 | LÊ THỊ MỸ DUYÊN       | EP2522X2 | 06/06/2005 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 32  | DC2522X406 | HỒ HẢI ĐĂNG           | EP2522X2 | 21/09/2007 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 33  | DC2522X415 | TRẦN ĐĂNG KHOA        | EP2522X2 | 19/10/2004 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 34  | DC2522X416 | LÂM THỊ MỸ LINH       | EP2522X2 | 09/10/2007 |                   |                    |                    |              |         |        |

## DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ: I, năm học: 2025 - 2026

Học phần/Nhóm: **Kinh tế vi mô 1**

Mã học phần: **KT101**

Nhóm: **1E01**

CBGD: **002504 - Nguyễn Ngọc Đức**

Số tín chỉ: **3**

Ngày thi: **14-12-2025** Ca thi: **13g30**

Điểm thi: **Đại học Cần Thơ**

Lớp: **ED2522X2**

Phòng thi: **108**

Trang 2/2

| Stt | MSSV       | Họ và tên              | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|------------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 35  | DC2522X419 | NGUYỄN THỊ NGỌC MAI    | EP2522X2 | 17/05/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 36  | DC2522X420 | NGUYỄN VĂN NGOAN       | EP2522X2 | 17/01/2005 |             |              |              |           |         |        |
| 37  | DC2522X423 | NGUYỄN THỊ XUÂN NHI    | EP2522X2 | 19/12/1995 |             |              |              |           |         |        |
| 38  | DC2522X424 | LÂM HƯNG PHÁT          | EP2522X2 | 09/09/2005 |             |              |              |           |         |        |
| 39  | DC2522X426 | NGUYỄN HOÀNG TÂN       | EP2522X2 | 14/02/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 40  | DC2522X427 | NGUYỄN NGỌC THỐNG      | EP2522X2 | 13/06/1991 |             |              |              |           |         |        |
| 41  | DC2522X430 | THÂN HOÀNG TIẾN        | EP2522X2 | 10/07/2004 |             |              |              |           |         |        |
| 42  | DC2522X433 | ĐẶNG THỊ TÚ TRINH      | EP2522X2 | 15/06/2004 |             |              |              |           |         |        |
| 43  | DC2522X434 | NGUYỄN THỊ TUYẾT TRINH | EP2522X2 | 09/11/1997 |             |              |              |           |         |        |
| 44  | DC2522X501 | ĐẶNG THỊ TRÚC MY       | ET2522X2 | 26/07/1994 |             |              |              |           |         |        |
| 45  | DC2522X507 | CHÂU THỊ HUYỀN TRẦN    | ET2522X2 | 04/04/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 46  | DC2522X508 | LÂM VŨ                 | ET2522X2 | 20/12/1993 |             |              |              |           |         |        |
| 47  | DC2522X510 | TRẦN ĐẠI MÂN           | ET2522X2 | 19/02/1998 |             |              |              |           |         |        |
| 48  | DC2522X511 | PHẠM TRƯỜNG KHẢI       | ET2522X2 | 01/07/1996 |             |              |              |           |         |        |
| 49  | DC2522X515 | LÊ HỮU THÀNH           | ET2522X2 | 26/09/1991 |             |              |              |           |         |        |
| 50  | DC2522X700 | LÊ VŨ HỒNG ANH         | ED2522X2 | 05/09/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 51  | DC2522X707 | TRƯỜNG HỒ MINH LUÂN    | ED2522X2 | 22/02/1989 |             |              |              |           |         |        |
| 52  | DC2522X714 | TRẦN THỊ KIM THO       | ED2522X2 | 09/10/1995 |             |              |              |           |         |        |
| 53  | DC2522X716 | NGUYỄN THỊ MINH THU    | ED2522X2 | 31/03/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 54  | DC2522X719 | TRƯỜNG TÚ UYÊN         | ED2522X2 | 21/04/1992 |             |              |              |           |         |        |

Tổng số: 54 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....

Họ tên và chữ ký CBCT1:.....

Họ tên và chữ ký CBCT2:.....

Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....

Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: I, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Phương pháp tư duy và kỹ năng giải quyết vấn đề**

Mã học phần: **KT119**

Nhóm: **1E01**

CBGD: **002382 - Đỗ Thị Hoài Giang**

Số tín chỉ: **2**

Ngày thi: **14-12-2025** Ca thi: **13g30**

Điểm thi: **Đại học Cần Thơ**

Lớp: **EC2522X1**

Phòng thi: **102**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên              | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|------------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | CT2522X208 | TRẦN THỊ TRÚC LINH     | EC2522X1 | 21/01/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | CT2522X219 | THÁI HẢI THANH         | EC2522X1 | 27/02/2004 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC2421X111 | NGUYỄN HOÀNG NGỌC TRÂM | EC2421X1 | 10/12/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 4   | DC2421X237 | NGUYỄN LONG NHẬT       | ED2421X1 | 03/06/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | DC2522X001 | TRẦN NGUYỄN TÂM ANH    | EP2522X1 | 23/12/1987 |             |              |              |           |         |        |
| 6   | DC2522X003 | MAI GIA BẢO            | EP2522X1 | 24/08/1993 |             |              |              |           |         |        |
| 7   | DC2522X014 | NGUYỄN HỮU LỢI         | EP2522X1 | 08/03/1989 |             |              |              |           |         |        |
| 8   | DC2522X202 | LÊ THÚY DUY            | EC2522X1 | 18/03/2004 |             |              |              |           |         |        |
| 9   | DC2522X203 | TRẦN VĂN KHÁNH DƯƠNG   | EC2522X1 | 22/11/2004 |             |              |              |           |         |        |
| 10  | DC2522X207 | HUỲNH MAI YẾN LINH     | EC2522X1 | 15/09/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 11  | DC2522X210 | TRẦN NGUYỄN NGỌC NGÂN  | EC2522X1 | 08/11/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 12  | DC2522X215 | NGUYỄN NGỌC NHƯ QUỲNH  | EC2522X1 | 29/09/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 13  | DC2522X216 | NGUYỄN THỊ HỒNG SƯƠNG  | EC2522X1 | 16/07/2004 |             |              |              |           |         |        |
| 14  | DC2522X220 | CAO VĂN THIÊN          | EC2522X1 | 20/10/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 15  | DC2522X222 | NGUYỄN NGỌC THUY TRANG | EC2522X1 | 26/08/2002 |             |              |              |           |         |        |

*Tổng số: 15 thí sinh*

*Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT1:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT2:.....*

*Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....*

*Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi*

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: I, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Phân tích báo cáo tài chính khu vực công** Mã học phần: **KT464E** Nhóm: **1E01**  
CBGD: **001047 - Nguyễn Hữu Đăng** Số tín chỉ: **2**  
Ngày thi: **14-12-2025** Ca thi: **13g30** Điểm thi: **Đại học Cần Thơ**  
Lớp: **ED2320X2** Phòng thi: **105**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên             | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|-----------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC2320X609 | NGUYỄN THỊ DIỄM PHI   | ED2320X2 | 06/09/1995 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | DC2420X257 | NGUYỄN THỊ MỘNG HUYỀN | EC2420X2 | 11/10/1993 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC2420X291 | TRƯƠNG THỊ CHÂU ĐOAN  | EC2420X2 | 21/04/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 4   | DC2420X311 | DƯƠNG THỊ THANH NHANH | ED2420X1 | 15/06/1996 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | DC2420X317 | NGUYỄN TRUNG TÍN      | ED2420X1 | 03/12/1981 |             |              |              |           |         |        |
| 6   | DC2420X340 | DƯƠNG HỒNG HON        | ED2420X1 | 15/02/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 7   | DC2420X356 | HUỲNH THỊ KIM THẢO    | ED2420X1 | 12/07/1992 |             |              |              |           |         |        |
| 8   | DC2420X357 | NGUYỄN DƯƠNG ANH THƯ  | ED2420X1 | 04/05/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 9   | NS2320X614 | NGUYỄN THỊ ANH ĐÀO    | ED2320X2 | 13/03/1984 |             |              |              |           |         |        |

*Tổng số: 9 thí sinh*

*Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT1:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT2:.....*

*Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....*

*Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi*

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: I, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Vi sinh đại cương - CNTY**

Mã học phần: **NN109**

Nhóm: **1E01**

CBGD: **002251 - Nguyễn Thu Tâm**

Số tín chỉ: **2**

Ngày thi: **14-12-2025** Ca thi: **13g30**

Điểm thi: **Đại học Cần Thơ**

Lớp: **ED2567X2**

Phòng thi: **102**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên           | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|---------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC2567X410 | NGUYỄN THỊ NGỌC THU | EP2567X2 | 02/08/1994 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | DC2567X707 | ĐÌNH THỊ NGỌC HIỆP  | ED2567X2 | 12/07/1990 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC2567X714 | DƯƠNG VĂN SƠN       | ED2567X2 | 16/06/1984 |             |              |              |           |         |        |
| 4   | DC2567X715 | PHẠM HỮU TÂM        | ED2567X2 | 02/10/1985 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | DT2567X719 | NGUYỄN VĂN TRẦN     | ED2567X2 | 13/02/1984 |             |              |              |           |         |        |

*Tổng số: 5 thí sinh*

*Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT1:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT2:.....*

*Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....*

*Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi*

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: I, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Sinh học phân tử**  
CBGD: **002911 - Trương Quỳnh Như**  
Ngày thi: **14-12-2025** Ca thi: **13g30**  
Lớp: **ED2267X1**

Mã học phần: **NS277**  
Số tín chỉ: **2**  
Điểm thi: **Đại học Cần Thơ**  
Phòng thi: **109**

Nhóm: **1E01**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên              | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|------------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | AG2367X122 | ĐẶNG NHẬT TÂN          | ET2367X1 | 14/11/1995 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | DC2367X003 | ĐÌNH DUY ANH           | EP2367X1 | 29/08/1995 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC2367X006 | THẠCH SUÔNG SA NỐT     | EP2367X1 | 05/02/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 4   | DC2367X007 | VÕ ÁNH PHƯỢNG          | EP2367X1 | 04/04/1989 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | DC2367X008 | PHẠM THANH TÔNG        | EP2367X1 | 08/10/1988 |             |              |              |           |         |        |
| 6   | DC2367X016 | NGUYỄN PHẠM MINH THIÊN | EP2367X1 | 18/01/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 7   | DC2367X115 | NGUYỄN THUẦN HỒNG      | ET2367X1 | 19/12/1982 |             |              |              |           |         |        |
| 8   | DC2367X121 | PHẠM DUY TUÔNG         | ET2367X1 | 19/07/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 9   | DC2367X125 | LÊ VĂN TIẾN            | ET2367X1 | 21/07/1992 |             |              |              |           |         |        |
| 10  | DC2367X315 | NGUYỄN THỊ THU HIỀN    | ED2367X1 | 10/08/1984 |             |              |              |           |         |        |
| 11  | DC2367X316 | THÁI THÀNH HIỀN        | ED2367X1 | 18/05/1987 |             |              |              |           |         |        |
| 12  | DC2367X322 | HUỲNH MINH NGUYỆT      | ED2367X1 | 06/08/1986 |             |              |              |           |         |        |
| 13  | DC2367X323 | TRẦN THỊ HỒNG OANH     | ED2367X1 | 10/08/1990 |             |              |              |           |         |        |
| 14  | DC2367X349 | TRẦN MINH NGỌC         | ED2367X1 | 05/06/1990 |             |              |              |           |         |        |
| 15  | DC2367X356 | NGUYỄN TUẤN ANH        | ED2367X1 | 19/10/1998 |             |              |              |           | CT      |        |
| 16  | DC2367X359 | LÊ VĂN LUẬT            | ED2367X1 | 10/04/1983 |             |              |              |           |         |        |
| 17  | NN2267X219 | PHẠM TRÍ HÙNG          | ED2267X1 | 06/08/1989 |             |              |              |           |         |        |

*Tổng số: 17 thí sinh*

*Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT1:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT2:.....*

*Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....*

*Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi*

## DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

**Học kỳ: I, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Virút hại thực vật**

Mã học phần: **NS310**

Nhóm: **1E01**

CBGD: **002415 - Ngô Thành Trí**

Số tín chỉ: **2**

Ngày thi: **14-12-2025** Ca thi: **13g30**

Điểm thi: **Đại học Cần Thơ**

Lớp: **EP2473X3**

Phòng thi: **101**

Trang 1/1

| Stt      | MSSV       | Họ và tên         | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|----------|------------|-------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| <b>1</b> | DC2473X402 | LÊ ANH KIẾT       | EP2473X3 | 21/07/1999 |             |              |              |           | CT      |        |
| <b>2</b> | DC2473X406 | NGUYỄN QUỐC TRẠNG | EP2473X3 | 27/11/1987 |             |              |              |           |         |        |

*Tổng số: 2 thí sinh*

*Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT1:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT2:.....*

*Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....*

*Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi*

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: I, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Ngữ pháp 1 - PV**  
CBGD: **002011 - Lữ Quốc Vinh**  
Ngày thi: **14-12-2025** Ca thi: **13g30**  
Lớp: **ED25Z9X2**

Mã học phần: **TV213**  
Số tín chỉ: **2**  
Điểm thi: **Đại học Cần Thơ**  
Phòng thi: **108**

Nhóm: **1E01**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên            | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|----------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC25Z9X003 | NGUYỄN LÊ NGỌC ANH   | ED25Z9X2 | 31/03/1991 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | DC25Z9X009 | NGUYỄN ĐĂNG          | ED25Z9X2 | 25/03/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC25Z9X010 | DANH THỊ MINH HIẾU   | ED25Z9X2 | 19/03/1983 |             |              |              |           |         |        |
| 4   | DC25Z9X015 | NGUYỄN HOÀNG LONG    | ED25Z9X2 | 01/01/1974 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | DC25Z9X023 | NGUYỄN HUỲNH HUẾ THU | ED25Z9X2 | 13/05/1985 |             |              |              |           |         |        |
| 6   | DC25Z9X028 | TĂNG THỊ VÂN         | ED25Z9X2 | 20/10/1984 |             |              |              |           |         |        |

*Tổng số: 6 thí sinh*

*Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT1:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT2:.....*

*Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....*

*Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi*

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ: I, năm học: 2025 - 2026

Học phần/Nhóm: **Siêu dữ liệu ứng dụng**  
CBGD: **001824 - Lý Thành Lũy**  
Ngày thi: **14-12-2025**    Ca thi: **13g30**  
Lớp: **ED2480X1**

Mã học phần: **TV257**  
Số tín chỉ: **2**  
Điểm thi: **Đại học Cần Thơ**  
Phòng thi: **101**

Nhóm: **1E01**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên             | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|-----------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC2480X104 | TRẦN THỊ BÍCH HẠNH    | ET2480X1 | 02/10/1987 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | DC2480X124 | ĐÌNH THỊ THỦY         | ET2480X1 | 26/03/1984 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC2480X207 | NGUYỄN THỊ BÍCH DUYÊN | ED2480X1 | 21/07/1990 |             |              |              |           |         |        |

Tổng số: 3 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....

Họ tên và chữ ký CBCT1:.....

Họ tên và chữ ký CBCT2:.....

Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....

Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: I, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Pháp luật về nhà ở**  
CBGD: **002590 - Lâm Thị Bích Trâm**  
Ngày thi: **14-12-2025** Ca thi: **14g45**  
Lớp: **ET2332X2**

Mã học phần: **KL386**  
Số tín chỉ: **2**  
Điểm thi: **Đại học Cần Thơ**  
Phòng thi: **103**

Nhóm: **1E01**

Trang 1/2

| Stt | MSSV       | Họ và tên              | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số<br>tờ/Mã<br>đề | Điểm<br>giữa<br>kỳ | Điểm<br>cuối<br>kỳ | Điểm<br>tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|------------------------|----------|------------|-------------------|--------------------|--------------------|--------------|---------|--------|
| 1   | CT2432X026 | HUỖNH THANH ĐẠI        | EP2432X1 | 20/08/1999 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 2   | CT2432X027 | HUỖNH NGUYỄN PHÁT ĐẠT  | EP2432X1 | 07/07/1994 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 3   | CT2432X274 | TRƯƠNG THÚY VY         | ED2432X1 | 31/10/1993 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 4   | DC2332X018 | TRẦN ĐĂNG MINH         | ET2332X1 | 24/07/1984 |                   |                    |                    |              | CT      |        |
| 5   | DC2432X001 | NGUYỄN NHƯ BĂNG        | EP2432X1 | 05/02/2002 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 6   | DC2432X003 | LÊ NGÂN TRUNG HẬU      | EP2432X1 | 12/11/1996 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 7   | DC2432X004 | VÕ ÁNH HUY             | EP2432X1 | 02/02/1994 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 8   | DC2432X005 | NGUYỄN HOÀNG KHEL      | EP2432X1 | 27/09/1996 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 9   | DC2432X008 | NGUYỄN TRỌNG NHÂN      | EP2432X1 | 17/11/2005 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 10  | DC2432X009 | PHẠM LÊ THẢO NHI       | EP2432X1 | 07/12/2001 |                   |                    |                    |              | CT      |        |
| 11  | DC2432X015 | VÕ NGỌC TUYỀN          | EP2432X1 | 14/07/2005 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 12  | DC2432X016 | LÊ NGUYỄN NGỌC SƯƠNG   | EP2432X1 | 01/11/2003 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 13  | DC2432X036 | TRẦN ANH BĂNG          | EP2432X1 | 21/12/1998 |                   |                    |                    |              | CT      |        |
| 14  | DC2432X037 | ÂU GIA BỬU             | EP2432X1 | 29/09/1989 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 15  | DC2432X047 | LÊ THỊ TRÚC LY         | EP2432X1 | 19/02/1994 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 16  | DC2432X048 | HUỖNH QUANG MINH       | EP2432X1 | 22/11/1988 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 17  | DC2432X058 | DƯƠNG THỊ THU THẢO     | EP2432X1 | 08/10/2003 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 18  | DC2432X108 | NGUYỄN THỊ KIỀU NƯỞNG  | ET2432X1 | 17/11/1996 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 19  | DC2432X112 | DƯƠNG THANH TÙNG       | ET2432X1 | 18/02/1988 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 20  | DC2432X118 | HUỖNH NGỌC SANG        | EP2432X1 | 02/12/1988 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 21  | DC2432X125 | PHAN PHÚC HẬU          | EP2432X1 | 27/08/2000 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 22  | DC2432X203 | NGUYỄN HOÀNG ẮN        | ED2432X1 | 20/06/1994 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 23  | DC2432X227 | LÝ TUẤN THANH          | ED2432X1 | 01/01/1987 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 24  | DC2432X276 | NGUYỄN HUỖNH QUẾ ANH   | ED2432X1 | 03/10/1986 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 25  | DC2432X278 | LÊ THỊ NGỌC CHÚC       | ED2432X1 | 24/03/2001 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 26  | DC2432X282 | TRẦN NGỌC ĐIỂM         | ED2432X1 | 29/12/1992 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 27  | DC2432X284 | TRẦN NGUYỄN THỦY DƯƠNG | ED2432X1 | 08/09/1992 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 28  | DC2432X293 | PHẠM ANH KIẾT          | ED2432X1 | 02/12/1976 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 29  | DC2432X299 | TRẦN NGUYỄN XUÂN MAI   | ED2432X1 | 20/12/1999 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 30  | DC2432X300 | NGUYỄN CHIẾN MẠNH      | ED2432X1 | 11/12/1976 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 31  | DC2432X306 | VƯƠNG LÊ VĨNH NGHI     | ED2432X1 | 01/01/1986 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 32  | DC2432X307 | TRẦN TRỌNG NGHĨA       | ED2432X1 | 30/07/1983 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 33  | DC2432X317 | LÊ HUỖNH NHỰT          | ED2432X1 | 06/07/1982 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 34  | DC2432X318 | DƯƠNG HỒNG PHÁT        | ED2432X1 | 19/08/2001 |                   |                    |                    |              |         |        |

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ: I, năm học: 2025 - 2026

Học phần/Nhóm: **Pháp luật về nhà ở**  
CBGD: **002590 - Lâm Thị Bích Trâm**  
Ngày thi: **14-12-2025** Ca thi: **14g45**  
Lớp: **ET2332X2**

Mã học phần: **KL386** Nhóm: **1E01**  
Số tín chỉ: **2**  
Điểm thi: **Đại học Cần Thơ**  
Phòng thi: **103**

Trang 2/2

| Stt | MSSV       | Họ và tên            | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|----------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 35  | DC2432X321 | HUỖNH THIÊN PHƯỚC    | ED2432X1 | 02/12/1993 |             |              |              |           |         |        |
| 36  | DC2432X329 | NGUYỄN VIỆT THÀNH    | ED2432X1 | 26/06/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 37  | DC2432X336 | PHÙNG ANH TUÂN       | ED2432X1 | 07/08/1997 |             |              |              |           |         |        |
| 38  | DC2432X421 | NGUYỄN ĐIỀU MINH ANH | ED2432X1 | 13/09/2001 |             |              |              |           | CT      |        |
| 39  | DC2432X423 | TRẦN THỊ THẢO BÉ     | ED2432X1 | 03/02/1988 |             |              |              |           |         |        |
| 40  | DC2432X427 | NGUYỄN THỊ NGỌC ĐÀO  | ED2432X1 | 02/05/1991 |             |              |              |           |         |        |
| 41  | DC2432X435 | HUỖNH ANH KHÔI       | ED2432X1 | 15/04/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 42  | DC2432X465 | TRẦN THANH TUẤN      | ED2432X1 | 20/12/1989 |             |              |              |           |         |        |
| 43  | DC2432X474 | TRẦN CẨM TÚ          | ED2432X1 | 24/12/1995 |             |              |              |           |         |        |
| 44  | LK2232X065 | TRƯỜNG QUANG TRƯỜNG  | ET2332X2 | 28/11/2000 |             |              |              |           |         |        |

Tổng số: 44 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....

Họ tên và chữ ký CBCT1:.....

Họ tên và chữ ký CBCT2:.....

Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....

Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: I, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Mô học động vật**  
CBGD: **002294 - Châu Thị Huyền Trang**  
Ngày thi: **14-12-2025** Ca thi: **14g45**  
Lớp: **ET2267X1**

Mã học phần: **NS320**  
Số tín chỉ: **3**  
Điểm thi: **Đại học Cần Thơ**  
Phòng thi: **109**

Nhóm: **1E01**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên           | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|---------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | AG2367X122 | ĐẶNG NHẬT TÂN       | ET2367X1 | 14/11/1995 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | DC2367X006 | THẠCH SUÔNG SA NỐT  | EP2367X1 | 05/02/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC2367X007 | VÕ ÁNH PHƯỢNG       | EP2367X1 | 04/04/1989 |             |              |              |           |         |        |
| 4   | DC2367X115 | NGUYỄN THUẬN HỒNG   | ET2367X1 | 19/12/1982 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | DC2367X121 | PHẠM DUY TƯỜNG      | ET2367X1 | 19/07/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 6   | DC2367X125 | LÊ VĂN TIẾN         | ET2367X1 | 21/07/1992 |             |              |              |           |         |        |
| 7   | DC2367X315 | NGUYỄN THỊ THU HIỀN | ED2367X1 | 10/08/1984 |             |              |              |           |         |        |
| 8   | DC2367X316 | THÁI THÀNH HIỀN     | ED2367X1 | 18/05/1987 |             |              |              |           |         |        |
| 9   | DC2367X322 | HUỲNH MINH NGUYỆT   | ED2367X1 | 06/08/1986 |             |              |              |           |         |        |
| 10  | DC2367X323 | TRẦN THỊ HỒNG OANH  | ED2367X1 | 10/08/1990 |             |              |              |           |         |        |
| 11  | DC2367X334 | ĐẶNG HÀ             | ED2367X1 | 28/07/1997 |             |              |              |           |         |        |
| 12  | DC2367X349 | TRẦN MINH NGỌC      | ED2367X1 | 05/06/1990 |             |              |              |           |         |        |
| 13  | DC2367X356 | NGUYỄN TUẤN ANH     | ED2367X1 | 19/10/1998 |             |              |              |           | CT      |        |
| 14  | DC2367X359 | LÊ VĂN LUỐT         | ED2367X1 | 10/04/1983 |             |              |              |           |         |        |
| 15  | NN2267X106 | ĐOÀN MINH HẢI       | ET2267X1 | 09/04/1993 |             |              |              |           |         |        |

*Tổng số: 15 thí sinh*

*Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT1:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT2:.....*

*Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....*

*Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi*

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: I, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Độc - Viết C1.1**

Mã học phần: **FL208**

Nhóm: **1E02**

CBGD: **002861 - Nguyễn Thị Khánh Đoàn**

Số tín chỉ: **3**

Ngày thi: **14-12-2025** Ca thi: **14g45**

Điểm thi: **Đại học Cần Thơ**

Lớp: **ET22V1X1**

Phòng thi: **105**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên             | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|-----------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC24V1X052 | NGUYỄN ĐĂNG KHA       | EP24V1X2 | 12/01/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | DC24V1X058 | HỒ QUANG NGUYỄN       | EP24V1X2 | 09/10/1997 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC24V1X059 | SƠN THANH NHÀN        | EP24V1X2 | 22/12/1985 |             |              |              |           | CT      |        |
| 4   | DC24V1X061 | NGUYỄN SONG PHƯƠNG    | EP24V1X2 | 08/12/1997 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | DC24V1X065 | TRÌNH THỊ THANH THI   | EP24V1X2 | 15/01/2005 |             |              |              |           |         |        |
| 6   | DC24V1X069 | ĐOÀN NGUYỄN DIỄM TIÊN | EP24V1X2 | 22/03/1995 |             |              |              |           |         |        |
| 7   | DC24V1X075 | MAI HUỲNH THIÊN NGỌC  | EP24V1X2 | 04/05/2005 |             |              |              |           |         |        |
| 8   | DC24V1X082 | HUỲNH NGÔ NGỌC THẢO   | ET24V1X2 | 22/07/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 9   | DC24V1X085 | PHAN LÊ MINH TRÚC     | ET24V1X2 | 18/03/1993 |             |              |              |           |         |        |
| 10  | DC24V1X357 | LÊ THỊ NGỌC TUYỀN     | ED24V1X1 | 15/11/1983 |             |              |              |           |         |        |
| 11  | DC24V1X394 | LA THÚY VY            | EP24V1X2 | 09/11/2005 |             |              |              |           |         |        |
| 12  | DC24V1X396 | LƯU THỊ TƯỜNG VY      | ET24V1X2 | 21/06/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 13  | DC24V1X659 | BÙI THỊ KIM QUYÊN     | ED24V1X4 | 17/01/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 14  | DC24V1X818 | TRẦN HOÀNG KHẢI       | EP24V1X2 | 09/01/1991 |             |              |              |           | CT      |        |
| 15  | DC24V1X820 | NGUYỄN THỊ HUỲNH LIÊN | EP24V1X2 | 02/11/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 16  | DC24V1X857 | VÕ THÁI DƯƠNG         | ED24V1X8 | 03/10/1992 |             |              |              |           | CT      |        |
| 17  | DC24V1X858 | TRƯƠNG XUÂN ĐIỆP      | ED24V1X8 | 24/05/1978 |             |              |              |           |         |        |
| 18  | DC24V1X859 | PHẠM KHÁNH ĐOÀN       | ED24V1X8 | 10/03/1995 |             |              |              |           |         |        |
| 19  | DC24V1X864 | VÕ THANH HUY          | ED24V1X8 | 21/02/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 20  | DC24V1X866 | BÙI NHƯ HUỲNH         | ED24V1X8 | 12/06/1995 |             |              |              |           |         |        |
| 21  | DC24V1X870 | TRẦN ĐĂNG KHOA        | ED24V1X8 | 28/01/1996 |             |              |              |           |         |        |
| 22  | DC24V1X882 | NGUYỄN TRẦN NHƯ NGỌC  | ED24V1X8 | 13/06/1998 |             |              |              |           |         |        |
| 23  | DC24V1X883 | ĐÀO THỊ Ý NHI         | ED24V1X8 | 30/07/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 24  | DC24V1X885 | NGUYỄN THỊ CẨM NHUNG  | ED24V1X8 | 25/11/1992 |             |              |              |           |         |        |
| 25  | DC24V1X901 | LÊ HỒNG THỊNH         | ED24V1X8 | 28/03/1988 |             |              |              |           |         |        |
| 26  | DC24V1X903 | NGUYỄN VĂN THOẢNG     | ED24V1X8 | 30/06/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 27  | DC24V1X904 | NGUYỄN HOÀNG THUẦN    | ED24V1X8 | 09/08/1982 |             |              |              |           |         |        |
| 28  | DC24V1X906 | PHÙNG MINH THƯ        | ED24V1X8 | 20/07/1997 |             |              |              |           |         |        |
| 29  | DC24V1X914 | PHẠM HỒ BẢO TRẦN      | ED24V1X8 | 23/06/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 30  | DC24V1X915 | TRẦN THIÊN TRÍ        | ED24V1X8 | 25/12/1994 |             |              |              |           |         |        |
| 31  | DC24V1X916 | NGUYỄN PHƯƠNG TRÌNH   | ED24V1X8 | 26/11/1990 |             |              |              |           |         |        |
| 32  | FL22V1X173 | PHẠM NGỌC CHÂU GIANG  | ET22V1X1 | 01/05/2001 |             |              |              |           |         |        |

*Tổng số: 32 thí sinh*

*Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT1:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT2:.....*

*Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....*

*Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi*

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ: I, năm học: 2025 - 2026

Học phần/Nhóm: **Cơ thể học gia súc**  
CBGD: **002252 - Nguyễn Thị Bé Mười**  
Ngày thi: **14-12-2025** Ca thi: **14g45**  
Lớp: **ED2567X2**

Mã học phần: **NN102**  
Số tín chỉ: **2**  
Điểm thi: **Đại học Cần Thơ**  
Phòng thi: **102**

Nhóm: **1E01**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên           | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|---------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC2567X410 | NGUYỄN THỊ NGỌC THU | EP2567X2 | 02/08/1994 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | DC2567X707 | ĐÌNH THỊ NGỌC HIỆP  | ED2567X2 | 12/07/1990 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC2567X714 | DƯƠNG VĂN SƠN       | ED2567X2 | 16/06/1984 |             |              |              |           |         |        |
| 4   | DC2567X715 | PHẠM HỮU TÂM        | ED2567X2 | 02/10/1985 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | DT2567X719 | NGUYỄN VĂN TRẦN     | ED2567X2 | 13/02/1984 |             |              |              |           |         |        |

Tổng số: 5 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....

Họ tên và chữ ký CBCT1:.....

Họ tên và chữ ký CBCT2:.....

Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....

Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: I, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Tư tưởng Hồ Chí Minh**

Mã học phần: **ML021**

Nhóm: **1E01**

CBGD: **000726 - Lê Thị Bích Diễm**

Số tín chỉ: **2**

Ngày thi: **14-12-2025** Ca thi: **14g45**

Điểm thi: **Đại học Cần Thơ**

Lớp: **EP2267X1**

Phòng thi: **101**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên                       | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|---------------------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | BK2267X010 | NGUYỄN LÊ MINH THU'             | EP2267X1 | 07/07/1995 |             |              |              |           | CT      |        |
| 2   | DC2220X409 | LÊ MỸ HUỠNH                     | EP2220X2 | 09/09/2001 |             |              |              |           | CT      |        |
| 3   | DC2232X605 | TÔNG HOÀNG KIÊN                 | ET2232X3 | 26/10/2004 |             |              |              |           |         |        |
| 4   | DC2232X610 | VÕ QUỐC THỊNH                   | ET2232X3 | 11/04/1994 |             |              |              |           | CT      |        |
| 5   | DC2232X611 | NGUYỄN PHƯƠNG NHƯ'<br>NGỌC TRẦN | ET2232X3 | 10/01/2004 |             |              |              |           |         |        |
| 6   | DC2232X654 | TIÊU QUỲNH NHƯ'                 | ET2332X1 | 10/06/2004 |             |              |              |           | CT      |        |
| 7   | DC2232X657 | NGUYỄN QUỐC SỬ'                 | ET2332X1 | 12/12/1991 |             |              |              |           |         |        |
| 8   | DC2232X658 | NGUYỄN TRẦN THỂ VINH            | ET2332X1 | 25/08/1999 |             |              |              |           | CT      |        |
| 9   | DC2320X402 | NGUYỄN THỊ ANH ĐÀO              | ET2320X2 | 19/03/1981 |             |              |              |           |         |        |
| 10  | DC2320X414 | LƯ' THANH THÚY AN               | ET2320X2 | 19/02/1990 |             |              |              |           |         |        |
| 11  | DC2321X002 | PHAN NGỌC HIẾU                  | EP2321X1 | 03/02/1996 |             |              |              |           | CT      |        |
| 12  | DC2321X009 | PHẠM QUANG VŨ                   | EP2321X1 | 21/10/1995 |             |              |              |           | CT      |        |
| 13  | DC2322X104 | ĐỖ MINH ĐẠT                     | ET2322X1 | 28/01/1994 |             |              |              |           | CT      |        |
| 14  | DC2322X109 | TRẦN VĂN TẤN                    | ET2322X1 | 09/11/1988 |             |              |              |           | CT      |        |
| 15  | DC2332X324 | NGUYỄN THANH LIÊM               | ET2332X2 | 22/03/1995 |             |              |              |           |         |        |
| 16  | DC2373X009 | TĂNG ANH KIỆT                   | EP2373X2 | 30/10/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 17  | DC2373X116 | NGUYỄN THỊ BÍCH HIỀN            | ET2373X2 | 01/01/1982 |             |              |              |           | CT      |        |
| 18  | DC2373X124 | NGUYỄN THỊ KIM NGÂN             | ET2373X2 | 06/02/1987 |             |              |              |           |         |        |
| 19  | DC2420X291 | TRƯƠNG THỊ CHÂU ĐOAN            | EC2420X2 | 21/04/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 20  | DC2421X237 | NGUYỄN LONG NHẬT                | ED2421X1 | 03/06/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 21  | DC2422X150 | LÝ HOÀNG KHÁNH                  | EC2422X2 | 06/08/1998 |             |              |              |           | CT      |        |
| 22  | DC2422X373 | NGUYỄN THỊ KIM ĐÀO              | EC2422X2 | 06/06/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 23  | DC2480X104 | TRẦN THỊ BÍCH HẠNH              | ET2480X1 | 02/10/1987 |             |              |              |           |         |        |
| 24  | DC2480X124 | ĐÌNH THỊ THỦY                   | ET2480X1 | 26/03/1984 |             |              |              |           |         |        |
| 25  | DC2567X226 | HUỠNH THỊ HUẾ HƯƠNG             | EC2567X1 | 15/12/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 26  | DC2567X241 | TRẦN YẾN NHI                    | EC2567X1 | 01/01/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 27  | DC2567X305 | VŨ NGUYỄN HOÀNG                 | ED2567X1 | 14/08/1998 |             |              |              |           |         |        |
| 28  | NN2267X008 | NGUYỄN THANH DUY                | EP2267X1 | 03/06/2003 |             |              |              |           |         |        |

*Tổng số: 28 thí sinh*

*Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT1:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT2:.....*

*Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....*

*Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi*

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: I, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Pháp luật tố tụng dân sự**

Mã học phần: **KL227**

Nhóm: **1E01**

CBGD: **002588 - Thân Thị Ngọc Bích**

Số tín chỉ: **3**

Ngày thi: **14-12-2025** Ca thi: **14g45**

Điểm thi: **Đại học Cần Thơ**

Lớp: **ED2432X2**

Phòng thi: **109**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên             | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|-----------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC2332X012 | NGUYỄN VĂN KHA        | ET2332X1 | 25/02/1989 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | DC2332X030 | HÀ HOÀNG THẮNG        | ET2332X1 | 26/03/1993 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC2332X037 | NGUYỄN NHỰT TRƯỜNG    | ET2332X1 | 30/07/1990 |             |              |              |           |         |        |
| 4   | DC2432X157 | DƯƠNG TỬ THIÊN        | EP2432X2 | 17/03/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | DC2432X164 | DƯƠNG CÔNG ĐÌNH       | EP2432X2 | 20/10/1985 |             |              |              |           |         |        |
| 6   | DC2432X188 | PHẠM LÊ TÀI           | EP2432X2 | 30/10/2005 |             |              |              |           |         |        |
| 7   | DC2432X479 | NGUYỄN KHÁNH DUY      | ED2432X2 | 04/09/1986 |             |              |              |           |         |        |
| 8   | DC2432X490 | NGUYỄN HOÀNG HIỀN     | ED2432X2 | 22/11/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 9   | DC2432X491 | NGUYỄN TRUNG HIẾU     | ED2432X2 | 03/02/1981 |             |              |              |           |         |        |
| 10  | DC2432X493 | HÀ MINH QUANG HUY     | ED2432X2 | 25/09/1980 |             |              |              |           |         |        |
| 11  | DC2432X497 | TRẦN MINH KHOA        | ED2432X2 | 29/10/1992 |             |              |              |           | CT      |        |
| 12  | DC2432X502 | NGUYỄN HỒNG LOAN      | ED2432X2 | 12/12/1980 |             |              |              |           |         |        |
| 13  | DC2432X504 | CAO NGỌC KIM LÝ       | ED2432X2 | 18/09/1994 |             |              |              |           |         |        |
| 14  | DC2432X509 | TẠ MINH NGHĨA         | ED2432X2 | 01/01/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 15  | DC2432X515 | MAI DUY PHÁT          | ED2432X2 | 13/07/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 16  | DC2432X525 | VÕ THIÊN TIỀN         | ED2432X2 | 25/06/1997 |             |              |              |           |         |        |
| 17  | DC2432X530 | LÊ THÙY NGỌC TRÚC     | ED2432X2 | 01/07/1995 |             |              |              |           |         |        |
| 18  | DC2432X531 | NGUYỄN THỊ HUỲNH TRÚC | ED2432X2 | 11/04/1986 |             |              |              |           |         |        |
| 19  | DC2432X545 | LÊ KIM ĐÌNH           | ED2432X2 | 28/08/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 20  | DC2432X570 | TRẦN HOÀNG MINH       | ED2432X2 | 18/06/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 21  | DC2432X571 | LÊ THỊ THÙY NGÂN      | ED2432X2 | 05/09/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 22  | DC2432X580 | NGUYỄN HUỲNH NHƯ      | ED2432X2 | 13/09/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 23  | DC2432X581 | NGUYỄN HÀ TẤN PHÁT    | ED2432X2 | 31/10/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 24  | DC2432X595 | PHẠM THỊ THƠ          | ED2432X2 | 06/07/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 25  | DC2432X604 | VÕ NGỌC TIỀN          | ED2432X2 | 19/03/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 26  | DC2432X607 | LÊ BẢO TRẦN           | ED2432X2 | 03/02/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 27  | DC2432X611 | DƯƠNG THANH TÙNG      | ED2432X2 | 14/12/1990 |             |              |              |           |         |        |
| 28  | DC2432X632 | TRẦN TUẤN KHANH       | ED2432X2 | 16/01/2003 |             |              |              |           | CT      |        |

*Tổng số: 28 thí sinh*

*Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT1:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT2:.....*

*Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....*

*Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi*

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: I, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Độc - Viết C1.1**

Mã học phần: **FL208**

Nhóm: **1E01**

CBGD: **002861 - Nguyễn Thị Khánh Đoàn**

Số tín chỉ: **3**

Ngày thi: **14-12-2025** Ca thi: **14g45**

Điểm thi: **Đại học Cần Thơ**

Lớp: **EF22V1X1**

Phòng thi: **104**

Trang 1/2

| Stt | MSSV       | Họ và tên             | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số<br>tờ/Mã<br>đề | Điểm<br>giữa<br>kỳ | Điểm<br>cuối<br>kỳ | Điểm<br>tổng | Ghi<br>chú | Ký tên |
|-----|------------|-----------------------|----------|------------|-------------------|--------------------|--------------------|--------------|------------|--------|
| 1   | DC24V1X172 | NGUYỄN HOÀI VĂN       | ED24V1X6 | 10/05/1999 |                   |                    |                    |              | CT         |        |
| 2   | DC24V1X174 | NGUYỄN TUẤN VŨ        | ED24V1X6 | 05/10/1993 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 3   | DC24V1X175 | ĐẶNG NHƯ Ý            | ED24V1X6 | 16/12/2002 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 4   | DC24V1X176 | NGUYỄN THỊ NHƯ Ý      | ED24V1X6 | 19/12/1985 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 5   | DC24V1X177 | NGUYỄN THỊ THÙY DUNG  | ED24V1X6 | 30/09/2000 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 6   | DC24V1X181 | VƯƠNG TÂN KIẾT        | ED24V1X6 | 26/08/2002 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 7   | DC24V1X182 | TRẦN THANH LUYẾN      | ED24V1X6 | 21/04/2001 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 8   | DC24V1X183 | DANH NHỎ              | ED24V1X6 | 09/12/1993 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 9   | DC24V1X186 | LIÊU HOÀI SANG        | ED24V1X6 | 15/11/1984 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 10  | DC24V1X189 | LÊ THỊ NHƯ THẢO       | ED24V1X6 | 09/01/2000 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 11  | DC24V1X237 | NGUYỄN HỒNG NHƯ ANH   | ED24V1X6 | 10/05/2002 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 12  | DC24V1X238 | TRẦN HỒNG CA          | ED24V1X6 | 01/01/1989 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 13  | DC24V1X240 | TRỊNH CÔNG DANH       | ED24V1X6 | 14/07/1994 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 14  | DC24V1X241 | TRẦN THÁI DI          | ED24V1X6 | 12/10/1997 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 15  | DC24V1X242 | LÊ THÙY DUNG          | ED24V1X6 | 04/11/1992 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 16  | DC24V1X243 | HUỲNH LÊ NHỰT DUY     | ED24V1X6 | 28/01/1993 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 17  | DC24V1X245 | HOÀNG THÙY DƯƠNG      | ED24V1X6 | 27/05/2002 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 18  | DC24V1X246 | NGUYỄN THỊ THÙY DƯƠNG | ED24V1X6 | 01/05/1998 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 19  | DC24V1X248 | LÊ THÀNH ĐẠT          | ED24V1X6 | 08/05/1999 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 20  | DC24V1X249 | NGUYỄN TÂN ĐẠT        | ED24V1X6 | 29/06/2000 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 21  | DC24V1X250 | TRẦN THỊ HẰNG         | ED24V1X6 | 03/10/1992 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 22  | DC24V1X252 | NGUYỄN TRỌNG HIỆU     | ED24V1X6 | 23/03/1990 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 23  | DC24V1X253 | NGUYỄN KIM HUỆ        | ED24V1X6 | 01/01/1987 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 24  | DC24V1X255 | TRẦN THỊ HỒNG HƯƠNG   | ED24V1X6 | 23/03/2000 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 25  | DC24V1X256 | LÝ GIA KHÁNH          | ED24V1X6 | 02/09/2000 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 26  | DC24V1X258 | LÊ CHÍ LẬP            | ED24V1X6 | 25/08/2000 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 27  | DC24V1X259 | NGUYỄN LÊ MẶN         | ED24V1X6 | 22/02/1997 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 28  | DC24V1X260 | BÙI HOÀNG MINH        | ED24V1X6 | 17/01/1976 |                   |                    |                    |              | CT         |        |
| 29  | DC24V1X262 | LÊ BẢO NGÂN           | ED24V1X6 | 02/01/2001 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 30  | DC24V1X263 | NGUYỄN THANH NGÂN     | ED24V1X6 | 17/08/2001 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 31  | DC24V1X264 | NGUYỄN THỊ THANH NGÂN | ED24V1X6 | 16/09/1996 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 32  | DC24V1X265 | NGUYỄN MINH NGHĨA     | ED24V1X6 | 22/05/1999 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 33  | DC24V1X266 | TRẦN HỮU NGHĨA        | ED24V1X6 | 02/08/1991 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 34  | DC24V1X267 | CHIÊM KIM NGỌC        | ED24V1X6 | 15/02/1996 |                   |                    |                    |              |            |        |

## DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ: I, năm học: 2025 - 2026

Học phần/Nhóm: **Độc - Viết C1.1**

Mã học phần: **FL208**

Nhóm: **1E01**

CBGD: **002861 - Nguyễn Thị Khánh Đoàn**

Số tín chỉ: **3**

Ngày thi: **14-12-2025** Ca thi: **14g45**

Điểm thi: **Đại học Cần Thơ**

Lớp: **EF22V1X1**

Phòng thi: **104**

Trang 2/2

| Stt | MSSV       | Họ và tên             | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|-----------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 35  | DC24V1X268 | LÊ THIÊN KIM NGỌC     | ED24V1X6 | 03/09/1992 |             |              |              |           |         |        |
| 36  | DC24V1X269 | VÕ YẾN NGỌC           | ED24V1X6 | 09/05/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 37  | DC24V1X275 | LÊ NGỌC NHI           | ED24V1X6 | 17/09/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 38  | DC24V1X277 | CAO THỊ NHUNG         | ED24V1X6 | 13/05/1994 |             |              |              |           |         |        |
| 39  | DC24V1X278 | NGUYỄN HUỖNH NHƯ      | ED24V1X6 | 11/10/1993 |             |              |              |           |         |        |
| 40  | DC24V1X280 | LÊ THỊ NGỌC QUY       | ED24V1X6 | 09/09/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 41  | DC24V1X281 | BÙI THỊ THÚY QUYÊN    | ED24V1X6 | 26/04/1998 |             |              |              |           |         |        |
| 42  | DC24V1X283 | THÁI VÕ BẢO QUYÊN     | ED24V1X6 | 27/12/1989 |             |              |              |           |         |        |
| 43  | DC24V1X284 | VÕ THẢO QUYÊN         | ED24V1X6 | 05/11/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 44  | DC24V1X285 | BÙI HỒNG NAM THÁI     | ED24V1X6 | 11/03/1984 |             |              |              |           |         |        |
| 45  | DC24V1X286 | THÁI HUY THÀNH        | ED24V1X6 | 06/09/1984 |             |              |              |           |         |        |
| 46  | DC24V1X288 | BÙI QUỐC THIÊN        | ED24V1X6 | 09/08/1996 |             |              |              |           |         |        |
| 47  | DC24V1X289 | NGUYỄN HOÀNG THỊNH    | ED24V1X6 | 10/03/1991 |             |              |              |           |         |        |
| 48  | DC24V1X290 | LÊ CÔNG THUẬN         | ED24V1X6 | 10/06/1996 |             |              |              |           |         |        |
| 49  | DC24V1X294 | TRẦN THỊ THANH THƯƠNG | ED24V1X6 | 24/11/1997 |             |              |              |           |         |        |
| 50  | DC24V1X296 | DANH THỊ THÙY TRÂM    | ED24V1X6 | 01/05/1989 |             |              |              |           |         |        |
| 51  | DC24V1X300 | NGUYỄN LÊ UYÊN        | ED24V1X6 | 21/04/1994 |             |              |              |           |         |        |
| 52  | DC24V1X390 | DƯƠNG NGỌC MAI        | ED24V1X7 | 18/12/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 53  | DC24V1X397 | ĐÀO HỒNG KIÊN         | ED24V1X7 | 29/09/1986 |             |              |              |           |         |        |
| 54  | DC24V1X399 | NGUYỄN THỊ THU NGÂN   | ED24V1X7 | 16/03/1994 |             |              |              |           |         |        |
| 55  | DC24V1X401 | LÝ HOÀNG PHI          | ED24V1X7 | 20/10/1990 |             |              |              |           |         |        |
| 56  | DC24V1X403 | NGUYỄN KIM THANH      | ED24V1X7 | 29/07/1992 |             |              |              |           |         |        |
| 57  | DC24V1X406 | NGUYỄN HOÀI THƯƠNG    | ED24V1X7 | 14/12/1992 |             |              |              |           |         |        |
| 58  | DC24V1X408 | LÝ VĂN VƯƠNG          | ED24V1X7 | 10/03/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 59  | DC24V1X595 | LÊ THỊ HỒNG CẨM       | ED24V1X7 | 17/04/1988 |             |              |              |           |         |        |
| 60  | DC24V1X891 | TRỊNH MINH KHA        | ED24V1X7 | 25/09/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 61  | FL22V1X312 | NGUYỄN DUY HIẾU NHÂN  | EF22V1X1 | 28/12/2000 |             |              |              |           |         |        |

*Tổng số: 61 thí sinh*

*Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT1:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT2:.....*

*Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....*

*Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi*

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: I, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Quản trị dự án**

Mã học phần: **KT201**

Nhóm: **1E01**

CBGD: **001280 - Lê Tấn Nghiêm**

Số tín chỉ: **2**

Ngày thi: **14-12-2025** Ca thi: **14g45**

Điểm thi: **Đại học Cần Thơ**

Lớp: **EC2522X1**

Phòng thi: **102**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên              | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|------------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | CT2522X208 | TRẦN THỊ TRÚC LINH     | EC2522X1 | 21/01/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | CT2522X219 | THÁI HẢI THANH         | EC2522X1 | 27/02/2004 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC2522X202 | LÊ THÚY DUY            | EC2522X1 | 18/03/2004 |             |              |              |           |         |        |
| 4   | DC2522X203 | TRẦN VĂN KHÁNH DƯƠNG   | EC2522X1 | 22/11/2004 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | DC2522X207 | HUỖNH MAI YẾN LINH     | EC2522X1 | 15/09/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 6   | DC2522X210 | TRẦN NGUYỄN NGỌC NGÂN  | EC2522X1 | 08/11/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 7   | DC2522X215 | NGUYỄN NGỌC NHƯ QUỲNH  | EC2522X1 | 29/09/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 8   | DC2522X216 | NGUYỄN THỊ HỒNG SƯƠNG  | EC2522X1 | 16/07/2004 |             |              |              |           |         |        |
| 9   | DC2522X220 | CAO VĂN THIÊN          | EC2522X1 | 20/10/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 10  | DC2522X222 | NGUYỄN NGỌC THÙY TRANG | EC2522X1 | 26/08/2002 |             |              |              |           |         |        |

*Tổng số: 10 thí sinh*

*Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT1:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT2:.....*

*Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....*

*Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi*

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: I, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Chuẩn mực kế toán**  
CBGD: **002592 - Trần Khánh Dung**  
Ngày thi: **14-12-2025** Ca thi: **14g45**  
Lớp: **EC2520X2**

Mã học phần: **KT130**  
Số tín chỉ: **3**  
Điểm thi: **Đại học Cần Thơ**  
Phòng thi: **101**

Nhóm: **1E01**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên            | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|----------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC2420X504 | PHAN PHƯƠNG YẾN NHI  | EP2420X3 | 27/08/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | DC2420X506 | LÊ HOÀNG OANH        | EP2420X3 | 17/07/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC2420X603 | NGUYỄN PHƯƠNG KHANH  | ET2420X3 | 09/12/1997 |             |              |              |           |         |        |
| 4   | DC2420X627 | BÙI THỊ XUÂN THẢO    | ET2420X3 | 29/04/1977 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | DC2420X800 | LUU DUYỆT AN         | ED2420X3 | 17/06/1996 |             |              |              |           |         |        |
| 6   | DC2420X823 | TRẦN MINH THÀNH      | ED2420X3 | 08/06/1985 |             |              |              |           |         |        |
| 7   | DC2520X310 | DUƠNG THỊ MỸ LOAN    | ED2520X1 | 01/03/1992 |             |              |              |           |         |        |
| 8   | DC2520X623 | LÊ THỊ HỒNG LINH     | EC2520X2 | 13/09/1992 |             |              |              |           |         |        |
| 9   | DC2520X624 | TÔ ĐỖ THANH LOAN     | EC2520X2 | 04/09/1987 |             |              |              |           |         |        |
| 10  | DC2520X625 | LÊ NGỌC TUỜNG LỘC    | EC2520X2 | 28/05/1986 |             |              |              |           |         |        |
| 11  | DC2520X626 | CAO THỊ CHÚC LY      | EC2520X2 | 24/07/1989 |             |              |              |           |         |        |
| 12  | DC2520X627 | ĐÀO HOÀNG MAI        | EC2520X2 | 27/05/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 13  | DC2520X635 | LÝ THU THẢO          | EC2520X2 | 30/01/1992 |             |              |              |           |         |        |
| 14  | DC2520X636 | NGUYỄN LÊ THU THẢO   | EC2520X2 | 10/02/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 15  | DC2520X639 | NGUYỄN HOÀNG THẮNG   | EC2520X2 | 28/10/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 16  | DC2520X640 | LÊ THỊ MỸ THIỆN      | EC2520X2 | 27/12/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 17  | DC2520X644 | TẠ HOÀNG PHƯƠNG TRÂM | EC2520X2 | 23/11/1992 |             |              |              |           |         |        |

*Tổng số: 17 thí sinh*

*Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT1:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT2:.....*

*Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....*

*Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi*

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ: I, năm học: 2025 - 2026

Học phần/Nhóm: Vận tải hàng hóa  
CBGD: 002059 - Trần Thị Mỹ Dung  
Ngày thi: 14-12-2025 Ca thi: 14g45  
Lớp: ED24D5X3

Mã học phần: KC338  
Số tín chỉ: 3  
Điểm thi: Đại học Cần Thơ  
Phòng thi: 109

Nhóm: 1E01

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên              | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|------------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC24D5X500 | NGUYỄN TUẤN ANH        | ED24D5X3 | 23/02/1996 |             |              |              |           | CT      |        |
| 2   | DC24D5X507 | NGUYỄN THỊ MỸ NGỌC     | ED24D5X3 | 07/11/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC24D5X510 | PHAN THỊ HỒNG NHƯ      | ED24D5X3 | 02/01/1996 |             |              |              |           |         |        |
| 4   | DC24D5X514 | NGUYỄN PHẠM MINH THÔNG | ED24D5X3 | 10/12/1995 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | DC24D5X522 | VÕ THỊ NHƯ Ý           | ED24D5X3 | 14/04/2002 |             |              |              |           |         |        |

Tổng số: 5 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....

Họ tên và chữ ký CBCT1:.....

Họ tên và chữ ký CBCT2:.....

Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....

Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thi được vào phòng thi

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: I, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Nguyên lý kế toán**

Mã học phần: **KT106**

Nhóm: **1E01**

CBGD: **002385 - Nguyễn Hồng Thoa**

Số tín chỉ: **3**

Ngày thi: **14-12-2025** Ca thi: **14g45**

Điểm thi: **Đại học Cần Thơ**

Lớp: **ED2522X2**

Phòng thi: **108**

Trang 1/2

| Stt | MSSV       | Họ và tên              | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số<br>tờ/Mã<br>đề | Điểm<br>giữa<br>kỳ | Điểm<br>cuối<br>kỳ | Điểm<br>tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|------------------------|----------|------------|-------------------|--------------------|--------------------|--------------|---------|--------|
| 1   | CT2520X419 | PHAN THỊ NGỌC THÙY     | EP2520X2 | 24/12/2006 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 2   | DC2520X401 | NGUYỄN NGỌC TRÂM ANH   | EP2520X2 | 28/07/2005 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 3   | DC2520X407 | LƯƠNG LÊ HỒNG NGA      | EP2520X2 | 15/03/1998 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 4   | DC2520X408 | ĐẶNG THỊ THANH NGÂN    | EP2520X2 | 14/07/2001 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 5   | DC2520X409 | HUỖNH THỊ KIM NGÂN     | EP2520X2 | 22/02/2007 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 6   | DC2520X420 | HUỖNH THỊ ANH THƯ      | EP2520X2 | 15/06/2005 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 7   | DC2520X421 | LÊ THỊ MINH THƯ        | EP2520X2 | 15/08/1999 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 8   | DC2520X423 | VÕ THỊ HUYỀN TRÂN      | EP2520X2 | 19/08/1995 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 9   | DC2520X424 | BÙI THỊ TƯỜNG VÂN      | EP2520X2 | 25/07/1984 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 10  | DC2520X501 | NGUYỄN TẠ QUÍ LAN      | ET2520X2 | 23/02/1992 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 11  | DC2520X525 | VÕ THỊ TRÚC THANH      | ET2520X2 | 23/06/1991 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 12  | DC2520X530 | ĐẶNG HOÀNG PHÚC        | ET2520X2 | 20/11/2003 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 13  | DC2520X704 | VÕ THỊ KIỀU DIỄM       | ED2520X2 | 12/02/1973 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 14  | DC2520X706 | NGUYỄN THỊ CẨM GIÈNG   | ED2520X2 | 19/09/1995 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 15  | DC2520X711 | TRẦN TRUNG KHANG       | ED2520X2 | 25/06/1995 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 16  | DC2520X714 | TRẦN THỊ LỖI           | ED2520X2 | 15/11/1989 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 17  | DC2520X723 | NGUYỄN THỊ NHẬT QUỲNH  | ED2520X2 | 27/01/2000 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 18  | DC2520X731 | NGUYỄN LÂM HỒNG TRÂN   | ED2520X2 | 20/11/1998 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 19  | DC2520X732 | MAI QUỐC VINH          | ED2520X2 | 09/12/2001 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 20  | DC2522X402 | PHẠM HÙNG CƯỜNG        | EP2522X2 | 05/10/1992 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 21  | DC2522X403 | NGUYỄN HỮU DINH        | EP2522X2 | 24/11/2000 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 22  | DC2522X404 | LÊ THỊ MỸ DUYÊN        | EP2522X2 | 06/06/2005 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 23  | DC2522X406 | HỒ HẢI ĐĂNG            | EP2522X2 | 21/09/2007 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 24  | DC2522X415 | TRẦN ĐĂNG KHOA         | EP2522X2 | 19/10/2004 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 25  | DC2522X416 | LÂM THỊ MỸ LINH        | EP2522X2 | 09/10/2007 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 26  | DC2522X419 | NGUYỄN THỊ NGỌC MAI    | EP2522X2 | 17/05/2000 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 27  | DC2522X420 | NGUYỄN VĂN NGOAN       | EP2522X2 | 17/01/2005 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 28  | DC2522X423 | NGUYỄN THỊ XUÂN NHI    | EP2522X2 | 19/12/1995 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 29  | DC2522X424 | LÂM HÙNG PHÁT          | EP2522X2 | 09/09/2005 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 30  | DC2522X426 | NGUYỄN HOÀNG TÂN       | EP2522X2 | 14/02/2001 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 31  | DC2522X427 | NGUYỄN NGỌC THỐNG      | EP2522X2 | 13/06/1991 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 32  | DC2522X430 | THÂN HOÀNG TIẾN        | EP2522X2 | 10/07/2004 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 33  | DC2522X433 | ĐẶNG THỊ TÚ TRINH      | EP2522X2 | 15/06/2004 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 34  | DC2522X434 | NGUYỄN THỊ TUYẾT TRINH | EP2522X2 | 09/11/1997 |                   |                    |                    |              |         |        |

## DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ: I, năm học: 2025 - 2026

Học phần/Nhóm: Nguyên lý kế toán  
CBGD: 002385 - Nguyễn Hồng Thoa  
Ngày thi: 14-12-2025 Ca thi: 14g45  
Lớp: ED2522X2

Mã học phần: KT106

Nhóm: 1E01

Số tín chỉ: 3

Điểm thi: Đại học Cần Thơ

Phòng thi: 108

Trang 2/2

| Stt | MSSV       | Họ và tên           | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|---------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 35  | DC2522X501 | ĐẶNG THỊ TRÚC MY    | ET2522X2 | 26/07/1994 |             |              |              |           |         |        |
| 36  | DC2522X507 | CHÂU THỊ HUYỀN TRÂN | ET2522X2 | 04/04/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 37  | DC2522X508 | LÂM VŨ              | ET2522X2 | 20/12/1993 |             |              |              |           |         |        |
| 38  | DC2522X510 | TRẦN ĐẠI MÃN        | ET2522X2 | 19/02/1998 |             |              |              |           |         |        |
| 39  | DC2522X511 | PHẠM TRƯỜNG KHẢI    | ET2522X2 | 01/07/1996 |             |              |              |           |         |        |
| 40  | DC2522X515 | LÊ HỮU THÀNH        | ET2522X2 | 26/09/1991 |             |              |              |           |         |        |
| 41  | DC2522X700 | LÊ VŨ HỒNG ANH      | ED2522X2 | 05/09/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 42  | DC2522X707 | TRƯƠNG HỒ MINH LUÂN | ED2522X2 | 22/02/1989 |             |              |              |           |         |        |
| 43  | DC2522X714 | TRẦN THỊ KIM THO    | ED2522X2 | 09/10/1995 |             |              |              |           |         |        |
| 44  | DC2522X716 | NGUYỄN THỊ MINH THƯ | ED2522X2 | 31/03/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 45  | DC2522X719 | TRƯƠNG TÚ UYÊN      | ED2522X2 | 21/04/1992 |             |              |              |           |         |        |
| 46  | DC2522X720 | LUU KIM VY          | ED2522X2 | 15/02/1991 |             |              |              |           |         |        |

Tổng số: 46 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....

Họ tên và chữ ký CBCT1:.....

Họ tên và chữ ký CBCT2:.....

Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....

Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: I, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Luật so sánh**  
CBGD: **002559 - Nguyễn Tổng Ngọc Như**  
Ngày thi: **14-12-2025** Ca thi: **14g45**  
Lớp: **ED2432X4**

Mã học phần: **KL105**  
Số tín chỉ: **2**  
Điểm thi: **Đại học Cần Thơ**  
Phòng thi: **102**

Nhóm: **1E01**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên           | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|---------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC2432X711 | NGUYỄN THỊ NGỌC HÂN | EP2432X3 | 06/07/2006 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | DC2432X713 | LÊ ĐỨC HUY          | EP2432X3 | 17/11/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC2432X715 | NGUYỄN HỮU KHÁNH    | EP2432X3 | 29/10/1997 |             |              |              |           |         |        |
| 4   | DC2432X720 | HUỲNH NGỌC NGẠN     | EP2432X3 | 02/02/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | DC2432X723 | NGUYỄN THANH PHÚ    | EP2432X3 | 08/08/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 6   | DC2432X800 | TRẦN NGUYỄN KHẢ ÁI  | ED2432X3 | 29/08/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 7   | DC2432X801 | TÔ MAI BÌNH         | ED2432X3 | 04/01/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 8   | DC2432X826 | VÕ THỊ LỘC          | ED2432X3 | 25/11/1984 |             |              |              |           |         |        |
| 9   | DC2432X827 | DƯƠNG VĂN LUÂN      | ED2432X3 | 15/06/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 10  | DC2432X831 | LÊ THỊ KIM NGÂN     | ED2432X3 | 27/07/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 11  | DC2432X833 | TRẦN QUỐC NGHĨA     | ED2432X3 | 16/05/1992 |             |              |              |           |         |        |
| 12  | DC2432X835 | NGUYỄN YẾN NGỌC     | ED2432X3 | 11/04/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 13  | DC2432X845 | LÊ THANH PHÚC       | ED2432X3 | 19/09/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 14  | DC2432X859 | NGUYỄN QUANG THÁI   | ED2432X3 | 09/10/1997 |             |              |              |           |         |        |
| 15  | DC2432X862 | VÕ THỊ HỒNG THẨM    | ED2432X3 | 30/06/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 16  | DC2432X873 | NGUYỄN THUY TRANG   | ED2432X3 | 08/06/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 17  | DC2432X880 | NGUYỄN PHÚC VINH    | ED2432X3 | 02/03/1993 |             |              |              |           |         |        |
| 18  | DC2432X941 | LÊ HOÀNG NAM        | ED2432X4 | 01/01/1986 |             |              |              |           |         |        |
| 19  | DC2432X945 | DƯƠNG HẠNH NGUYỄN   | ED2432X4 | 25/06/1984 |             |              |              |           |         |        |
| 20  | DC2432X973 | LƯ HẠO VÂN          | ED2432X4 | 07/01/2001 |             |              |              |           |         |        |

*Tổng số: 20 thí sinh*

*Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT1:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT2:.....*

*Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....*

*Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi*

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: I, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Vi - Tích phân A2**

Mã học phần: **TN002**

Nhóm: **1E01**

CBGD: **002171 - Lê Hoài Nhân**

Số tín chỉ: **4**

Ngày thi: **14-12-2025** Ca thi: **16g00**

Điểm thi: **Đại học Cần Thơ**

Lớp: **EF22V7X1**

Phòng thi: **109**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên        | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC23V7X004 | HỒ THỊ NGỌC HẠNH | EP23V7X1 | 22/12/2003 |             |              |              |           | CT      |        |
| 2   | DI22V7X030 | VÕ THÀNH MINH    | EF22V7X1 | 07/08/1981 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DI22V7X043 | NGUYỄN NGỌC TẤN  | EF22V7X1 | 19/06/1987 |             |              |              |           |         |        |

*Tổng số: 3 thí sinh*

*Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT1:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT2:.....*

*Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....*

*Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi*

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: I, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Sinh lý gia súc**  
CBGD: **002163 - Hồ Thanh Thâm**  
Ngày thi: **14-12-2025** Ca thi: **16g00**  
Lớp: **ED2567X2**

Mã học phần: **NN105**  
Số tín chỉ: **3**  
Điểm thi: **Đại học Cần Thơ**  
Phòng thi: **102**

Nhóm: **1E01**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên           | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|---------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC2567X410 | NGUYỄN THỊ NGỌC THU | EP2567X2 | 02/08/1994 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | DC2567X501 | NGUYỄN XUÂN VINH    | ET2567X2 | 18/10/1991 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC2567X707 | ĐÌNH THỊ NGỌC HIỆP  | ED2567X2 | 12/07/1990 |             |              |              |           |         |        |
| 4   | DC2567X714 | DƯƠNG VĂN SƠN       | ED2567X2 | 16/06/1984 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | DC2567X715 | PHẠM HỮU TÂM        | ED2567X2 | 02/10/1985 |             |              |              |           |         |        |
| 6   | DT2567X719 | NGUYỄN VĂN TRẬN     | ED2567X2 | 13/02/1984 |             |              |              |           |         |        |

*Tổng số: 6 thí sinh*

*Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT1:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT2:.....*

*Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....*

*Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi*

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: I, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam**

Mã học phần: **ML019**

Nhóm: **1E01**

CBGD: **002320 - Nguyễn Thị Thúy Lưu**

Số tín chỉ: **2**

Ngày thi: **14-12-2025** Ca thi: **16g00**

Điểm thi: **Đại học Cần Thơ**

Lớp: **EP2267X1**

Phòng thi: **101**

Trang 1/2

| Stt | MSSV       | Họ và tên                      | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|--------------------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | BK2267X010 | NGUYỄN LÊ MINH THU             | EP2267X1 | 07/07/1995 |             |              |              |           | CT      |        |
| 2   | DC2122X738 | NGUYỄN HOÀNG KHANG             | EF2122X2 | 05/12/1997 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC2220X409 | LÊ MỸ HUỲNH                    | EP2220X2 | 09/09/2001 |             |              |              |           | CT      |        |
| 4   | DC2232X602 | NGUYỄN HỮU CỐ                  | ET2232X3 | 02/05/1979 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | DC2232X605 | TỔNG HOÀNG KIÊN                | ET2232X3 | 26/10/2004 |             |              |              |           |         |        |
| 6   | DC2232X610 | VÕ QUỐC THỊNH                  | ET2232X3 | 11/04/1994 |             |              |              |           | CT      |        |
| 7   | DC2232X611 | NGUYỄN PHƯƠNG NHƯ<br>NGỌC TRẦN | ET2232X3 | 10/01/2004 |             |              |              |           |         |        |
| 8   | DC2232X654 | TIÊU QUỲNH NHƯ                 | ET2332X1 | 10/06/2004 |             |              |              |           | CT      |        |
| 9   | DC2232X657 | NGUYỄN QUỐC SỬ                 | ET2332X1 | 12/12/1991 |             |              |              |           |         |        |
| 10  | DC2232X658 | NGUYỄN TRẦN THẾ VINH           | ET2332X1 | 25/08/1999 |             |              |              |           | CT      |        |
| 11  | DC22V1X235 | HUỲNH XUÂN YẾN                 | EP22V1X3 | 28/09/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 12  | DC2320X414 | LƯ THANH THÚY AN               | ET2320X2 | 19/02/1990 |             |              |              |           |         |        |
| 13  | DC2321X002 | PHAN NGỌC HIẾU                 | EP2321X1 | 03/02/1996 |             |              |              |           | CT      |        |
| 14  | DC2321X004 | NGÔ VIỆT HUNG                  | EP2321X1 | 15/02/1991 |             |              |              |           | CT      |        |
| 15  | DC2321X009 | PHẠM QUANG VŨ                  | EP2321X1 | 21/10/1995 |             |              |              |           | CT      |        |
| 16  | DC2322X010 | LƯU HUỆ ĐƯỜNG                  | EP2322X1 | 29/01/1992 |             |              |              |           | CT      |        |
| 17  | DC2322X020 | PHẠM THỊ LAN OANH              | EP2322X1 | 07/09/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 18  | DC2322X025 | NGUYỄN THỊ TÚ UYÊN             | EP2322X1 | 01/01/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 19  | DC2322X027 | LÝ KIM YẾN                     | EP2322X1 | 16/08/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 20  | DC2322X031 | NGUYỄN QUANG VINH              | EP2322X1 | 17/03/1993 |             |              |              |           |         |        |
| 21  | DC2322X035 | LÊ VĂN HỮU LỢI                 | EP2322X1 | 28/11/1997 |             |              |              |           |         |        |
| 22  | DC2322X036 | CHÂU ANH THU                   | EP2322X1 | 10/03/2004 |             |              |              |           |         |        |
| 23  | DC2322X104 | ĐỖ MINH ĐẠT                    | ET2322X1 | 28/01/1994 |             |              |              |           | CT      |        |
| 24  | DC2322X109 | TRẦN VĂN TẤN                   | ET2322X1 | 09/11/1988 |             |              |              |           | CT      |        |
| 25  | DC2332X324 | NGUYỄN THANH LIÊM              | ET2332X2 | 22/03/1995 |             |              |              |           |         |        |
| 26  | DC2367X003 | ĐÌNH DUY ANH                   | EP2367X1 | 29/08/1995 |             |              |              |           |         |        |
| 27  | DC2367X008 | PHẠM THANH TÔNG                | EP2367X1 | 08/10/1988 |             |              |              |           |         |        |
| 28  | DC2373X009 | TĂNG ANH KIẾT                  | EP2373X2 | 30/10/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 29  | DC2373X116 | NGUYỄN THỊ BÍCH HIỀN           | ET2373X2 | 01/01/1982 |             |              |              |           | CT      |        |
| 30  | DC2373X124 | NGUYỄN THỊ KIM NGÂN            | ET2373X2 | 06/02/1987 |             |              |              |           |         |        |
| 31  | DC2422X414 | NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG           | EP2422X3 | 16/07/1995 |             |              |              |           |         |        |
| 32  | DC2480X104 | TRẦN THỊ BÍCH HẠNH             | ET2480X1 | 02/10/1987 |             |              |              |           |         |        |
| 33  | DC2480X124 | ĐÌNH THỊ THỦY                  | ET2480X1 | 26/03/1984 |             |              |              |           |         |        |
| 34  | DC24V1X104 | NGUYỄN KHÁNH HIỀN              | ET24V1X1 | 01/01/1995 |             |              |              |           |         |        |

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: I, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam**  
CBGD: **002320 - Nguyễn Thị Thúy Lưu**  
Ngày thi: **14-12-2025** Ca thi: **16g00**  
Lớp: **EP2267X1**

Mã học phần: **ML019**  
Số tín chỉ: **2**  
Điểm thi: **Đại học Cần Thơ**  
Phòng thi: **101**

Nhóm: **1E01**

Trang 2/2

| Stt | MSSV       | Họ và tên        | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 35  | DC2520X107 | LÊ THỊ HỒNG LOAN | ET2520X1 | 01/03/1985 |             |              |              |           |         |        |
| 36  | NN2267X008 | NGUYỄN THANH DUY | EP2267X1 | 03/06/2003 |             |              |              |           |         |        |

Tổng số: 36 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....

Họ tên và chữ ký CBCT1:.....

Họ tên và chữ ký CBCT2:.....

Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....

Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: I, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Quản trị nguồn nhân lực**

Mã học phần: **KT204**

Nhóm: **1E01**

CBGD: **001781 - Châu Thị Lệ Duyên**

Số tín chỉ: **3**

Ngày thi: **14-12-2025** Ca thi: **16g00**

Điểm thi: **Đại học Cần Thơ**

Lớp: **EC2522X1**

Phòng thi: **102**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên              | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|------------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC2422X425 | NGŨ THIÊN NHI          | EP2422X3 | 28/06/1996 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | DC2422X436 | NGUYỄN XUÂN THẢO       | EP2422X3 | 29/05/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC2422X445 | NGUYỄN HỮU TRÍ         | EP2422X3 | 05/07/1998 |             |              |              |           |         |        |
| 4   | DC2422X447 | VŨ PHẠM VĂN TRƯỜNG     | EP2422X3 | 23/11/1991 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | DC2422X505 | LÊ MỘNG NGHI           | ET2422X3 | 01/03/1998 |             |              |              |           |         |        |
| 6   | DC2422X732 | ĐẶNG DIỄM TƯỜNG        | ED2422X3 | 20/10/1990 |             |              |              |           |         |        |
| 7   | DC2522X202 | LÊ THÚY DUY            | EC2522X1 | 18/03/2004 |             |              |              |           |         |        |
| 8   | DC2522X203 | TRẦN VĂN KHÁNH DƯƠNG   | EC2522X1 | 22/11/2004 |             |              |              |           |         |        |
| 9   | DC2522X207 | HUỖNH MAI YẾN LINH     | EC2522X1 | 15/09/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 10  | DC2522X210 | TRẦN NGUYỄN NGỌC NGÂN  | EC2522X1 | 08/11/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 11  | DC2522X215 | NGUYỄN NGỌC NHƯ QUỲNH  | EC2522X1 | 29/09/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 12  | DC2522X216 | NGUYỄN THỊ HỒNG SƯƠNG  | EC2522X1 | 16/07/2004 |             |              |              |           |         |        |
| 13  | DC2522X220 | CAO VĂN THIÊN          | EC2522X1 | 20/10/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 14  | DC2522X222 | NGUYỄN NGỌC THÙY TRANG | EC2522X1 | 26/08/2002 |             |              |              |           |         |        |

*Tổng số: 14 thí sinh*

*Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT1:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT2:.....*

*Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....*

*Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi*

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: I, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Tài chính - Tiền tệ**  
CBGD: **001978 - Huỳnh Thị Tuyết Sương**  
Ngày thi: **14-12-2025** Ca thi: **16g00**  
Lớp: **ED2522X2**

Mã học phần: **KT111**  
Số tín chỉ: **3**  
Điểm thi: **Đại học Cần Thơ**  
Phòng thi: **108**

Nhóm: **1E01**

Trang 1/2

| Stt | MSSV       | Họ và tên             | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số<br>tờ/Mã<br>đề | Điểm<br>giữa<br>kỳ | Điểm<br>cuối<br>kỳ | Điểm<br>tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|-----------------------|----------|------------|-------------------|--------------------|--------------------|--------------|---------|--------|
| 1   | CT2520X419 | PHAN THỊ NGỌC THÙY    | EP2520X2 | 24/12/2006 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 2   | CT2522X405 | TRẦN THỊ THÙY DUYÊN   | EP2522X2 | 30/04/2001 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 3   | DC2422X312 | NGUYỄN THỊ THANH TRÚC | ED2422X1 | 19/10/1999 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 4   | DC2520X401 | NGUYỄN NGỌC TRÂM ANH  | EP2520X2 | 28/07/2005 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 5   | DC2520X407 | LƯƠNG LÊ HỒNG NGÀ     | EP2520X2 | 15/03/1998 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 6   | DC2520X408 | ĐẶNG THỊ THANH NGÂN   | EP2520X2 | 14/07/2001 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 7   | DC2520X409 | HUỲNH THỊ KIM NGÂN    | EP2520X2 | 22/02/2007 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 8   | DC2520X420 | HUỲNH THỊ ANH THU     | EP2520X2 | 15/06/2005 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 9   | DC2520X421 | LÊ THỊ MINH THU       | EP2520X2 | 15/08/1999 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 10  | DC2520X423 | VÕ THỊ HUYỀN TRÂN     | EP2520X2 | 19/08/1995 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 11  | DC2520X424 | BÙI THỊ TƯỜNG VÂN     | EP2520X2 | 25/07/1984 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 12  | DC2520X501 | NGUYỄN TẠ QUÍ LAN     | ET2520X2 | 23/02/1992 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 13  | DC2520X525 | VÕ THỊ TRÚC THANH     | ET2520X2 | 23/06/1991 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 14  | DC2520X530 | ĐẶNG HOÀNG PHÚC       | ET2520X2 | 20/11/2003 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 15  | DC2520X704 | VÕ THỊ KIỀU DIỄM      | ED2520X2 | 12/02/1973 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 16  | DC2520X706 | NGUYỄN THỊ CẨM GIỀNG  | ED2520X2 | 19/09/1995 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 17  | DC2520X711 | TRẦN TRUNG KHANG      | ED2520X2 | 25/06/1995 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 18  | DC2520X714 | TRẦN THỊ LỖI          | ED2520X2 | 15/11/1989 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 19  | DC2520X723 | NGUYỄN THỊ NHẬT QUỲNH | ED2520X2 | 27/01/2000 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 20  | DC2520X731 | NGUYỄN LÂM HỒNG TRÂN  | ED2520X2 | 20/11/1998 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 21  | DC2520X732 | MAI QUỐC VINH         | ED2520X2 | 09/12/2001 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 22  | DC2522X402 | PHẠM HÙNG CƯỜNG       | EP2522X2 | 05/10/1992 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 23  | DC2522X403 | NGUYỄN HỮU DINH       | EP2522X2 | 24/11/2000 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 24  | DC2522X404 | LÊ THỊ MỸ DUYÊN       | EP2522X2 | 06/06/2005 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 25  | DC2522X406 | HỒ HẢI ĐẶNG           | EP2522X2 | 21/09/2007 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 26  | DC2522X415 | TRẦN ĐẶNG KHOA        | EP2522X2 | 19/10/2004 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 27  | DC2522X416 | LÂM THỊ MỸ LINH       | EP2522X2 | 09/10/2007 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 28  | DC2522X419 | NGUYỄN THỊ NGỌC MAI   | EP2522X2 | 17/05/2000 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 29  | DC2522X420 | NGUYỄN VĂN NGOAN      | EP2522X2 | 17/01/2005 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 30  | DC2522X423 | NGUYỄN THỊ XUÂN NHI   | EP2522X2 | 19/12/1995 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 31  | DC2522X424 | LÂM HƯNG PHÁT         | EP2522X2 | 09/09/2005 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 32  | DC2522X426 | NGUYỄN HOÀNG TÂN      | EP2522X2 | 14/02/2001 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 33  | DC2522X427 | NGUYỄN NGỌC THỐNG     | EP2522X2 | 13/06/1991 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 34  | DC2522X430 | THÂN HOÀNG TIỀN       | EP2522X2 | 10/07/2004 |                   |                    |                    |              |         |        |

## DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ: I, năm học: 2025 - 2026

Học phần/Nhóm: Tài chính - Tiền tệ

Mã học phần: KT111

Nhóm: 1E01

CBGD: 001978 - Huỳnh Thị Tuyết Sương

Số tín chỉ: 3

Ngày thi: 14-12-2025 Ca thi: 16g00

Điểm thi: Đại học Cần Thơ

Lớp: ED2522X2

Phòng thi: 108

Trang 2/2

| Stt | MSSV       | Họ và tên              | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|------------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 35  | DC2522X433 | ĐẶNG THỊ TÚ TRINH      | EP2522X2 | 15/06/2004 |             |              |              |           |         |        |
| 36  | DC2522X434 | NGUYỄN THỊ TUYẾT TRINH | EP2522X2 | 09/11/1997 |             |              |              |           |         |        |
| 37  | DC2522X501 | ĐẶNG THỊ TRÚC MY       | ET2522X2 | 26/07/1994 |             |              |              |           |         |        |
| 38  | DC2522X507 | CHÂU THỊ HUYỀN TRÂN    | ET2522X2 | 04/04/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 39  | DC2522X508 | LÂM VŨ                 | ET2522X2 | 20/12/1993 |             |              |              |           |         |        |
| 40  | DC2522X510 | TRẦN ĐẠI MÃN           | ET2522X2 | 19/02/1998 |             |              |              |           |         |        |
| 41  | DC2522X511 | PHẠM TRƯỜNG KHẢI       | ET2522X2 | 01/07/1996 |             |              |              |           |         |        |
| 42  | DC2522X515 | LÊ HỮU THÀNH           | ET2522X2 | 26/09/1991 |             |              |              |           |         |        |
| 43  | DC2522X700 | LÊ VŨ HỒNG ANH         | ED2522X2 | 05/09/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 44  | DC2522X707 | TRƯƠNG HỒ MINH LUÂN    | ED2522X2 | 22/02/1989 |             |              |              |           |         |        |
| 45  | DC2522X713 | TRẦN GIA THỊNH         | ED2522X2 | 26/03/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 46  | DC2522X714 | TRẦN THỊ KIM THO       | ED2522X2 | 09/10/1995 |             |              |              |           |         |        |
| 47  | DC2522X716 | NGUYỄN THỊ MINH THƯ    | ED2522X2 | 31/03/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 48  | DC2522X719 | TRƯƠNG TÚ UYÊN         | ED2522X2 | 21/04/1992 |             |              |              |           |         |        |
| 49  | DC2522X720 | LUU KIM VY             | ED2522X2 | 15/02/1991 |             |              |              |           |         |        |

Tổng số: 49 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....

Họ tên và chữ ký CBCT1:.....

Họ tên và chữ ký CBCT2:.....

Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....

Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: I, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Pháp luật về giá đất**

Mã học phần: **KL420E**

Nhóm: **1E01**

CBGD: **002405 - Châu Hoàng Thân**

Số tín chỉ: **2**

Ngày thi: **14-12-2025** Ca thi: **16g00**

Điểm thi: **Đại học Cần Thơ**

Lớp: **ED2432X1**

Phòng thi: **103**

Trang 1/2

| Stt | MSSV       | Họ và tên              | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số<br>tờ/Mã<br>đề | Điểm<br>giữa<br>kỳ | Điểm<br>cuối<br>kỳ | Điểm<br>tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|------------------------|----------|------------|-------------------|--------------------|--------------------|--------------|---------|--------|
| 1   | CT2432X026 | HUỖNH THANH ĐẠI        | EP2432X1 | 20/08/1999 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 2   | CT2432X027 | HUỖNH NGUYỄN PHÁT ĐẠT  | EP2432X1 | 07/07/1994 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 3   | CT2432X274 | TRƯỜNG THÚY VY         | ED2432X1 | 31/10/1993 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 4   | DC2432X001 | NGUYỄN NHƯ BẰNG        | EP2432X1 | 05/02/2002 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 5   | DC2432X003 | LÊ NGÂN TRUNG HẬU      | EP2432X1 | 12/11/1996 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 6   | DC2432X004 | VÕ ÁNH HUY             | EP2432X1 | 02/02/1994 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 7   | DC2432X005 | NGUYỄN HOÀNG KHEL      | EP2432X1 | 27/09/1996 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 8   | DC2432X008 | NGUYỄN TRỌNG NHÂN      | EP2432X1 | 17/11/2005 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 9   | DC2432X009 | PHẠM LÊ THẢO NHI       | EP2432X1 | 07/12/2001 |                   |                    |                    |              | CT      |        |
| 10  | DC2432X015 | VÕ NGỌC TUYỀN          | EP2432X1 | 14/07/2005 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 11  | DC2432X016 | LÊ NGUYỄN NGỌC SƯƠNG   | EP2432X1 | 01/11/2003 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 12  | DC2432X036 | TRẦN ANH BẰNG          | EP2432X1 | 21/12/1998 |                   |                    |                    |              | CT      |        |
| 13  | DC2432X037 | ÂU GIA BỬU             | EP2432X1 | 29/09/1989 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 14  | DC2432X047 | LÊ THỊ TRÚC LY         | EP2432X1 | 19/02/1994 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 15  | DC2432X048 | HUỖNH QUANG MINH       | EP2432X1 | 22/11/1988 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 16  | DC2432X058 | DƯƠNG THỊ THU THẢO     | EP2432X1 | 08/10/2003 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 17  | DC2432X108 | NGUYỄN THỊ KIỀU NƯƠNG  | ET2432X1 | 17/11/1996 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 18  | DC2432X112 | DƯƠNG THANH TÙNG       | ET2432X1 | 18/02/1988 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 19  | DC2432X118 | HUỖNH NGỌC SANG        | EP2432X1 | 02/12/1988 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 20  | DC2432X125 | PHAN PHÚC HẬU          | EP2432X1 | 27/08/2000 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 21  | DC2432X203 | NGUYỄN HOÀNG ẮN        | ED2432X1 | 20/06/1994 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 22  | DC2432X227 | LÝ TUẤN THANH          | ED2432X1 | 01/01/1987 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 23  | DC2432X276 | NGUYỄN HUỖNH QUẾ ANH   | ED2432X1 | 03/10/1986 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 24  | DC2432X278 | LÊ THỊ NGỌC CHÚC       | ED2432X1 | 24/03/2001 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 25  | DC2432X282 | TRẦN NGỌC DIỄM         | ED2432X1 | 29/12/1992 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 26  | DC2432X284 | TRẦN NGUYỄN THÙY DƯƠNG | ED2432X1 | 08/09/1992 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 27  | DC2432X293 | PHẠM ANH KIỆT          | ED2432X1 | 02/12/1976 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 28  | DC2432X299 | TRẦN NGUYỄN XUÂN MAI   | ED2432X1 | 20/12/1999 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 29  | DC2432X300 | NGUYỄN CHIẾN MẠNH      | ED2432X1 | 11/12/1976 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 30  | DC2432X306 | VƯƠNG LÊ VĨNH NGHI     | ED2432X1 | 01/01/1986 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 31  | DC2432X307 | TRẦN TRỌNG NGHĨA       | ED2432X1 | 30/07/1983 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 32  | DC2432X317 | LÊ HUỖNH NHỰT          | ED2432X1 | 06/07/1982 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 33  | DC2432X318 | DƯƠNG HỒNG PHÁT        | ED2432X1 | 19/08/2001 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 34  | DC2432X321 | HUỖNH THIÊN PHƯỚC      | ED2432X1 | 02/12/1993 |                   |                    |                    |              |         |        |

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ: I, năm học: 2025 - 2026

Học phần/Nhóm: **Pháp luật về giá đất**  
CBGD: **002405 - Châu Hoàng Thân**  
Ngày thi: **14-12-2025** Ca thi: **16g00**  
Lớp: **ED2432X1**

Mã học phần: **KL420E** Nhóm: **1E01**  
Số tín chỉ: **2**  
Điểm thi: **Đại học Cần Thơ**  
Phòng thi: **103**

Trang 2/2

| Stt | MSSV       | Họ và tên            | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|----------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 35  | DC2432X329 | NGUYỄN VIỆT THÀNH    | ED2432X1 | 26/06/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 36  | DC2432X336 | PHÙNG ANH TUÂN       | ED2432X1 | 07/08/1997 |             |              |              |           |         |        |
| 37  | DC2432X421 | NGUYỄN ĐIỀU MINH ANH | ED2432X1 | 13/09/2001 |             |              |              |           | CT      |        |
| 38  | DC2432X423 | TRẦN THỊ THẢO BÉ     | ED2432X1 | 03/02/1988 |             |              |              |           |         |        |
| 39  | DC2432X427 | NGUYỄN THỊ NGỌC ĐÀO  | ED2432X1 | 02/05/1991 |             |              |              |           |         |        |
| 40  | DC2432X435 | HUỲNH ANH KHÔI       | ED2432X1 | 15/04/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 41  | DC2432X465 | TRẦN THANH TUẤN      | ED2432X1 | 20/12/1989 |             |              |              |           |         |        |
| 42  | DC2432X474 | TRẦN CẨM TÚ          | ED2432X1 | 24/12/1995 |             |              |              |           |         |        |

Tổng số: 42 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....

Họ tên và chữ ký CBCT1:.....

Họ tên và chữ ký CBCT2:.....

Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....

Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi

## DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

**Học kỳ: I, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Quản lý nhà nước về hộ tịch**

Mã học phần: **KL383**

Nhóm: **1E01**

CBGD: **002682 - Võ Thị Phương Uyên**

Số tín chỉ: **2**

Ngày thi: **14-12-2025** Ca thi: **16g00**

Điểm thi: **Đại học Cần Thơ**

Lớp: **ED2432X2**

Phòng thi: **109**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên             | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|-----------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC2432X157 | DƯƠNG TỬ THIÊN        | EP2432X2 | 17/03/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | DC2432X164 | DƯƠNG CÔNG ĐÌNH       | EP2432X2 | 20/10/1985 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC2432X479 | NGUYỄN KHÁNH DUY      | ED2432X2 | 04/09/1986 |             |              |              |           |         |        |
| 4   | DC2432X490 | NGUYỄN HOÀNG HIỀN     | ED2432X2 | 22/11/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | DC2432X491 | NGUYỄN TRUNG HIẾU     | ED2432X2 | 03/02/1981 |             |              |              |           |         |        |
| 6   | DC2432X493 | HÀ MINH QUANG HUY     | ED2432X2 | 25/09/1980 |             |              |              |           |         |        |
| 7   | DC2432X497 | TRẦN MINH KHOA        | ED2432X2 | 29/10/1992 |             |              |              |           | CT      |        |
| 8   | DC2432X502 | NGUYỄN HỒNG LOAN      | ED2432X2 | 12/12/1980 |             |              |              |           |         |        |
| 9   | DC2432X504 | CAO NGỌC KIM LÝ       | ED2432X2 | 18/09/1994 |             |              |              |           |         |        |
| 10  | DC2432X509 | TẠ MINH NGHĨA         | ED2432X2 | 01/01/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 11  | DC2432X515 | MAI DUY PHÁT          | ED2432X2 | 13/07/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 12  | DC2432X525 | VÕ THIÊN TIỀN         | ED2432X2 | 25/06/1997 |             |              |              |           |         |        |
| 13  | DC2432X530 | LÊ THỦY NGỌC TRÚC     | ED2432X2 | 01/07/1995 |             |              |              |           |         |        |
| 14  | DC2432X531 | NGUYỄN THỊ HUỲNH TRÚC | ED2432X2 | 11/04/1986 |             |              |              |           |         |        |
| 15  | DC2432X545 | LÊ KIM ĐÌNH           | ED2432X2 | 28/08/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 16  | DC2432X570 | TRẦN HOÀNG MINH       | ED2432X2 | 18/06/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 17  | DC2432X571 | LÊ THỊ THỦY NGÂN      | ED2432X2 | 05/09/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 18  | DC2432X580 | NGUYỄN HUỲNH NHƯ      | ED2432X2 | 13/09/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 19  | DC2432X581 | NGUYỄN HÀ TÂN PHÁT    | ED2432X2 | 31/10/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 20  | DC2432X595 | PHẠM THỊ THƠ          | ED2432X2 | 06/07/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 21  | DC2432X604 | VÕ NGỌC TIỀN          | ED2432X2 | 19/03/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 22  | DC2432X607 | LÊ BẢO TRÂN           | ED2432X2 | 03/02/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 23  | DC2432X611 | DƯƠNG THANH TÙNG      | ED2432X2 | 14/12/1990 |             |              |              |           |         |        |
| 24  | DC2432X632 | TRẦN TUẤN KHANH       | ED2432X2 | 16/01/2003 |             |              |              |           | CT      |        |

*Tổng số: 24 thí sinh*

*Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT1:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT2:.....*

*Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....*

*Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi*

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: I, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Pháp luật về quy hoạch và giải phóng mặt bằng** Mã học phần: **KL210** Nhóm: **1E01**  
CBGD: **002405 - Châu Hoàng Thân** Số tín chỉ: **2**  
Ngày thi: **14-12-2025** Ca thi: **16g00** Điểm thi: **Đại học Cần Thơ**  
Lớp: **ED2432X3** Phòng thi: **102**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên           | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|---------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC2432X711 | NGUYỄN THỊ NGỌC HÂN | EP2432X3 | 06/07/2006 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | DC2432X713 | LÊ ĐỨC HUY          | EP2432X3 | 17/11/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC2432X715 | NGUYỄN HỮU KHÁNH    | EP2432X3 | 29/10/1997 |             |              |              |           |         |        |
| 4   | DC2432X723 | NGUYỄN THANH PHÚ    | EP2432X3 | 08/08/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | DC2432X800 | TRẦN NGUYỄN KHẢ AI  | ED2432X3 | 29/08/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 6   | DC2432X801 | TÔ MAI BÌNH         | ED2432X3 | 04/01/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 7   | DC2432X826 | VÕ THỊ LỘC          | ED2432X3 | 25/11/1984 |             |              |              |           |         |        |
| 8   | DC2432X827 | DƯƠNG VĂN LUÂN      | ED2432X3 | 15/06/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 9   | DC2432X831 | LÊ THỊ KIM NGÂN     | ED2432X3 | 27/07/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 10  | DC2432X833 | TRẦN QUỐC NGHĨA     | ED2432X3 | 16/05/1992 |             |              |              |           |         |        |
| 11  | DC2432X835 | NGUYỄN YẾN NGỌC     | ED2432X3 | 11/04/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 12  | DC2432X845 | LÊ THANH PHÚC       | ED2432X3 | 19/09/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 13  | DC2432X859 | NGUYỄN QUANG THÁI   | ED2432X3 | 09/10/1997 |             |              |              |           |         |        |
| 14  | DC2432X862 | VÕ THỊ HỒNG THẨM    | ED2432X3 | 30/06/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 15  | DC2432X873 | NGUYỄN THUY TRANG   | ED2432X3 | 08/06/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 16  | DC2432X880 | NGUYỄN PHÚC VINH    | ED2432X3 | 02/03/1993 |             |              |              |           |         |        |

*Tổng số: 16 thí sinh*

*Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT1:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT2:.....*

*Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....*

*Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi*

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: I, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Vận trù học 1 - QLCN**

Mã học phần: **CN208**

Nhóm: **1E01**

CBGD: **002347 - Nguyễn Hồng Phúc**

Số tín chỉ: **3**

Ngày thi: **14-12-2025** Ca thi: **16g00**

Điểm thi: **Đại học Cần Thơ**

Lớp: **ED24D5X3**

Phòng thi: **109**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên              | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|------------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC24D5X500 | NGUYỄN TUẤN ANH        | ED24D5X3 | 23/02/1996 |             |              |              |           | CT      |        |
| 2   | DC24D5X510 | PHAN THỊ HỒNG NHƯ      | ED24D5X3 | 02/01/1996 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC24D5X514 | NGUYỄN PHẠM MINH THÔNG | ED24D5X3 | 10/12/1995 |             |              |              |           |         |        |
| 4   | DC24D5X522 | VÕ THỊ NHƯ Ý           | ED24D5X3 | 14/04/2002 |             |              |              |           |         |        |

*Tổng số: 4 thí sinh*

*Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT1:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT2:.....*

*Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....*

*Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi*